

# HƯƠNG RỪNG CÁI MAU



SƠN NAM



**SƠN NAM**

**HƯƠNG RỪNG CÀ MAU**



## *Chap lời tựa*

*Trong khói sóng mênh mông,  
Có bóng người vô danh  
Từ bên này sông Tiền  
Qua bên kia sông Hậu  
Mang theo chiếc độc huyền  
Điện thơ Lục Vân Tiên*

*Với câu chữ :*

*Kiến nghĩa bất vi vô đồng giá,  
Tời Cà-mau — Rạch-giá  
Cắt chồi, đốt lửa giữa rừng thiêng,  
Muối, vất nhiên hơn cỏ,  
Chường khi mù như sương.  
Thân không là linh thú  
Sao chưa về cố hương ?  
Chiều chiều nghe vượn hú,  
Hoa lá rụng, buồn buồn*

Tiến đưa về cửa biển  
Những giọt nước lia nguồn,  
Đôi tâm hồn cô tịch  
Nghe lắng sâu cô thôn  
Dưới trời mây heo hút...  
Hơi vọng cổ nương bờ tre bay vút  
Điều hò... σ theo nước chảy, chan hòa.  
Năm tháng đã trôi qua  
Ray rứt mãi đời ta  
Nắng mưa miền cổ thổ  
Phong sương mấy độ qua đường phố,  
Hạt bụi nghiêng mình nhớ đất quê...

S.N.

\* Những chuyện này xảy ra vào khoảng 1930-1940. Tên các nhân vật đều tưởng tượng mà ra, nếu trùng với những người có thật thì chỉ là sự tình cờ, ngoài dụng ý của tác giả.

## HÒN CỎ TRON

**Ô**NG Từ Thông ra hòn Cỏ Tron cất chòi mà nương náu không biết từ bao nhiêu niên kỷ rồi. Tóc của ông lốm đốm bạc, khi thì thả dài xuống khỏi lưng quần, khi thì bới thành búi to sau ót, gài lại bằng một cọng gai kim quít. Một bộ quần áo nghĩ cũng hơi dư mặc đối với ông ! Nhiều khi năm ba tháng liền tiếp ông phơi lưng trần với nắng, bên mấy gốc sắn đá cổ thụ, lá cành xơ xác vì những cơn gió triền miên của biển khơi. Khi trời nực thì có những khe suối trong veo đón mời. Ông cứ ung dung mà uống, mà tắm một cách tự nhiên, vô tình khuấy rối giấc mơ của đàn bướm trắng đang xao động bay lên đập chồn như muốn rời mấy nhánh mai hoẵng lơ thơ cúi nghiêng mình chấm mí nước... Hôm nào cho bằng hôm mười bốn, hôm rằm ! Ông Từ Thông ra sau rẫy, đào lên củ khoai môn to lớn, đem luộc chín. Ngồi trên võ cầm thạch, ông chậm rãi ăn buổi chiều, thỉnh thoảng rút từ miếng khoai, thấy xuống nước. Loài cá nhỏ bu lại nhón nhờ mỗi con khoe một vẻ riêng. Tận dưới đáy biển, loại sò, loại ốc, loại nhum đang há miệng, le lưỡi bò chậm

chập trên nền đá tím nổi gân vàng, trên nền đá vàng nổi gân trắng. Hoàng hôn tràn tới chính là lúc cảnh vật dưới nước ngời lên, hồng mây phản chiếu lấp lánh như gấm. Đêm về, trăng mọc. Nơi thủy cung rộn rịp nào kém chốn trần gian ! Tềng đọt rong chìm lững lơ mơn trớn, khoe thêm lớp xiêm lụa mỏng cho bày cá hương. Và muôn vì sao trên dãy Ngân Hà sa xuống đậu lấm tẩm khắp nhánh san hô trắng bạch.

Ở hòn Cỏ Tron giữa vịnh Xiêm-la này, ông Từ Thông cơ hồ quên cả loài người và loài người cũng hầu như quên rằng mình có một đồng loại ở ngoài mõm đá chơ voi kia. Điều ấy, chúng ta không nên trách ai cả, chẳng qua là... hải giác thiên nhai. Không lẽ ông phải vượt bốn mươi cây số đường biển để tới công sở Lai-sơn, bên Hòn-rái mà trình diện. Chính quan chủ quận châu thành Rach-giá còn ngần đi kinh lý đến làng Lai-sơn ! Từ định quận của ông đến công sở làng ít nhất cũng là năm chục cây số đường hải đạo mệnh mông sông cồn. Mấy chiếc «ca-nốt» oai hùng trong sông rạch chỉ là cái vỏ trứng vịt giữa biển. Nhà nước thuộc địa nào chú ý đến việc cung cấp tàu đồng, tàu sắt để quan chủ quận đi cai trị dân ! Không lẽ ông quận lại cỡi ghe bầu hàng trăm cây số. Và lại ghe bầu nào phải như chim trời mà bay thẳng một đường ngay. Ghe chạy theo đường gãy. Ngoài biển khơi, đường gãy là đường gần nhất giữa hai điểm cách nhau ; cái khoảng gần trăm cây số trên kia kéo dài gấp ba, gấp bốn.

Năm ấy, tháng ấy, ngày ấy... ông Từ Thông bỗng nghe chút gì bấn khoản, rạo rục trong lòng ông và ở ngoài đời. Từng đàn chim sắt đen ngòm như bầy quạ bay lượn quanh hòn Cỏ Tron, rú lên, rít lên, lấm lức như toan đáp xuống, đột nhiên đảo ngược, đi thẳng một mạch



khuất trong mây khói.

Bữa nay họ làm cái gì vậy cả ?

Ông Từ Thông hỏi há trên lên chót đá mà ngóng. Hương Nam, hương Tây, hương Bắc không có gì lạ. Duy có hương Đông : kia, sừng sông dưới ánh nắng mai năm ba hòn đảo nhô lên, những hòn đảo mới lạ. Ông trở mắt, liên tưởng đến phép đội non lấp biển rất nhiệm màu của tay Thọ Trời khéo léo. Không thể làm lần được ! Hồi nào đến giờ, ông rất sành sỏi về vị trí mấy hòn đảo nhỏ ền ngữ chung quanh đây. Từ hòn đảo mới nổi ấy, một đốm trắng ngời, một chiếc « ca-nốt » rồi hai chiếc, ba chiếc đang rẽ sóng chạy phăng lại nơi ông đang ở. « Tự năm bảy năm nay, mình chưa mất lòng một con sấu, một con kiến, không lẽ bây giờ có kẻ báo oán mình ? Oán nào đã gây ra mà báo ? ». Nghĩ vậy, ông trở xuống châu hòn sát mé biển, chờ đợi.

Chập sau, mấy chiếc « ca-nốt » xáp bờ ; họ đưa tay ngoắc ông.

Người Việt-nam nọ lên tiếng :

— Ông già ! Lại đây quan lớn hỏi.

Ông Từ Thông nhìn năm sáu người mặc võ phục trắng đứng gần thầy thông ngôn.

Mấy người mặc võ phục nói riu rít. Ông đoán đó là « tiếng Tây ».

— Ông già ! Đây là Bu-lô-đa-ma ?

Ông đáp :

— Dạ không biết. Nó là hòn Cổ Tron. Chung quanh đây là mười hòn nhỏ khác. Không có nơi nào kêu là hòn Đa Ma...

— Vậy thì nó là hòn Nam Du, trong bản đồ ghi rõ đường hoàng. Ông nói kỳ quá !

Ông Từ Thông lắc đầu :

— Dạ, lời thật khai ngay. Tôi không biết. Xung quanh đây là hòn Mấu, hòn Dài, hòn Cỗ Sơn, hòn Móng Tay.

Chập sau, thầy thông ngôn mới đồng ý :

— Đúng vậy. Bu-lô-đa-ma hoặc hòn Nam Du là tên theo sách chữ nho, theo nhà binh. Hòn Cỗ Tron là tên tục của nó. Nè ông lão ! Quan lớn ra lệnh như vậy...

— Bẩm thầy, quan lớn là người của nước nào, tôi chưa rành.

— Ông giỡn sao chớ ? Hay là ông ngu mê ? Cỗ này, nhà nước thuộc địa Tây đánh với nước Xiêm.

— Bẩm thầy, đánh ở đâu ? Tôi chưa được am tường.

— Đánh tại nước Cao-miên. Đánh luôn tại Bu-lô-đa-ma tức là cái hòn Cỗ Tron này.

Ông Từ Thông cau mày :

— Mô Phật. Cầu xin Phật Trời...

Thầy thông ngôn đặc ý :

— Không sao đâu ! Hễ làm con dân thì phải gánh vác nghĩa vụ. Quan lớn muốn biết hôm rày có tàu bè lạ nào chạy tới đây dò thám không ?

— Dạ không thấy.

— Hòn này bao nhiêu dân đinh ?

— Bẩm thầy, có một mình tôi thôi. Còn mấy hòn gần đây, tôi không rành. Chắc là năm bảy người, toàn dân «An-nam» mình.

— Được, thôi bây giờ quan lớn muốn ông kiếm đùm trái cây, nước ngọt. Rồi quan lớn cho chút ít tiền... Thời buổi này ông nên xài phí. Việc sống chết bất thường lắm.

Có lẽ sợ ông Từ Thông trốn luôn trên chót hòn nên thầy thông ngôn đi theo sát bên ông, sẵn sàng giúp ông quảy mớ chuối, mớ mít. Trước lạ sau quen, ông Từ Thông hỏi dò s ơ qua về tình hình trong bờ :

## HÒN CỔ-TRON

— Trận giặc này không biết dân « An-nam » mình hao nhiều không thầy ?

— Hỏi làm chi vậy ? Ở đây yên thân già của ông rồi. Nghe nói dân miệt Hốc-môn, miệt Long-hung.. nhộn dữ lắm. Tây không muốn nói chuyện đó.

Một mối buồn len vào tâm não ông Từ Thông. Ông nghe gió thổi bốn bề, lạnh lùng. Lương tri như rục sáng nhắc nhở ông món nợ gì đối với đồng bào giang sơn. Không giúp nước được thì ít ra ông cũng cần biết những gì xảy ra đau buồn trong nước. Cây có cội. Nước có nguồn. Chim có ổ. Cá có hang. Đôi mắt già của ông Từ Thông ngẩn ngơ nhìn muôn lớp sóng cồn. Chân trời u ám, mấy đám mây tang bay thấp là đà... Ông hổ thẹn, tủi bầy phận mình không bằng con đĩ quyền đêm hè kêu khấc khoải.

Thầy thông ngôn nói to khiến ông giật mình :

— Quan lớn đi về. Ông muốn xin điều gì, vật gì không ? Ông tử tế lắm.

Ông Từ Thông chấp hai tay ra về cung kính :

— Tôi muốn vô trong đất liền, miệt Rạch-giá hay Cà-mau gì cũng được để thăm bà con. Nhờ quan lớn cho giấy phép chờ thời buổi chiến chinh này.. Tôi không có giấy thuê thân, hỏi nào tới giờ.

Vị quan hải-quân gật đầu. Thầy thông ngôn viết lia lịa rồi vị quan ký tên. Ông Từ Thông cầm miếng giấy thông hành hộ mạng nợ, vô cùng mừng rỡ :

— Chúc quan lớn đi bình yên. Mà... quan lớn chạy «ca-nô» về đâu.

Thầy thông ngôn nói :

— Về tàu lớn. Mấy chiếc tàu binh... của tôi sơn có vằn có vằn. Ông không thấy sao ? Họ sơn tàu lại cho giống cái hòn giữa biển. Hỏi sáng tối tôi bỏ ống dòm thấy rõ ràng ông đứng trên chót hòn này. Nhờ vậy mà ông khỏi

bị bắn. Ban sơ, quan lớn tưởng đâu hòn này là chiếc tàu binh của kẻ nghịch. Ông hiểu chớ ?



Chưa vô tới bờ chợ Rạch-giá là ông Từ Thông cảm thấy cuộc đời đảo ngược, từ địa vị hoàn toàn tự do đến chỗ mất tự do. Ông trung thành với đất nước nhưng cơ sao đất nước đối xử với ông quá bạc bẽo, ghẻ lạnh ? Từ hòn Cỏ Tron, ông quá giang tàu buôn Hải Nam đi một mạch tới hòn Tre, nhờ chiếc ghe câu kiều đưa vào chợ. Dè đâu tàu của số « đoan » xét hỏi. Miếng giấy thông hành nọ bị hồ nghi là giả mạo vì không có đóng mộc, vì đương sự không có giấy « lão » chứng tỏ rằng tên họ của mình đúng như trong giấy phép. Tàu « đoan » chở ông về giao cho ông cô Tây. Giam giữ ông được hai ngày, ông có phụ nội vụ qua dinh quận. Ông quận vốn là người mộ đạo Phật nên cho phép ông Từ Thông được tự do đi dạo chợ. Ông Từ Thông bày tỏ lý do :

— Dầu muốn trở về hòn Cỏ Tron, không dễ gì kiếm được ghe xuồng mà quá giang. Gió thổi Nồm rồi. Phải chờ mùa Bắc...

Dạo chợ mấy buổi, ông Từ Thông phát chán. Cầm mấy cắc bạc (của ông chủ quận cho) ông không biết nên mua sắm, ăn uống những gì. Rốt cuộc, ông mua tiền xu khoai môn mà ngồi ăn ngon lành nơi góc chợ. Còn dư, ông vào tiệm hàng xén mua nhang, đèn cây đèn về cúng bà Chúa Hòn mặc dầu ngoài hòn không có chùa miếu gì cả. Ông cũng thích chí sực nhớ lại mua vài cây kim, nửa cân đường cát trắng.

Nhiều lần quan chủ quận viết thư qua bót ông cô hỏi thăm nhưng không được sự giải quyết nào dứt khoát. Chẳng lẽ giam giữ ông Từ Thông mãi mãi ? Nhìn vào bản đồ vịnh Xiêm-la, ông quận nảy sanh ý kiến :

— Hòn Cổ Tron tuy thuộc quận châu thành nhưng nằm gần phía làng Đông-hưng, quận An-biên. Ngày năm tây tháng tới, ta đón thầy xã trưởng Đông-hưng mà gởi ông đạo này.

Rừng của làng Đông-hưng âm u quá, khó mà nhìn ra xa quá vài công đất để tìm lại chân trời chạng vạng là un khói lên, không như hồi ở ngoài hòn Cổ Tron, hồi ông ngủ trên không cần mừng, mền. Thầy xã trưởng giao trách nhiệm gìn giữ ông cho thầy hương quản. Thầy hương quản lại đồ gánh nặng ấy cho người em vợ là hương tuần Hay.

Người giam giữ và người bị giam giữ lẫn hồi cảm thông nhau. Chú hương tuần lo đặt rượu đế. Ông Từ Thông đi cắm câu, kiếm «mồi» về nhậu.

— Ở đây vui quá phải không?

Ông Từ Thông gật gù :

— Không được vui lắm. Coi bộ bà con mình nghèo hơn ở ngoài hòn Cổ Tron của tôi. Áo quần không có. Mình mấy bị ghê khuyết ăn lở lói thâm niên. Nhà cửa xiêu vẹo, nay ở mai dời... Chắc là tại giặc Xiêm.

Hương tuần Hay trả lời :

— Giặc đâu không thấy. Người ta đánh mà mình chịu cực mới đau thương cho chớ ?

— Buồn quá chú hương tuần à.

— Hồi đầu mà buồn. Xứ này chịu cảnh này không biết từ hồi nào, từ hồi chưa có giặc Xiêm lặn. Riết rồi quen, yên tịnh.

Ông Từ Thông thích chí :

— Thì ở ngoài hòn Cổ Tron của tôi, tư bề sóng gió nhưng mà cũng yên tịnh. Có sao ? Vì chung quanh có hàng chục hòn khác án ngữ. Tôi là người chạy giặc, vô trong đất liền này thăm bà con... Nhưng mà cũng yên

tĩnh. Nhờ bà con thương tình.

Ngày tháng trôi qua đều đều. Hôm ấy, không nhớ rõ hôm nào, thầy hương quản đọc báo Lục Tỉnh Tân Văn biết được tin trận giặc Xiêm đã chấm dứt. Tây và Xiêm dường như thủ huề. Thầy tự ý ra lệnh trả tự do cho ông Từ Thông.

Ông Từ Thông ngạc nhiên :

— Tôi bị giam hồi nào ?

— Ông chủ quận biểu tôi giữ ông lại để làm tù binh, chờ mãn giặc mới thả ông về Cổ Tron.

— Về thì về, không sao đâu — Ông lắm bẫm,

Thầy hương quản hỏi :

— Hồi bị giam, ông có đồ đạc gì bị tịch thâu không ? Tôi kêu nài giùm.

— Vài ổp nhang, đèn cầy, kim may quần áo, đường cát trắng... Nhưng mà thôi. Ở ngoài, dầu không có mấy thứ đó... nhưng cũng như có.

Gặp dịp thuận tiện, thầy hương quản tìm nghe cho ông qua giang ra hòn Sơn Rái.

Ông ra đi, hơi buồn.

Dư luận trong xóm nổi lên bàn tán. Người cho rằng ông muốn truyền bá một thứ tôn giáo mới, thì dụ như « đạo Tịnh » bằng cứ là ông ưa nói hai tiếng yên tĩnh. Kể khác hồ nghi rằng ông ở Côn-nôn thả bè vượt ngục trốn về.

— Nè cha nội sành sỏi lắm ! Cây đèn « mần sông » của Chệt Ky hu « béc » đốt không cháy, vậy mà cha nội sửa lại được trong nháy nháy...

Lại còn nhiều giả thuyết khác ác độc hơn, cho rằng ông thường lân la mấy nhà có đàn bà góa, gái tơ, vân vân...

Nhưng thời gian là vị trạng sư hùng biện nhưt thanh minh cho ông Từ Thông. Dư luận bất chánh bị đánh tan,

lãng quên. Ký niệm lần lần trở nên trong sáng, tươi đẹp. Chiều chiều, khi ra bờ biển để câu cua, đầy xịp, người ta nhớ ông Từ Thông như nhớ một cái vỏ ốc xa cừ ngũ sắc tấp vào bãi bùn. Như nhớ vài trang sách Phong Thần tình cờ lượm được trong ngăn tủ bỏ quên, những trang sách rách nát hơi khó hiểu vì thiếu hồi thứ nhất và không có hồi sau phân giải.



## ÔNG GIÀ XAY LÚA

**T**Á Y cai trị xứ mình. . đem lại nhiều cái hay nhưng cũng có lắm điều dở, phải không chú phó hương quản ?

Chú phó hương quản ngạc nhiên, chưa dám trả lời. Đây là lần đầu tiên mà chú nghe cậu xã Nê tuyên bố lạ lùng như vậy. Cậu xã là người thanh niên độc nhất ở U-minh làng Đông-thái này thi đậu bằng cấp tiểu học, học trường của nhà nước ở chợ. Nhiều lần, cậu xã giải thích riêng cho chú hiểu : tên Nê của cậu do chữ Tây Rê-nê, Rê-nê gì đó mà ra. Chính cậu xã phổ biến cách chào hỏi mới, bắt tay «búa xua» với ông đại hương cả. Mỗi kỳ đi hầu ông Đốc phủ sứ chủ quận, cậu xã Nê không mặc áo dài, đội khăn đóng như mấy ông hương chức khác. Cậu diện áo bành tô, cổ thắt «cà ra quách». Lại còn một việc lấy lung khác, thiên hạ đồn phong phanh chứ chú không chứng kiến tận mắt : năm ngoái, lúc ông Chánh soái đi tàu tới Cạnh-đền mang theo sắc thần của Bảo Đại phong cho hoàng tử Cảnh, cậu xã Nê bắt tay «búa xua» với ông Chánh soái, rồi «bật» tiếng Tây rôm rốp khiến quan Đốc phủ sứ, mấy thầy thông thầy ký và tất cả hương chức hội



tê các làng trong quận đều khám phục...

Cậu xã Nê nhắc lại câu hỏi khi nấy :

— Phải không chú phó hương quản, Tây cai trị đem lại lắm điều dỡ, chú nghĩ coi.

— Điều gì vậy cậu ? Tôi thiếu hiểu.

— Cờ bạc lộng quá. Dân mình như tự do cờ bạc suốt năm. Ở chợ Ngả Năm, ở chợ Xẻo Rô, nhà « xẹt » đòng nghệt dân nghèo.

Chú phó hương quản suy nghĩ, giải thích :

— Tại cái máu cờ bạc. Dân miệt này toàn là người lữ xứ tới làm ăn. Họ cờ bạc không cần ăn thua, cốt để khuấy khỏa nỗi nhớ nhà.

— Không phải đâu ! Tại họ ở không, quanh năm chỉ làm một nghề ruộng hoặc một nghề đồn củi. Thiếu tiêu công nghệ...

— Thưa cậu, tiêu công nghệ là cái gì ?

— Là thuộc da, dệt chiếu, may quần áo... Làng mình không có thứ tiêu công nghệ nào để cầm chun họ.

Vùng rừng bùn lầy, khai thác chưa xong, làm sao nói đến tiêu công nghệ ? Chú phó hương quản mãi lục soát trong trí nhớ. Làng gồm bốn ấp, tháng Tết rảnh rang, ai nấy bỏ nhà đi chơi. Ấp Đông-bình, sát mé biển chuyên về chài lưới ; thường thường mấy tay khá giả ở đó đi ghe ra chợ Rạch-giá đánh me, đánh vố. Hết tiền thì họ ngồi nhà mà đờn ca vọng cổ hoặc nói chuyện tiêu lâm. Hồi mừng ba Tết, chú phó hương quản đến đó một lần, họ kéo chú lại bắt ép uống rượu đến say mềm rồi mới chịu thả ra. Vui quá ! Lại còn « ông Năm xây lúa » từ ngoài hòn Cổ Tron vào xây lúa mướn ! Thiên hạ bao vây ông, hỏi han rối rít. Cái ông già này mới cử khôi, đứng xay từ hừng sáng tới mười giờ đêm mà không nghỉ tay, sắc mặt luôn luôn tươi rói. Bất chấp Tết nhứt, ông ra nghề từ

bữa mừng bốn, xay lúa rỗng rã tới hôm nay, ai cần thì cứ gọi ông đến cho vui nhà vui cửa.

Chú phó hương quản nói :

— Ở xóm biển có người chuyên môn xay lúa mướn. Đó là tiểu công nghệ, phải không cậu ba ?

Cậu xã Nê gật gù :

— Không phải,.. nhưng mà có còn hơn không. Ai xay vậy ?

— Dạ, ông Năm ở hòn Cỏ Tron mới vô.

Nghe qua, cậu xã như bị điện giật, nháy nhồm, sáng mắt lên :

— Chú nói sao ? Hòn Cỏ Tron à ! Thiệt không ?

— Dạ, thiệt chứ.

— Trời đất ơi ! Mấy năm rồi tôi muốn biết cho rành cái.. tụi người đó. Kỳ cục lắm kia. Tôi thấy tận mắt một lần mà còn nhớ, còn giận hoài. Họ ở trường.

Chú phó hương quản ngạc nhiên :

— Sao lạ vậy cậu ? Ông già này.. có hạn quản. Hằng năm mùa Tết ông vô đây xay lúa mướn. Qua tháng mưa, ông thất nghiệp trở về hòn ; ông đui hết một con mắt, nói chuyện sành sỏi, nghe ngộ lắm.

— Đây là lần thứ nhì tôi gặp họ... Nếu không ở trường thì họ cũng mang vô đây vài phong tục lạ lùng. Chú đốt đuốc mau. Minh đi kiếm ông nói chuyện... Dịp may hiếm có.

Con trăng đêm hai mươi lăm u ám quá ; hai thầy trò đốt đuốc soi đường. Mùa hạn, đồng trống hoang, cây cỏ héo cằn, con rạch khô cạn. Đi bộ trong lòng rạch đã mát chân lại được bảo đảm nạn rắn rít.

Gió biển hiu hiu, hơi lạnh như gió bắc, muối bay thừa thớt từng con bên cây đèn tọa đẳng, tuy vắn tìm lên cao nhưng mãi lu cậm vì ống khói không chùi sạch. Ông

Năm nắm tay vào giàn xay, đưa tới lui. Thớt cối quay tròn, lúa phun ra kêu rò rò, vang đều đều, mãi rồi sanh nhảm tai, buồn ngủ, cơ hồ không có. Kế bên ông Năm, đờn kim trời giọng, không na ná tiếng gà mổ vào nia. Đờn « ghi ta » hòa theo, tuy nhanh nhưng buông rở rệt từng giọt đồng, kém dồn dập hơn giọng đờn ở bên Tây-ban-nha tuyệt vời. Bãi biển sinh lay của vịnh Xiêm-la chứng tỏ đủ năng lực hấp thụ và đồng hóa những gì xa lạ !

Năm ba bạn bè đang nghe bài Tây Thi quốc sự, nhắc gương chiến đấu của nhà chiến sĩ quốc gia Phan Châu Trinh. Mấy chai « ắp xanh » « con cọp đen » rượu rùng... lần lần cạn. Tuy bận rộn xay lúa nhưng ông Năm vẫn lắng nghe, thưởng thức. Bỗng có kẻ chạy vào như tên quân trong tuồng hát bội, cấp báo

— Thầy xã với phó hương quảo tới. Nghe không ! Hai chả đốt đuốc... lặn hụp giữa ruộng này giờ. Tôi thấy rõ ràng.

Ai nấy ngưng đờn ca. Ông Năm vẫn xay lúa rò rò... Họ vừa nói vừa cười, cãi cọ qua lại một cách thân ái :

— Mấy chả gan mật cùng mình sao kla ! Hồi nào tới giờ họ chưa đặt chân tới xóm mình. Chắc có chuyện gì, mình ăn thua đậm.

— Nói bậy đi. Hễ không tới thì chê người ta nhát, kiêu căng. Bây giờ người ta tới thì công kích. Thầy xã này là người có âm đức. Ba của thầy, chú của thầy, hồi đó hiền lắm.

— Hiền đâu không thấy, chớ tôi hồ nghi mấy « chả » toan xét giấy thuế thân đăng mà dẫn mặt tụi mình.

— Tết mà, thầy đâu dám. Tôi nghi thầy làm « ăn-kết » dân lạ mặt, thí dụ như ông Năm xay lúa. Minh cứ trả lời rằng đã triah điện ông với ông chủ ấp. Chủ ấp của mình bữa nay lại đi vắng, để nói dốt quá, đâu có mặt mà

đôi chổi. Nè Ông Năm! Ngừng tay lại, nghe tôi dặn: Lát nữa, ai có hỏi, ông làm bộ như cảm, như điếc. Nói chuyện nhiều, nguy lắm. Ông có «giấy lão» không?

Ông Năm nói:

— Không có giấy tờ gì hết. Tôi tàn tật hư một con mắt mà... Muốn dẫn tôi đi đâu cũng được... Theo lẽ, nhà nước phải nuôi tôi, nữa kia.

— Cha này coi vậy mà gan ta!

Ánh đuốc sáng loè trước cửa. Ai nấy lặng im. Chú phó hương quần dập đuốc xuống đất để dụi tắt. Cậu xã Nè bước vào, trong khi Ông Năm mãi xay lúa rờ rờ.

Cậu xã tươi cười, khoát tay như bảo ai nấy cứ ngồi xuống, đừng đứng dậy chào.

— Được! Được! Phiền bà con quá. Tết năm nay đầy đủ không? Đón dịch vui quá hả? — Thầy nói.

Một người đáp lại:

— Dạ, nhè... «bà cậu» nên năm rồi cũng khá, tạm đủ tiền xây xài.

Chú phó hương quần lờm mọi người:

— Bà con ăn nói vô ý tứ quá. Tại sao nhờ «bà cậu». Phải nhờ người này người kia chớ. Còn ông già kia sao xay lúa hoài vậy? Nghỉ một chút để người ta nói chuyện. Bữa nay cậu xã tới...

Cậu xã ngắt lời:

— Ông xay để ông xay. Nếu dân mình ai nấy đều siêng năng như vậy thì quý lắm.

— Dạ đó là ông già Cỗ Tron mà tôi nói hỏi nãy với thầy.

Cậu xã hơi phật ý vì thái độ quá sốt sắng của người cộng sự:

— Chú phó hương quần để mặc tôi. Tôi không muốn làm rầy ông.

Rồi giọng thầy ôn tồn :

— Ông ở hòn Cổ Tron hả ! Làm gì sanh sống ở ngoài ?

Ông Năm ngừng tay, trả lời :

— Dạ, tôi đốn cây sắn đá để làm cối giã gạo, bán cho bà con trong bộ này.

— In là ông hư một con mắt ?

— Dạ bẩm, tôi tàn tật từ hồi còn nhỏ chớ không phải vì nghề... cầm búa.

Một người nói tiếp như muốn chứng minh sự lương thiện của ông Năm :

— Thưa thầy, ông giỏi lắm. Nghèo là tại trời... vậy thôi ! Cây sắn đá ngoài hòn Cổ Tron hèn tới thiên niên. Cối bằng sắn đá giã gạo mau trắng, nhịp chày vô nghe bon... bon như tiếng chuông đồng. Ở nhà đằng kia, còn một cây cối thứ đó.

Cậu xã gạt đầu :

— Đó là liễu công nghệ, nghe không chú phó hương quản.

Rồi cậu ngấm nghĩa ông Năm. Nỗi thắc mắc của cậu vẫn chưa giải tỏa. Không lẽ dân ở hòn Cổ Tron lại siêng năng, khéo léo, hiền hậu tới mức này. Day qua mấy cây đờn, mấy chai rượu, cậu như hồi hận :

— Bậy quá ! Làm lỡ cuộc vui chơi của bà con anh em. Thôi « làm » một bản vọng cổ nghe coi ! Lựa thứ nào văn chương hay một chút.

Vọng cổ mà văn chương hay ! Họ rao sơ sơ rồi bắt đầu :

— *Ác ngậm non Đoài, ngọn gió Đông Nam nó thổi đưa mặt nhợt hồi về nơi Tây Bắc...*

Anh ca sĩ ngạc nhiên, tức tối vì tình hình cậu xã dơ tay lên, ra dấu hiệu chặn lại. Thiết không đúng « điệu » ! Hay là cậu hồ nghi câu hát này ẩn ý chuyện quốc sự, sấm

truyền ? Hồi lâu, cậu xã mới nói :

— Câu hát khó hiểu quá ! Rắc rối mà lại vô duyên. Anh ca sĩ cãi lại :

— Thưa cậu, đó là tả cảnh chiều, gió thổi nhẹ nhẹ mặt trời sửa soạn lặn... Bài này trích trong cuốn vọng cổ Bạc-liêu bán tại chợ Rạch-giá.

— Tôi hiểu... Bài ca lãng nhãng quá, trật sách về khoa học. Tại sao, mọc ở Đông Nam rồi lặn ở Tây Bắc ? Anh ca sĩ nhìn qua ông Năm như cầu cứu. Cậu xã noi, cố ý :

— Ông già xay lúa này cắt nghĩa thử coi. Tôi nói câu hát trật văn chương mà !

Ông Năm vừa xay lúa vừa nói chậm rãi :

— Dạ, lệ thường mặt trời mọc hướng Đông lặn hướng Tây. Nhưng gần sa mưa hay gần Tết thì mặt trời đi xéo. Vì vậy ngày và đêm không đều « tháng năm chưa năm thì sáng, tháng mười chưa cười thì tối ». Từ Đông Nam hồi về Tây Bắc, tức là bài ca vọng cổ muốn nói lúc tháng mười ; ngọn gió đó là gió Tết. Mặt trời ít khi đi ngay hướng Đông Tây, thưa cậu.

Cậu xã Nè hoảng hồn vì dường như ông già xay lúa nọ nói đúng, đúng theo cuốn sách địa lý mà cậu đã học. Nhìn nhận rằng ông nói đúng thì e mất thể diện mình, cậu đánh trống lảng :

— Ông học điều đó ở đâu vậy ? Ai dạy ông ?

— Dạ, không ai dạy hết. Tôi nghiệm ở hòn Cổ Tron. Ở ngoài buồn lắm. Tối ngày, tôi coi mặt trời mọc, mặt trời lặn cho khuây khỏa. Điền đó, lần lần tôi hiểu được, không rõ hồi nào.

Cậu xã Nè hơi tức giận. Chú phó hương quản nãy giờ ngồi im lại nói :

— Ông biết cái gì ông ơi ! Hòn Cổ Tron là nơi que

mùa, còn tệ hơn quê mùa nữa kia ! Dân hòn Cỏ Tron chuyên mua ở trường, đàn ông đàn bà gì cũng vậy, cậu xã của tôi biết rõ.

Anh em đừng ca cảm thấy áy náy vì bầu không khí hơi bất hòa. Họ muốn an ủi cái thể diện của cậu xã mà họ không hề thù oán. Sản câu nói này, họ đồng hồ trả lời :

— Cậu xã hay quá ! Ở ngoài hòn Cỏ Tron có gì lạ vậy cậu, tui tôi chưa biết. Ông Năm xay lúa mới ra hòn lúc sau này, chắc cũng chưa biết. Xin cậu noi lại cho tui tôi nghe.

Thích chí, cậu xã Nê thuật lại :

— Năm đó, hồi còn nhỏ mỗi ngày tôi đi học, từ nhà muốn tới trường thì phải quẹo ra sân banh sát mé biển chợ Rạch-giá. Bữa đó, hừng sáng, dân chài lưới la hoảng chạy về báo với ông cò Tây. Tôi tới hồi xem : rõ ràng trên bãi biển có hai người đờn ông, hai người đờn bà nằm dài lim dim coi mắt, miệng chum chím cười. Họ ở trường đồng đồng ! Chập sau, thầy đội mã tà ra tới. Thầy kêu mấy người đó. Họ không trả lời. Thầy ra lịch cho bọn họ ngồi dậy. Họ nuốc nhích rồi nằm yên. Có người bàn « Chắc họ bị chìm ghe ngoài biển khơi trôi tấp vào đây, dọc đường họ cởi quần áo để thân thể nhẹ nhàng, tiện bề bơi lội. Họ ở xa lắm, không chừng ở ngoài hòn Cỏ Tron ». Nghe qua, họ vẫn chum chím cười. Tiếng đồn ngày một lẹ, mấy người ở chợ kéo nhau đến nghệt tới mé biển mà coi cho rõ hư thiệt. Ông cò Tây hoảng sợ, thầy đội mã tà cũng hoảng sợ. Làm sao giải tán được ? Làm sao che giấu chuyện ở trường đó được ! Sau rốt, ông cò Tây bèn sai lính mã tà qua chợ mua bốn chiếc chiếu đem xuống mé biển, phát cho mỗi người một chiếc. Chiều họ quẩn chung quanh mình rồi lên bờ. Họ không trả lời

Mấy người mã tà bắt buộc họ đứng chính giữa, rồi căng chiếu ra che bốn bên, dẫn họ về bót. Họ bằng lòng đi. Cái cảnh lạ lùng quá, như công chúa ngày xưa đi tẩm có tỳ nữ che rèm bốn bên.

— Hay quá vậy, cậu xã. Nói tiếp nữa đi.

Cậu xã nói tiếp :

— Ông cò không chịu chứa mấy ông bà ở hòn Cồ Tron này trong bót, e xui xẻo. Ông ra lệnh giam họ bên nhà việc làng Vĩnh-thanh-vân. Mấy ông hội tề đành giam giữ họ.

— Rồi họ chịu bận quần áo không ? Có người hỏi.

— Chịu chứ sao, không chịu. Hương chức làng xuất tiền công nho, may cho mỗi người một bộ vải xiêm áo. Họ cười, không nói không rằng, ra về.

Rồi cậu xã kết luận :

— Đò, mấy người ở hòn Cồ Tron theo tôi thấy rõ ràng thì như vậy đó. Ông năm xay lúa nghĩ sao ?

Ông Năm mỉm cười, trả lời rằng không biết. Chú phó hương quân nói :

— Hồi đó, chắc ông già này có tham dự quá !

Ai nấy cười rộ. Cười để làm thỏa mãn lòng tự ái của cậu xã, hòng chấm dứt câu chuyện cho đúng lúc.

Cậu xã, chú phó hương quân đốt đuốt ra về.



Ông Năm lại tiếp tục xay lúa. Ông nói :

— Tôi không biết cái chuyện ở trường này ! Chẳng qua là thiên hạ hiểu lầm hòn Cồ Tron. Mấy người ở trường nào đã tự xưng quê quán, danh tánh. Như cậu xã nói, họ im lìm từ hồi đầu mùa kia mà ! Cậu xã nói thiệt chứ không nói dóc đầu.

— Vậy thì vụ đó là vụ gì ?

Vụ này tôi nghe nhiều lần, phong phanh. Tôi hồ



## ÔNG GIÀ XAY LÚA

nghe đó là mưu mô của mấy người nào ở gần chợ Rạch-giá. Vì thiếu quần áo—nên nhờ là năm đó đồ khổ lắm, họ liền thân làm xấu để xin quần áo của nhà nước. Nhà nước sợ họ: họ đã thành công. Để đi làm mượn một buổi sáng mà sắm được bộ quần áo, hồi năm quần bao áo bố đó!

Ai nấy khen ngợi:

— Ông Năm cắt nghĩa hay quá!

— Tôi nhắm chừng vậy thôi. Người trong cuộc, họ hiểu rõ sự thật hơn tôi. Họ không nói gì thì làm sao mình biết; sự thiệt nó im lặng, không có lời nói. Bây giờ chắc họ cũng không muốn nói ra, e bị ở tù về tội gạt hương chức làng.

— Vậy mình cũng nên kêu cậu xã trở lại, nói cho cậu nghe. Cắt nghĩa như vậy chắc cậu chịu lắm mà lại còn phục tài người ở hòn Cổ Tron như ông đây.

Ông Năm lầm bầm:

— Đừng kêu trở lại nữa chừng; ban đêm, cậu hồ nghi. Để cậu về ngủ. Khuya, gió lạnh lắm. Mà chưa chắc cậu chịu nghe. Nhưng không sao. Năm mươi năm nữa, chừng tóc bạc hoa râm, cậu hiểu một mình, không cần ai cắt nghĩa. Muộn gì!



## CÂY HUÊ XÀ

**C**ÂY huê xà là thứ cây gì ? Hình dáng ra sao ? Có thiệt hay là bịa đặt ? Nó có lợi hay là có hại cho loài người ? Bao nhiêu câu hỏi ấy đồn dập, lẫn quẩn trong trí thẳng Lợi hằng năm nay mà nó không tài nào trả lời nổi.

Cây huê xà vốn là vị thuốc chánh trong toa thuốc ngừa rắn của ba nó. Nhờ đó mà đi đến đâu người ta đều khâm phục ; ba nó nổi danh là thầy Hai Rắn. Được nổi danh là một chuyện khó vì lẽ ở vùng Rạch-giá, Cà-mau, thầy rắn xưa nay cũng nhiều người tài. Họ có thể cứu sống nạn nhơn, bảo đảm trăm phần trăm, nếu người bị cắn không đề lâu quá hai giờ đồng hồ. Họ dùng toàn là thuốc Nam để kiếm như gừng, cỏ ống, vôi, trầu, nhựa ống điếu, trứng rệp... Họ lại còn dám nuôi trong nhà vài con rắn để bắt chuột. Lúc họ uống nước trà, rắn nằm vắt vẻo trên đôn đồng nhà, nhìn xuống gục gặc đầu. Đêm nào có trăng thì rắn đi ngao du, lên tận trên đọt lá dừa để bắt chim trong ổ hoặc rình mồi mấy con dơi rượt muỗi bay qua chớp nhoáng.

Ba thẳng Lợi nổi danh hơn các thầy rắn vừa nói trên.

Thuốc của ba nó vô viên sắn, khỏi tốn thời giờ tìm kiếm. Thuốc ấy mạnh lắm, trừ tuyệt nọc, nghĩa là một hai năm sau đi nữa bệnh như không cảm thấy như xương sống mỗi khi lập đông trở về. Phi thường nhưt là cộ toa thuốc khi thoa vào tay, rần không bao giờ dám mỗ.

Hồi mới xuống rạch Thuồng Luồng này, ba nó đã có lần thí nghiệm cho các thầy rần trong xóm coi thử.

Ba nó — thầy Hai Rắn — loan tin :

— Tôi có bùa bắt rắn. Bùa này của Phật Thầy Tây An ở núi Sam truyền lại.

Ai nấy phản đối :

— Nói dóc ! Chân ướt chân ráo mới tới xứ này mà không đề cho người ta thương ! Phật Thầy Tây An xưa kia bao giờ làm bùa bắt rắn. Ngài lo giữ mối giềng đạo lý, sao cho ai nấy ăn ngay ở phải, đừng vì tiền tài mà nói dóc với chúng sinh.

Mỉm cười, thầy Hai Rắn mới bà con đứng giờ Thìn sáng mai đến cây thị, trước miếu ông Tà. Cây thị này hồi năm ngoái bị trời đánh tét làm hai. Thiên hạ đồn rằng: Có điềm trời ! Không vậy sao trong ruột cây có cái bông đen ngòm. Dưới đáy bông, một đồng đất khô... Ngạc nhiên làm sao ! Đất như nhích từng cục, một con rắn hổ ốm nhom vùng góc đầu lên cao, phùng mang chồn tới, giống hình cái bàn nọ. Rắn nhìn người chung quanh, hút gió rồi rúc xuống đất vụn để ẩn mình.

Sáng hôm đó, đúng giờ Thìn, thầy Hai Rắn lại gốc cây thị với mọi người. Lấy tay vỗ mạnh vào gốc cây, thầy nói :

— Ông xà ơi ! Ra đây nói chuyện chơi.

Ai nấy trở mặt, ngạc nhiên. Có tiếng hút gió như đáp lại rồi từ miệng bông cây, cái bàn nọ lần lần nhỏ lên

Thầy Hai lấy tay vạch vòng tròn dưới đất, vỗ xuống mạnh :

— Tôi muốn mời ông xà lại đây, ngồi trong vòng này với tôi.

Rắn nọ bỏ xuống, men vào vòng đã vẽ. Thầy xòe tay ra, để cách miệng rắn chừng một tấc mà thét :

— Cẩn thử coi !

Rắn không nhúc nhích.

Thầy thét lớn hơn :

— Áp khẩu tay tôi nè ! Cẩn ngay đó thì tôi chết liền. Tôi đổ ông dám cẩn !

Ai nấy phập phồng chờ đợi. Rắn cục cựa, thối lui ngóng mỏ lên cao, day qua day lại. Thầy Hai trợn mắt, đưa tay xít lại gần hơn nữa. Bỗng nhiên, rắn hút gió một tiếng rồi quay mình phóng vào bông cây, mất dạng.

Thầy đứng dậy, vắn điệu thuốc. Vừa hút phi phà, thầy giảng rằng :

— Chém ruồi ai dụng gương vàng làm chỉ ! Nói thiệt cho bà con thương, tội đây cực chẳng đã mới ra nghề. Tôi biết trong số bà con đây có người tài giỏi hơn tôi nhưng giỏi về môn khác. Thứ bùa này ít ai biết. Lúc ban sơ, tôi dùng nhưn lực để kêu rắn ra khỏi bông cây. Kế đó, vẽ vòng tròn tức là tôi dùng thần lực. Đến khi chuyễn qua thiên lực, rắn nọ phải chạy trốn chết... Nhân lực, thần lực thiên lực, đó là ba chặng đường mà tôi đã trải qua. Phần đông, bà con mình xưng là thầy nhưng chỉ mới bước tới nhưn lực.

? Tài của thầy Hai Rắn, ai lại chẳng phục. Ngặt thầy kiên hãnh qua nên hôm đó không ai muốn thụ giáo, họ bực tức ra về. Trong số đó có Năm Điền là thầy rắn bấy lâu xưng danh ở xóm Thượng Luồng này. Năm Điền cảm thấy bị sỉ nhục. Về nhà chú nằm suốt đêm không ngủ được.

lâm trí bần rồn, cố nhớ lại mấy toa thuốc. Chú biết đây là một mưu mô của thầy Hai Rắn. Nhứt định thầy Hai có thoa vào tay một thứ thuốc đặc biệt. Người nhắm mũi đó, rắn chịu không nổi, phải mờ mắt hoặc ê răng mà chạy trốn. Ấn cấp cái toa đó là diệu kế nhất. Nghĩ vậy chú sực nhớ tới con Lài, đưa con gái khá nhan sắc của chú.

Bấy lâu nay, chú thường để ý Thăng Lợi, con thầy Hai Rắn, thường bèn mắng lại đây để trò chuyện với con Lài.

Năm Điền bèn kêu đưa con gái vào :

— Lài à !

— Dạ.

Nhìn trước cửa thấy không có ai, chú nói nhỏ với con :

— Bấy lâu cha sống ở rạch này cũng là nhờ nghề trị rắn. Bây giờ, thầy Hai Rắn tính đập bễ nồi cơm của cha con mình !

Con Lài hỏi, ngây thơ :

— Sao vậy ba, người ta lạ, mới tới...

— Bởi vì nếu trời đã sanh Châu Do thì không có Gia Cát Lượng.

— Gia Cát Lượng là ai vậy ba ?

Năm Điền đồ quạu :

— Không biết gì hết. Ngu quá ! Mà biết thầy Hai Rắn là cha của ai không ?

— Dạ... của anh Lợi.

— Thăng Lợi tới lui đây hoài. Điều đó ba biết hết. Ba nào cấm cản. Nó nói gì với con...

Con Lài bẽn lẽn

— Anh nói muốn làm quen.

— Ừ ! Ba nói thiệt với con, làm thân con gái phải giữ gìn thân thể. Không khéo, lỡ bề gì như nước danh giá

giống họ. Con thương nó thì phải cho ba hay để bắt buộc nó thương con...

Con Lài buột miệng :

— Đừng.. Tội nghiệp người ta.

— Không sao đâu. Chiều mai, con rủ nó lại ăn cơm. Sẵn dịp ba mời nó uống rượu, thứ rượu «rắn giao đầu».

Nghe đến rượu «rắn giao đầu», con Lài liếc nhìn chai rượu thuốc để trên bàn thờ. Trong chai, ngâm hai con rắn mà ba nó lượm được hồi năm ngoái ! Con rắn nước nuốt con rắn trun, có lẽ nuốt không vô nên hai con đều chết. Ba nó lượm đem về ngâm rượu.

Nó hỏi :

— Uống chết không ba ? Con sợ quá.

— Gì mà sợ. Rượu đó làm cho trai với gái thương nhau như rắn. Uống vô, thằng Lợi không bao giờ bỏ con được. Trăm sự nó đều thiệt tình. Con nhớ gạn hỏi nó một điều này mà thôi...

— Điều gì ba ?

— Cái toa thuốc thoa vô tay mà rắn không cắn, của ba nó xài hôm trước, đằng cày thị trước miếu ông Tà. Nhớ hỏi cho kỹ được. Bằng không, ba giết chết cả hai đứa như giết rắn. Từ nay hai đứa bây là hai con rắn... vì chất rượu này...

Lá rụng ơi lá rụng !

Từng chiếc lá tràm bay tung tăng như bướm bướm mỗi cánh đáp nhẹ xuống mặt nước từ trong ngọn rạch trôi dài ra.

Con Lài nhìn dòng nước uốn khúc qua voi, qua vịnh như con rắn bò, thứ rắn có khoan màu vàng, con rắn hồ sơn. Nó bụm mặt để che cái hình ảnh đó. Nhưng nào được ! Kia chiếc xuống của thằng Lợi bơi lướt tới, vạch ra hai làn bọt nước lốm đốm trắng như con bạch hoa xà...

Lập tức nó xuống bến, bơi theo, mãi đến khi xuống thẳng Lợi ghé bên đũa, kề gốc cây bình bát.

Thằng Lợi day lại cười :

— Hi đầu vậy cô Hai... rần bông súng ?

Con Lài sực nhìn chiếc áo có bông đang mặc.

Nó e thẹn, liếc thẳng Lợi

— Em giống như con rần bông súng. Còn anh, áo đen mốc giống con rần hồ đất. Cười em làm chi.

— Rần đầu dám cười rần.— Nó vừa nói vừa nắm tay con Lài.

Con Lài rút tay ra cho có lệ. Nó bước qua xuống, ngã vào lòng thằng Lợi.

— Anh à !

— Cái gì đó, hở rần ?

— Thiên hạ thấy, họ cười chết.

— Ai thấy mà cười ? Chung quanh đây cái gì cũng là rần như hai đũa mình. Thí dụ như mấy sợi dây choại, dây bông bông kia...

Con Lài gật đầu :

— Phải, dây choại, dây bông bông giống như rần lục, nó xanh tươi. Còn đám cỏ bồn bồn đằng kia, nó đẹp lép quả thật là rần là.. Nhánh củi khô, kể đó, anh thấy không anh Lợi ?

— Nó là con rần nẹp nia, da nó xù xì...

— Em suy nghĩ thấy sao kỳ quá, anh à. Rần có thù oán gì loài người, cơ sao loài người thù oán rần. Như dây choại, cỏ bồn bồn, nhánh củi khô rất ích lợi cho con người.

Thằng Lợi vuốt mái tóc con Lài :

— Vậy nên rần mới buồn bực trong lòng. tụ hợp lại. Con rần này tìm con rần kia làm bạn với nhau cho vui. Rần với rần thương nhau lắm.

— Nó có cắn nhau không anh ?

— Đâu có. Mà nó cũng không muốn cắn loài người. Người nào biết điều thì răn không cắn.

— Biết điều là sao ?

— Là biết nói chuyện với răn. Nói chuyện bằng hơi tay, thí dụ như ba của anh...

Con Lài cố giữ trầm tĩnh, biết rằng nãy giờ nó đã nói nhảm vì uống rượu răn giao đầu, nhưng nó nhớ lời ba nó căn dặn...

— Hơi tay của ba anh có gì mà nói chuyện được. Anh có hơi đó không ? Tay anh đâu rồi.

Thằng Lợi xoa tay rồi đưa ra trước mặt con Lài :

— Phải có *ngải mọi*. Em biết thứ *ngải* đó không ? Múc bột nó làm bánh ăn ngon lắm. Ăn bánh *ngải* rồi uống nước chanh. Xong xuôi, nằm xuống hút một *điếu á phiện* với cái *đọc tàu* làm bằng *sừng con đinh*.

Con Lài lắng nghe từng tiếng rồi hỏi tiếp :

— Hút á phiện rồi làm gì nữa ?

— Rồi thì vợ chồng dắt tay nhau dạo kiềng, ngắm cái *bông huê xà*...

— Bông huê xà là thứ gì ?

— Huê xà là huê xà. Ba của anh nói lại sau rồi.

Con Lài lăm băm :

— *Ngải mọi*, nước chanh, á phiện, sừng đinh, huê xà. Toa này năm vị. Minh nhớ đủ hết.



Năm Điền với đứa con gái bỗng nhiên chết ngã lăn tại nhà.

Tin đó truyền ra nhanh chóng. Cả rạch Thuồng Luồng, ai nấy chung hứng. Mấy ông thầy răn xúm lại khấn ngiệm rồi quả quyết :

— Chết vì răn. Dấu răn răn hồ. Chắc chắn có răn



hồ nuôi trong nhà, nó phản lại chữ.

Chờ cho thừa khách, thầy Hai Rắn tới, cầm bàn tay của hai nạn nhân nọ mà ngửi. Nước mắt của thầy hồng đung tuôn xuống. Chợt nhìn chai rượu thuốc « rắn giao đầu » trên bàn thờ, thầy lắc đầu, thở dài.

Đêm đó, thầy kêu thằng Lợi ra sân mà nói :

— Mai này cha phải đi. Con ở lại một mình. Cha buồn lắm. Họ dụ dỗ con để khám phá bí mật, cha biết vậy. Nhưng trăm sự cũng vì toa thuốc nọ thiếu cây huế xà nên không linh nghiệm. Cây đó khó kiếm lắm. Cha con Năm Điền tưởng là cha nói gạt chớ sự thật nó có : dây đó tròn bằng mút dứa, vắn vện như da rắn. Phải tìm ở chót núi ông Cấm, tìm cả tháng mới gặp một cây. Con Lài chết, có lẽ vì Năm Điền không tin con gái nên cho rắn cắn nó trước. Chừng thấy con chết, y buồn quá nên tự tử theo, không muốn chuyện đổ bể ra e mất thể diện với bạn đồng nghề. Nghề rắn nó nghiệt như vậy đó!

Đêm sau thầy Hai Rắn trốn xóm riêng, trốn đừa con trai mà đi mất.

Còn thằng Lợi thì ở lại. Tội nghiệp biết chừng nào ! Nó nào hiểu tại sao loài người bày đặt ra thuốc rượu « rắn giao đầu » để dụ dỗ lẫn nhau, trong khi cái tình yêu tự nhiên còn keo sơn hơn gấp mấy ! Nó không hiểu sở dĩ ngày nay nó có độc, vắng cha, vắng tình nhân như vậy chỉ vì mối ganh tị giữa hai người đồng nghề là cha nó với cha con Lài.

Nó thơ thẩn như mất hồn, khóc không ra nước mắt mỗi khi ra thăm nấm mộ của người tình xưa, thấy mấy dây rau muống bò lan bên cạnh.

Cây huế xà là gì ? Có thiệt hay không ? Lắm đêm, nó nằm chiêm bao thấy một thứ dây lổm đổm trắng mọc

cheo leo ở chót núi ở Cẩm, tiếp với trời xanh. Trên cảnh xa với không như bợn đó, dây hue xà nhờn như uốn éo với gió núi. Giữa lòng từng chiếc lá, hiển hiện kia trăm ngàn gương mặt của con Lài, tươi tắn, cườn riêng với nó, trẻ mãi không già...



## BÁC VẬT XÀ-BÔNG

**S**ở với các rạch khác ở ven vịnh Xiêm-la, vùng Xẻo-bần thuộc vào hàng tương đối sung túc. Dân ở đây sanh sống bằng hai nghề : phá rừng lấy củi và khi tiết trời thuận tiện, họ ra biển đánh lưới tôm. Tiền bán củi vừa đủ cho họ mua gạo ăn, thuốc hút : nghề đi lưới thì chỉ đem lợi riêng cho một số người có ghe có lưới. Người đi bọ thường lãnh tiền buổi, tùy theo lưới trúng hoặc thất — tay làm hàm nhai.

Đôi mươi mái nhà lá, vài ba gốc dừa không trái : ngọn Xẻo-bần xơ rơ như vậy đó. Chung quanh là cánh đồng cỏ bay thẳng cánh nhưng đầy năng kim, ô rô, cỏ sống. Cỏ lông bông, trích củm nùm bay lượn tới ngày.

Dân làng nào tha thiết đến vùng đất phũ sa nê địa ! Vì vậy, khi ông bác vật X. đến xây nền đóc, cất nhà ngôi từ xưng là chủ đất thì không một ai xao xuyến cảm thấy quyền lợi mình bị đụng chạm.

Trái lại, họ rất vui mừng.

Trước tiên, ông bác vật đích thân đến thăm từng nhà trong xóm. Hễ gặp ai chào hỏi quá khăm nùm, ông cao giản

— Bà con cứ bình đẳng đừng nên gọi tôi bằng ông, tôi

con nhỏ tuổi lắm. Cứ gọi tôi bằng dưỡng Hai. Đất này của bên vợ ; vợ tôi thứ hai.

Hỏi qua vấn đề nền nhà, ông bác vật trả lời :

— Ai lỡ cất nhà nơi đâu, cứ yên lòng ở đó. Tôi không giờ có ý đuổi bà con. Tôi còn muốn kêu gọi bà con thêm, ở đông chừng nào vui chừng nấy. Thỉnh thoảng mời bà con vô nhà tôi chơi. Lúc nào tôi cũng ở nhà để lo việc khoa học... Tánh tôi bình dân lắm, ai có chuyện gì khó hiểu tôi sẵn sàng giải thích.

Kể từ đó, buổi trưa hoặc buổi tối, nhà ông bác vật luôn tấp nập. Đi rừng bắt được rùa, săn được heo rừng là bà con nghĩ đến ông, đem lại tặng. Đáp tạ thanh tinh ấy, ông bác vật dắt từng người vào phòng làm việc của mình. Trên vách, hai hàng kệ đầy sách, mỗi quyển dài hơn tấc Tây, lưng da mạ chữ vàng lấp lánh. Một cái bàn tròn chiếm giữa phòng. Trên đó đủ kiểu ly, hũ, bầu.., toàn bằng pha lê trong vắt : cái thì méo miệng, cái thì tròn như trái dừa, có cổ dài uốn éo như cổ cò. Lại thêm chiếc đĩa bằng pha lê dựng đứng trong ống, dài theo ống có lẫn đồ như vạch đo từng phân, từng ly tỉ mỉ.

Hỏi :

— Thứ gì ngộ quá vậy, dưỡng Hai ?

Đáp :

— Đồ dùng để thí nghiệm hóa học.

— Hóa học là chi vậy, thưa Dưỡng ?

Ông bác vật mỉm cười :

— Khó cất nghĩa lắm. Thủng thẳng bà con sẽ rõ. Hóa là biến hóa... Các chất hóa học hiện nay còn thiếu, mới mua được chút ít. E ngại hiểm, tôi chưa dám cho bà con xem.

Mãn buổi thăm viếng, bà con xóm ngọn Xèo-bàn vô cùng thắc mắc. Ban nầy, còn biết bao nhiêu câu hỏi mà

Họ không dám hở môi thổ lộ ra. Giờ đây, họ nắm xít bàn tay cho hả hơi:

— Bà con không biết: Nghe tới hóa học tôi điếng hồn. Rủi ro nó nở bất tử. Nội mấy cái ly cái bầu của ông cũng đủ ghim miếng nát bấy thì thế bà con mình.

Đừng nói bậy! Người ta dựng nó được nên mới dám chứa chấp. Tôi nghi dựng Hai mình làm... quốc sự. Nhè ông chế tạo bom đạn, dân chúng ở đây ắt phải liên can!

— Ủ, tôi coi ông là người có kỹ tài.

— Kỹ tài gì? Thực lộc chi thế. Chắc ông có bằng cấp bên Tây. Nhờ vậy..

— Bằng cấp gì? Có thì ông nói rồi. Chắc là «hầy đằm» ở bên rồi về đây. Năm ngoái tôi đi Trà-vinh gặp ông họ xưng là bác vật canh nông. Ông trồng mười cây đu đủ lớn lên toàn là đu đủ đực...

— Nói xấu thiên hạ đi! Biết đâu ông muốn trồng đu đủ đực để thí nghiệm.

— Ối thôi! Hơi dân mà cãi. Xứ mình không bao giờ có nơnh tài được. Đi qua học bên Tây, nếu người Việt-nam nào trở tài thì Tây ám sát hết. Tại nó «muội nước đạ» bắt nơnh tài của mình đem ướp cho hết, không cần đâm chém hoặc chích thuốc cho loạn óc, tê bại... Dầu sao dựng Hai mình cũng là người dễ thương, biết chữ nghĩa nhiều hơn mình.

Rồi ai về nhà nấy, sáng thì đi lưới, tối lại phá rừng. Công việc sanh nhai của họ ngày thêm đình trệ. Làm ra được, ngắt bán không ai mua. Vải bỏ giá càng mắc, kiếm không ra. Có điều lạ là dạo ấy thuốc kỹ nình mua rất rẻ, thứ kỹ nình bọc đường uống ngọt ngọt. Thiên hạ bảo đó là phát minh của Naut-hôn, thuộc giống giống đạ vàng

như người Việt-nam mình nhưng họ biết chế thứ máy bay có mặt trời ở sau đuôi, thường bay lượn dài theo ven biển này.

Dương Hai bỗng trở nên vui vẻ lạ thường, kể từ ngày đi Bến-tre về.

Trước mặt bà con chòm xóm, Dương tuyên bố :

— Mình ở đây sống trên kho vàng mà không hay. Nay mai, ai nấy đều có công ăn chuyện làm. Tôi sẽ cất một cái xưởng lớn. Trời Trời giúp tôi.

Có người hỏi :

— Mình dùng hóa học để chế tạo ra vàng phải không?

Dương im lặng, mỉm cười rồi mở tủ, lấy cho mọi người xem một khối vuông, màu vàng như đất sét :

— Đây là xà-bông của tôi mới chế tạo như ở Bến-tre. Cỡ này nó lên giá gấp ba vì không nhập cảng nguyên liệu hóa học được. Tôi hy vọng giúp bà con công ăn việc làm, xưởng xà-bông của tôi sẽ cất tại đây thật gấp, cần dùng hàng trăm nhân công.

Họ trở mắt nhìn cho biết thứ xà-bông mới lạ đó. Hỏi nào tới giờ, ở đây ít ai dùng xà-bông nên không mua về. Họ dùng cám hoặc vỏ trái khóm chà vào bàn tay là bao nhiêu bụi bặm, dầu mỡ đều trôi hết.

Dương Hai nói tiếp :

— Lúc này Nhật-bồn đánh giặc với Đồng-minh. Đường giao thông tiếp tế bị ngăn cản. Vì vậy, thiếu xà-bông. Giá xà-bông lên từ hai cắc một kí lô đến sáu cắc. Nay mình chế tạo xà-bông bốn xứ, bán chừng bốn cắc thì thiếu hụt sum lại giành mua như tôm tươi, mặc dầu xấu hơn chút ít.

— Ở Xẻo-bùn này, làm sao đủ vật dụng ?

— Sao không đủ ! Mình cần dùng có hai món : dầu

đưa với nước tro. Dầu dừa đã sẵn sàng : ra hõn Tre mua dừa khô về thắng lại. Nước tro thì nào là tro than được, tro bẹ dừa, tro cây mắmm. Như lá cây mắmm, mọc đầy bãi biển, tro nó mắmm hơn hết và rẻ vốn hơn hết.

— Nấu cách nào vậy Dương ? Đề tui tôi về nấu thử.

«Đề tui tôi về nấu thử», mấy tiếng đó khiến cho vàng trán của dương Hai nhắn lên, thoáng qua chút gì lo ngại Nhưng chỉ thoáng qua thôi ! Dương cười to, lấy trong tủ đem ra một cái ống thiếc.

Mở ống, bên trong lú ra một vật khác bằng thủy tinh nhỏ hơn chiếc đũa, bề dài cũng ngắn hơn, một đầu thì tròn vo. Dương nói :

— Đây là... cái ống thủy. Phải có nó mới nấu xà-bông được. Dùng để cân nước tro.

— Cân là làm sao Dương ?

— Cân là đo lường sức nặng của nước. Thí dụ như chén nước tre này : muốn biết mắmm hay lạt, phải thả cái ống thủy vào coi thử nó mắmm tới mấy độ.

Nói xong, Dương bỏ ống thủy vào nước tro. Lạ thay Ống thủy dụng đứng. Dương nói :

— Số 32, bà con thấy chưa. Bây giờ tôi đổ nước lạnh từ từ. Nước tro bớt mắmm, ống thủy nổi không phải ngay số 32 mà thấp hơn : con số 31, 30, 29. Phải mắmm đủ cỡ, nước tro mới hiệp với dầu dừa để thành xà-bông. Bằng không hải thử ấy cứ lỏng bồng. Ống thủy này bây giờ mắmm lắm, bên Tây không còn gọi qua được. Bị mắmm của nghề làm xà-bông là vậy... Thôi, mai này bà con lạt đây, tôi nấu thử cho coi.

Buổi gặp gỡ khi này mở đầu cho bao nhiêu hậu quả tai hại mà dương Hai không đũa. rước được. Dân chúng ở ngọn Xẻo-bần suy nghĩ : nếu ..... chế tạo được xà-bông

thì tội gì đi làm mướn cho dựng Hai. Bà con lối xóm có thể tự ý mở ra mỗi người một xường nhỏ. Điều quan trọng là nấu một lần coi nó có đặc không, thay vì dùng ống thủy để cân trước tro, họ dùng lưỡi mà nếm thử.

Trong khi dựng Hai thì nghiệm xà-bông tại nhà, chẳng này bà con xóm Ngọn cũng bỏ hết công việc làm để nấu với kiến thức tối thiểu của mình. Nước tro cây mắm, dầu dừa và nước lạnh trộn trong chảo, bả lên bếp. Họ ngóng xem kết quả. Nhắm chừng xà-bông có thể đặc, họ cho thêm vài giọt trên giấy hút thuốc. Nhưng lạ thay! Khi đổ ra khuôn, xà-bông chỉ đặc trên mặt, lớp dưới lỏng bồng toàn nước tro mặn đắng.

— Tại mình thiếu cái ống thủy để cân nước tro —  
Một người nói.

— Phải đó! Tro cây mắm mặn không đồng đều, cây già mặn hơn cây non, khúc gốc mặn hơn khúc ngọn, tôi chắc như vậy.

Có người thổ lộ :

— Hay là... để tôi lại đăng lên ăn cắp cái ống thủy đem về đây cho bà con mình xài.

Người khác can gián :

— Ở tù chết, Hơn nữa, đem về đây mình biết xài nó cách nào? Ai, biết số, biết chữ? Tôi tưởng mình nên ăn cắp một chút nước tro, thử nước tro mà ông thí nghiệm được coi là đúng chữ. Đem chén nước đó về đây, mình cứ chế tạo một cái ống thủy khác, không cần mua đèn Tày như ông.

— Làm cách nào?

— Mình kiếm cái chai dầu gió cũ, bỏ dẫn vào đó một hột chì rồi đây nút lại, để cho chai nọ không nằm ngang khi nổi lên trên mặt nước. Đó là ống thủy của mình tạm chế tạo. Bấy giờ mình thả hai chai dầu gió nọ vô nước tro.



## BÁC VẬT XÀ BÔNG

thứ nước tro mà dựng Hai đã cân rồi, đúng chữ. Hễ chai dầu gió chìm xuống đến mức nào, mình ghi lần mặt nước ấy vào hông chai.

Ý kiến đó được hoan nghênh và thi hành.

Thế là vài ngày sau, mỗi người đều có một ống thủy tiêng biệt. Dựng Hai nào hay biết chuyện gì, ngày hai buổi, Dựng đình ninh rằng với một kế hoạch chôn đáo theo qui mô to lớn, xóm ngọn Xẻo-bần sẽ trở thành một trung tâm quan trọng.

Nhưng có điều khiến dựng khó hiểu: từ nửa tháng qua, bà con lối xóm ít lại đây để nói chuyện như mọi lần.



Một buổi sáng, chú Xồi bơi chiếc xuồng «tạp hóa» đến bến, mời dựng:

— Dựng Hai mua xà-bông không? Xóm mình chế tạo thứ này nhiều quá rồi. Đem giặt quần áo bọt cũng nhiều như xà-bông bên Tây.

Dựng Hai thất sắc:

— Ai chế tạo vậy?

Chú Xồi đáp:

— Nhà nào cũng có nấu. Không tin, Dựng đi dạo coi thử.

Đến bây giờ, dựng Hai mới hiểu tại sao hôm rày mấy người trong xóm khi gặp Dựng là chào hỏi sơ qua rồi kiêu từ lập tức, sắc mặt không được tự nhiên.

Dựng thở dài:

— Trách ai bây giờ! Tại mình «sinh bất phùng thời». Bao nhiêu xà-bông sản xuất ở ngọn Xẻo-bần được tung ra khắp thị trường miền Hậu-giang, cạnh tranh có hiệu quả với loại xà-bông chế tạo bằng tro dừa ở Bến-tre vì tro cây mắm ở đây mắm hơn. Mỗi hai lít

## SƠN NAM

bán từ xa trở về, họ không quên mua tặng cho Dương vài gói trà Kỳ Chương.

— Trám cũng nhờ khoa học của Dương đó.  
Dương :

Dương Hai đáp :

— Tôi mừng giúp bà con. Bà con đi dọc đường gặp ai nấu xà-bông như xóm mình đây không? Phải thận trọng, giấu nghề

— Có. Nhưng xấu hơn xà-bông mình nhiều. Họ bán chạy nhờ có hiệu. Kỳ này tôi tính khắc con dấu Việt Tân, Việt Hưng gì đó để đóng vô, kèm theo hình mặt trời cho cục xà-bông nó «manh» một chút.

...Năm 1945, cả xóm ngọn Xẻo-bần không nấu xà-bông nữa. Họ phải lo những chuyện khác cao cả hơn. Nhưng ý nghĩa của cuộc chiến đấu mới nào có gì lạ hơn là làm cho dân giàu nước mạnh, phát triển nội hóa. Có lẽ vì lý do đó mà họ hăng hái hơn ai hết. Vì họ đã thấy rõ một lần rồi.



## ĐẰNG « CẢNH BUỒM ĐEN »

**T**Ừ thuở nhỏ, Sáu Bộ theo một người bạn lên núi Cô-tô để học đạo nhưng không có đạo nào quyền rũ anh được lâu dài. Hết đạo Ớt qua tới đạo Đất ; từ già ông đạo Đất anh đến thọ giới tại cốc của ông đạo Năm. Chán ông đạo Năm, anh đi lang thang qua núi Dài với ý định cuộc đất làm rẫy.

Buổi chiều đó, anh ngồi trên phiến đá, mắt đăm đăm nhìn cảnh núi rừng, chợt thấy một ông lão râu tóc bạc phơ, tay chống gậy trầm hương từ từ đi lại. Đoán chừng đó là một trong số trăm ngàn đạo sĩ ở vùng Thất-sơn này, anh không để ý cho lắm. Nhưng ông lão nọ bỗng dừng trước mặt anh, nhịp gậy xuống đất ba lần, cười lên ba tiếng lớn mà rằng :

— *Chim bay về núi tối rồi*

*Sao không lo liệu còn ngồi chi đây ?*

Anh đứng dậy, chấp tay chào. Đạo sĩ ung dung nói :

— Chưa nghe lời ta ư ? Thời kỳ này là thời kỳ *mạt pháp* .. Chim đã bay về núi, trời đã tối.

Anh đáp :

— Con chưa hiểu rõ. Bạch đạo sĩ, *mạt pháp* nghĩa là thế nào ? Phải chăng *mạt pháp* là người Pháp tàn *mạt* ?

Đạo sĩ gật đầu :

— Khá kuen cho con. Hiềm vì con có chí ra thiếu tài. Nghe con nói bần đạo vui về biết mấy như giữa trưa nắng mà uống được nước Cam lồ. Mạt pháp có nghĩa là thời kỳ giáo pháp suy đồi, đạo đức của tiền nhân không còn được thịnh. Tại vì nhân tâm rối loạn ư ? Cũng phải, tại vì bọn Phú-Lang-sa ư ? Thập phải... Con hiểu sai nhưng mà nói đúng.

— Bạch đạo sĩ, đó là chuyện quốc sự của kẻ còn nặng lòng trần tục.

— Nhưng ở đây chúng ta chưa phải là tiên. Đạo sĩ nói.

Đuối lý, anh cố suy nghĩ để trả lời. Đạo sĩ nói tiếp :

— Thời buổi *mạt pháp* này chưa có ai thành tiên hoặc gặp tiên được. Ai nói ngược lại tức là đối mình, đối người, đối với non cao, đối với bề rộng. Muốn thành tiên thì phải dày công tu luyện để ngày kia giữ được chức vị cao.

— Bạch đạo sĩ, công tu luyện ấy như thế nào... Chức vị ấy gọi là chi ?

Đạo sĩ nói lớn ;

— Gọi là chức vị « *chặt đầu Tây* ». Con nghe chưa ? Con nghe chưa ? Xưa kia đức Nguyễn Trung Trực phá Kiên-giang. Lúc sa cơ, Người không mảy may úy tứ. Trước pháp trường, giặc khuyến dụ trăm điều, hứa ban cho... ời thôi bao nhiêu là bạc vàng, chức vị ! Người cả cười, chỉ xin thọ lãnh một chức vị ; chức nào mà người có quyền *chặt đầu* tất cả bọn Tây.

Giọng nói đạo sĩ như nghẹn ngào :

— Hỡi ời ! Đứng trước đã rơi đầu mà lời vàng ngọc họ mãi rên vang trong lòng người, khắp non cao biển rộng... *Chặt đầu Tây ! Chặt đầu Tây !*

Dứt lời, đạo sĩ quay mình. Gió thổi mạnh. Lá rừng, cát núi bốc lên xoay tròn mờ mịt như khóa dấu chân, che đàng hình của đạo sĩ. Anh Sáu Bộ tắt tả chạy theo, đôi mắt chóa lòa như vừa sống trong một giấc chiêm bao màu nhiệm :

— Sư phụ ! Cúi xin sư phụ thương con !

Giữa muôn trùng cỏ cây, anh chỉ nghe đá núi vọng lại.

— Chặt đầu Tây ! Lời ấy không phải của ta nói. Con nghe không ? Lời ấy của trời đất nói.

Thế là năm năm sau, chàng trai trẻ ấy xuống núi. Tên Sáu Bộ được sửa lại là Tư Hiền, Tư Hiền chỉ mang theo cây roi dài một thước tám, bằng cây trúc. Với cây roi ấy và đường quờn Lưu Thủy, anh nghiêm nhiên trở thành chúa đàng Cảnh Buồm Đen, hùng cứ từ mũi Cà-mau đến hải phận Hà-tiên.

Sáng tinh sương, như thường lệ, Tư Hiền định cho ghe chạy dài theo mé biển. Vừa tách khỏi hòn Tre, gió nam thổi xuôi đưa anh về phía hòn Sơn-rái

Kia, một chiếc ghe trôi bồng bồng theo sóng, lá buồm xu xuống, cột buồm đứt hết dây chằng. Lập tức, anh cập lại đoán có người vừa bị nạn. Trong ghe nọ chỉ thấy một ông lão nằm mê mang bất tỉnh. Sau khi được cạy miệng uống hợp nước lạnh, ông tỉnh lại nhìn đảo đảo :

— Ông đây là ai ?

— Tôi là người đi mò ngọc điệp ở hòn Nhạn.

Ông lão khóc nức nở :

— Ân cướp đánh tôi. Cha con tôi đi Rạch-giá bán tôm khô, về ngang đây bị nó chặn lại giữ hết tiền, bắt luôn con gái ; hẹn ba ngày sau đem trả lại.

— Nó đi hướng nào ? Lâu mau rồi ? Tôi bắt tội bắt lương này đem về lập tức cho ông coi.

Tức thời buồm mũi và buồm lái xô ra. Tay anh siết

Chạy lẻo thướt. Ghe phóng nhanh tới. Không mấy chút, đã thấy một đóm đen trước mặt.

Anh hét to

— Tụi bây coi tao!

Chiếc ghe trước vẫn giương hai cánh buồm màu đen chạy ngạo nghễ, khinh thường. Anh cho ghe sát lại, nhảy qua quơ roi đánh mạnh khiến sợi dây chằng ghe nọ phải đứt.

Buồm sụp xuống. Ghe chạy đảo nghiêng gần chìm.

Nghe vù một tiếng. Tư Hiền vội né mình. Biết rằng gặp tay đối thủ lợi hại, anh bình tĩnh chống đỡ. Chợt liếc phía sau, thấy ngọn lao phóng tới, anh lách qua. Ngọn lao đâm trúng be ghe, ghim sâu vào tên nọ lỗ trôn té xuống biển.

— Biết ta là ai chưa?

Chưa dứt lời, Tư Hiền đã gài ngọn roi của tên còn lại xuống sạp. Hắn cố sức gỡ lên nhưng không xuê, rồi cuộc đánh quai xuống.

— Nói thiệt với ông, tôi là ăn cướp biển. Lâu nay tôi từng gặp nhiều người tài giỏi nhưng chưa ai bằng ông. Tên thiệt tôi là Năm Bùn.

Tư Hiền đáp:

— Tại sao đánh một người già cả, nghèo hơn mình? Con gái của người ta mẩy giấu ở đâu? Mau trả lại. Đờ du còn!

Năm Bùn năn nỉ:

— Trăm sự chỉ vì tôi chưa hiểu. Có đó tôi giấu dưới khoang hãm.

Tư Hiền rất đỗi ngạc nhiên khi thấy nhan sắc khá lộng lẫy của cô nọ. Cô quai xuống tay tạ ơn. Lập tức, anh bèn đưa cô sang ghe mình. Sau khi nhập lời hứa tái ngộ

với Năm Bùn tại hòn Đá-bạc, anh chèo thuyền trở về gặp ông-lão họ.

Đêm ấy anh ăn cơm ở Rạch-Cóc, tại nhà ông lão. Như bữa ăn, anh nhận thấy ông lão có ý tạ ơn mình bằng cách gả con gái cho nếu anh muốn. Anh viện nhiều lý do từ chối. Trước lòng chân thành của gia đình, anh hứa sẽ trở về cưới, sau một thời gian hai năm.

— Kim Thoa ! Đừng buồn nghe em. Anh sẽ chết sống gì cũng trở lại cưới em làm vợ. Bây giờ anh phải ra đi. Anh đi sao thì về vậy..

Từ giã xong, Tư Hiền cho ghe tách bến, nhắm hướng hòn Đá Bạc đi theo lời hứa với Năm Bùn.

Thấy ghe của Tư Hiền đến đúng hẹn, Năm Bùn vô cùng mừng rỡ, khâm phục và ra Mịnh cho bộ hạ phải nghiêm chỉnh đón chào.

Để tỏ lòng thành thật của mình. Tư Hiền đi hai tay không, để cây roi dưới ghe. Chào hỏi xong xuôi, anh như Năm Bùn cho bộ hạ xuống lấy roi lên giùm mình. Lúc ăn uống, Tư Hiền ao ước được thưởng thức võ nghệ của đảng Cảnh Buồm Đen. Để đáp tạ, anh biểu diễn cho ai nấy xem một đường roi Lưu Thủy đã học được trên núi. Lúc biểu diễn, người ở ngoài tự do ném đá hoặc phóng dao vào thử. Ngọn roi xoay chung quanh mình anh như nước chảy không dứt, không rời, chớp nhoáng như gió..

Kết quả là Năm Bùn sẵn sàng giao đảng Cảnh Buồm Đen cho Tư Hiền làm đảng trưởng. Nhờ vậy đảng được cảnh tỉnh lại.

Hàng ngày, các bộ hạ phải luyện tập võ nghệ cho tinh thông, cấm tuyệt không được xâm phạm tài sản của người chài lưới ở ven biển. Hai kẻ thù chính cần đánh đổ không nương tay là đoàn tàu «đoan» của Tây và ghe buôn lậu Hải-nam.

Từ đó về sau, nhiều tin tức mới lại được làm đầu đề bàn tán cho dào chúng miền duyên hải Rạch-giá, Cà-mau.

— Trời ơi ! Hai thằng con trai của ông X. bị ghe Hải-nam bắt, tưởng biệt tích... Ai dè mấy ông Buồm Đen giữ lại được.

— Sáng hôm qua, có cái chum vẹt tàu của tụi «tàu cáo» để sẵn trên sân chợ. Tày hoẵng hồn, nhìn ra đó là chum vẹt của các ca-nô tuần biên đi mấy bữa rày chưa thấy về.

— Mấy ông Buồm Đen đốt ghe Hải-nam ở hòn Nhạn. Bên này chết ba, bên kia chết trọn tàu...

Ba năm sau, có tin đảng Cảnh Buồm Đen đã rã.

Người đồn rằng : chúa đảng vì quá giàu có nên trốn qua Xiêm. Không tán thành ý đó, kẻ khác quả quyết rằng chính mắt mình đã thấy xác chúa đảng trôi tấp vào bãi. Từ sáu tháng nay, đảng Cảnh Buồm Đen là đảng giả mạo.

Gia đình của cô Kim Thoa khổ tâm hơn hết. Một đêm lạnh lẽo nọ, có tiếng gõ cửa. Tư Hiền bước vào, ôm ghì lấy người hôn thê :

— Anh phải về. Không bao giờ anh làm nghề này nữa.

— Tày tập nã anh, phải không ?

— «Số là anh vừa giết oan một người. Tụi ghe Hải-nam lên hòn để mua beo, chùng kéo neo chúng không chịu trả tiền ; anh đánh chết năm đũa. Nhưng rủi thay gặp một đũa biết võ nghệ khá cao. Anh đánh roi xuống. Nó đứng trên bãi, đũa roi lên đỡ trúng. Ngặt anh xuống tay mạnh quá, nó lún xuống bùn, ngã lún trào máu miệng. Lúc hấp hối, nó ngoắt anh lại mà nói : «Tôi không phải là chủ ghe. Tôi ở mượn mượn đời, giết tôi mà chi !». Cảm động quá, anh cúi xuống xin lỗi nó, nó khoát tay anh ra, nói tiếp : «Tôi tha lỗi thì được. Còn vợ con tôi ở Hải-nam cũng đang làm mượn. Làm sao anh xin lỗi được...»



Kim Thoa ! Em nghe anh nói lại chưa ? Đây là lần đầu tiên trong đời mà anh đau đớn nhưt. Anh giết oan người ta. Ngọn roi này, anh xuống tay mạnh quá, bị ở uế rồi. Tội nghiệp. Chết không nhắm mắt mà ngọn tay hất còn chỉ về phía biển khơi, nơi quê vợ con. Thấy phận người mà như tới phận mình, anh vội về đây.»

Tháng hai năm 1946. Có tin : Tây trở lại chiếm gần lối Rạch-giá, chúng đã nhảy dù xuống biên giới Việt Miên gần núi Sam, Châu-dốc. Dân chúng sợ hãi cầm hòn, lập trung lại ngọn Cái Bắc để bày mưu kế. Có đến trên ba mươi thanh niên tình nguyện đi bắt sống bọn Tây nhảy dù ở xa cách quê nhà hằng hai trăm cây số. Họ thiết lập một bàn thờ Tổ quốc giữa rừng, lấy củi tràm đốt thế cho tràm hương và mượn mặt đất để làm đỉnh đồng. Ý phục của họ khác nhau, nhưng giống nhau ở chất vải màu luồn luồn, chưa chấp bao nhiêu rập. Giữa quang cảnh mịt mịt thẫm liêng đỏ, người ta thấy một ông lão râu tóc bạc phơ chống cây gậy cao khỏi đầu bước ra.

Ai nấy thăm thì :

— Ông Năm Lập thợ câu của xóm mình !

Ông lão nọ bỗng rưng rưng nước mắt :

— Không ! Tôi không phải là Năm Lập. Tên thật của tôi là Sáu Bộ. Có mấy năm, tôi lấy danh hiệu Tư Hiền, cầm đầu đảng Cánh Buồm Đen.

— Trời ! Chúa Đảng là đây sao ?

— Nói thiệt với bà con, tôi n... an tịch. Hôm nay tôi phải ra mặt. Nếu ngồi ở nhà, cũng ai làm gì tôi, nhưng tôi cảm thấy nhục nhã như thiếu nợ gì đối với trời đất, núi non. Nếu xét tôi có tội, anh em cứ giết tôi để tế cơ. Bằng không thì cho phép tôi truyền lại bị quyết nhiệm màu của đường Lưu Thủy mà thầy tôi dạy hồi năm mươi năm trước. Đường quờn này ít ai biết lắm.

Lúc tôi đi, bà con cứ ném cây phóng dao vô mà không bao giờ trúng tôi.

Ông đứng thẳng người, hai tay chấp cây roi lên, bái tổ rất kính cẩn. Rồi thì vút một tiếng, ngọn roi xoay tròn cne lấp thân ông như dải lụa, như nước từ trên thác tuông xuống chấp chóa. Đến kẻ ngỗ nghịch nhất cũng không dám ném cây vào để thí nghiệm như ông cho phép.

Lại một cuộc bàn tán náo nhiệt, vô trật tự :

— Học được đường quờn của ông, chắc Tây về nước rồi. Thời giờ cấp bách lắm !

— Đi bắt «Tây nhảy dù» chỉ cần thanh niên lanh lẹ. Ông đi không được đâu, để tụi tôi đồn tầm vòng vạt nhọn lẹ hơn...

Giọng ông lão nói ngậm ngùi :

— Không lẽ tôi tự vận. Bà con thương tôi. Nó là cây roi có chức vị «chặt đầu Tây» của sư tổ tôi truyền lại ở núi Dài, năm đó.

— Thôi lộn xộn quá. Ông cho tôi cây roi này để làm cán mác thì hợp thời hơn, chặt vẫn lại vài tấc, đầu kia tra lưỡi dao mác thông. Có chất sắt thêm vô, ngọn roi của ông mới xài được. Tôi biết là hư cây roi, uống lắm nhưng ông chịu phiền,

— Ừ, Làm gì thì làm, miễn dùng nó được thì thôi. Thiếu củi nấu cơm, chặt khúc nó mà chụm lảo đây cũng không tiếc. Mấy cháu biết không? Đây là thời kỳ *mạt pháp*.

Đoàn quân ra đi gáp. Làm sao họ có thời giờ để hỏi han ông về một đôi câu từ xa lạ đó? Họ tản ra bốn hướng trời, ít người được trở về xóm cũ. Sau đó vài tháng giặc vào đốt xóm. Ông lão nọ chết vì không chịu tản cư, lưu lại một tình cảm lạ lùng, khó dứt khoát đối với những ai chưa hiểu rõ hoàn cảnh đặc biệt của phần đất Ca-mau tận cùng này.



## CON BẦY ĐƯA ĐÒ

**R**ACH Cái Cau là ngọn sông Cái Lớn ăn qua địa phận tỉnh Cần-thơ. Trên ba mươi năm về trước, đó là nơi sầm uất, lau sậy mọc um tùm quanh mấy gốc bần to lớn cỡ hai người ôm không xuể. Sớm thì chim kêu, chiều thì vượn hú, quang cảnh buồn bã làm sao! Thỉnh thoảng, có người bảo rằng: giữa đêm khuya nghe tiếng cộp rộp. Những tin đồn dãi bắt lạnh như vậy lần lần bị đánh tan và không còn làm cho ai sợ sệt nữa. Khi kinh Xáng Lái Hiếu vừa múc xong! Ngọn nước bạc mát lạnh, ngọn lạnh đổ tuôn ra Rạch-giá, mang mấy dề lục bình lá xanh bông tím trôi phiêu lưu từ sông Hậu-giang ra ngoài khơi vịnh Xiêm-la xa thẳm.

Sông rạch thông thương, vàm Cái Cau lần lần có người đến cất nhà đóng đúc thành xóm nhỏ, có ông hương ấp đứng đầu. Ông hương ấp họ tên gì? Nhà ở lối nào? Điều đó khách thương hồ ít ai quan tâm đến. Có qua đây, dầu vô tình đến cách mấy đi nữa họ cũng phải chú ý đến một cái tên, hay nói đúng hơn là một giọng hát: giọng hát của con Bầy đưa đò. Nó xa lạ nhưng quen thân, ấm áp. Khi cất lên thì cao hơn tầm bay bổng của con cò, con vạc, cao vút tận mây vì sao đêm lấp lánh; giọng ấy lúc buông trầm xuống

thì như hơi gió xao động cả giòng sông, chuyền rung mặt nước dẫu khi thuyền đã xa khuất. Nó trở thành một lớp mù sương mờ ảo che lấp bóng dáng của người hát. Khách ngần ngừ nhìn theo không còn thấy gì nữa, tâm trí băng khuâng giữa cảnh sông rạch âm u với nhánh «bàn gie con đóm đậu sáng ngời».

Người hát hay thường thường là có nhan sắc.

Bao nhiêu người tưởng tượng như vậy. Họ tìm tòi rồi đâm ra thất vọng. Vài người quả quyết :

— Có lái đò này mặt rỗ hoa mè.

Nhưng rồi không tới ra, họ cũng phải nhie nhận một sự thật : con Bảy có gương mặt chữ điền, đôi mắt đen lánh và vóc hình cao ráo.

Lý lịch của con Bảy ra sao ? Chuyện đó càng khó hiểu. Chính ông hương ấp cũng chưa rõ vì hồi đó đàn bà, con gái không mang giấy chứng chỉ nên không có ghi tên vào bộ sổ. Mấy người ở lâu năm tại vùng này nói lại : năm đó, đầu từ miệt Cần-thơ, con Bảy xuống đây gặt mướn. Có điều lạ là đến khi rồi mùa thì cất chòi mà ở tuôn chớ không về xứ. Năm sau, người mẹ già mang bệnh mà chết. Con Bảy đành sống một mình, hằng đêm chuyên nghề bán bánh bọ cho ghe xuống qua lại đê độ nhứt ; sau đó, đưa đò. Kóm này bao trai làng găm ghé nhưng nó không ưng ai. Lần lần thiên hạ phải đang ra.

Đạo họ, cậu trai làng con của ông hương ấp vừa học được câu hát :

— Hò... ơ... Anh nào gá chữ lương duyên với em trăm năm tình chông nghĩa vợ. Mai sau anh có vô phần từ trần, xấu phước chết trước thì em ơi ! Đừng chớ. gác anh dưới nước sâu sự e con địa cẩu, đừng chôn anh trên gò bãi ngạ con mới ứn..

Bất trong lòng không ai tới được. Cậu trai nọ thích chỉ hỏi mỗi một câu lý khoa tài khoa trí của mình. Nhưng đêm sau, giọng hò con Bầy trả lời :

— Hò σ... Em gái chữ lương duyên với anh trăm năm tình chàng nghĩa vợ. Mai sau anh có xấu phần từ trần chết trước, em ruợo thng Bấc về cần đả lục lũng để chôn chàng.

Nghe câu đáp, ai nấy tấm tắc khen ngợi. Khi năm mở được cần đả thì sợ gì đả cần, mỗi ăn. Đó là cách giải quyết ổn thỏa nhất của mỗi tình bạn như vậy. Cậu trai nọ vậy nghĩ tìm nhớ câu rạo khác để thử tài con Bầy. Nhưng giọng con Bầy vội đuổi theo :

— Hò σ... Gái tôi không hò đến chuyén Tây Du thì thôi, chớ hò đến chuyén Tây Du thì nhắc từ thuở xưa kia Tề Thiên Đại Thánh loạn Thiên cung đánh trời giành đất làm cho ông Ngọc Hoàng xang bang xác bấc, đến chừng thác xuống đất bị Ngũ Hành Sơn chụp dè. Phật Bà có dặn : Này Tôn Hành giả ơi ! Nằm xuống đây chờ chừng nào Tam Tạng ơi ! thính kinh mi hãg theo làm đệ tử. Tam Tạng đi đến chợt thấy Tề Thiên nên mau mau chạy đến gỡ hai lá bùa... Tề vàng mình dưng dặng được, nhưng mình mảy thì ói thối... róng rêu đóng giáp, lỗ mũi thì cỏ mọc xanh lè... Bớ chàng trai có thấy không ?

Cậu trai đành chịu thua không đáp được, về nhà sanh bệnh tương tư. Trong cơn bệnh triền miên, có lần cậu đánh bạo bơi xuống qua nhà con Bầy để qua nhà con Bầy để tỏ nỗi lòng :

— Hò .. σ... Hỡi châu nhỏ xuống khoang hãm,  
Em ơi ! Phận em là gái em phải có chàng, nay mai,  
Con Bầy vội đáp :

— Hò hôn, điền thổ, đồ lừa mại nhả,  
Đưa náo muốn bậu, ông bà chạy tiếp...

Tức tối biết bao nhiêu ! Cậu trai quày trở về. Quả thật cô ta hồn xước dăm khinh rẻ cậu và cả dăm trai tơ ở xóm vòm này. Cũng may, cậu đáp ấy nhỏ giọng vừa đủ cho cậu nghe thôi. Cậu âm thầm ôm mối hận, hằng đêm tự an ủi :

— Đền treo Trương án, lỗ rặng bờ kinh.  
 Bình thủy lưu linh, đảo lại Long-tuyền.  
 Trà-niên, kinh Xáng, Ba-láng, Cái-răng.  
 Hơn không hơn cũng kiếm chơ bằng,  
 Có đâu thua bạn, bạn hồng cười chế...

Nhưng ở đồng quê, chuyện gì xảy ra lần lần thiên hạ đều hay biết. Họ không tiếc lời đề mĩa mai con Bảy :

— Ờ ! Trời cao có mắt. « Cao hơn tác hữu cao hơn tri. »  
 « Trèo cao té nặng. Ngó cao đau ót. »  
 Cái ngày ấy lại đến.

Đã quá canh một.

Như thường lệ, con Bảy sửa soạn lên bờ ngủ. Khuya ít có khách sang ngang. Hơn nữa, trời chuyển mưa đen kịt phía Nam. Nhưng kia, một ánh đèn nhỏ nhỏ chói lênh bành giữa sông, từ từ trôi lại như cố ý đón đầu :

— Hò... ơ... Thân anh như con phụng lạc bầy,  
 Thấy em lẻ bạn, anh muốn vầy dặng loan.

Câu rao ấy thuộc về loại tầm thường ! Nhưng cảm mến cái giọng trai âm áp, con Bảy hát lại :

— Gặp mặt anh đây, em muốn vầy hai họ.  
 Sợ vợ anh ở nhà tiếng nợ tiếng kia.  
 Khách cười to :

— Anh nói với em, anh đã có vợ nhà,  
 Vợ tài mặc vợ, anh xử hóa thì thôi !

Thừa lúc con Bảy đang rời tri, khách hò thêm một hồi :

— Anh thương em, anh thương quăn thương quít,  
Bồng ra gốc mít. Bồng xít gốc chanh.

Bồng quanh đám sậy. Bồng bậy vô mại  
Bồng lúi sán lái. Bồng ngoáy trườ c mải  
Đặt em nằm xuống đây...

Kề từ hồi em dau ban của lưỡi trắng, miệng đắng com  
hôi,

Tiểu công anh đỡ đứng bồng ngồi,

Bây giờ em vinh hiển... em bắt anh đi bán nôi làm chi?

Ý trách người tình nhân bầy: bèo! Trí nhớ của con

Bầy bao giờ cũng có cách sẵn sẵn ứng phó:

— Bánh bô một vốn ba bốn đặng lời, khuyên anh ở nhà  
củ việc ăn chơi. Để em đi bán kiếm tiền lời, trước nuôi ba  
vời má, sau lại nuôi mình...

Cũng là tướng nghĩa tướng tình. Ai dè anh bạc nghĩa  
ở m phải ở một mình bơ vơ!

Khách bán xuống nọ lên tiếng:

— Ở nàng ơi!

Kiến nghĩa bất vi vô đồng giá. làm ngày bất cứu mạt anh  
hung. Nàng còn nghĩ phận chủ tưng, thì trao đây xích buộ  
vọng sao đây.

Tức thì khách quay xuống đi trước, rủ con Bầy tranh  
tài với khách. Nào chịu thua, con Bầy liền bơi theo sau  
Mái chèo phía trước nhịp nhàng;

— Đêm khuya anh thức dậy xem trời;

Anh thấy sao Nguyệt Bạch, ngó xuống lòng rạch; anh  
thấy con cá chạch nó lội đỏ dưới.

Nước chảy xuôi, con cá buôi nó lội ngược.

Nước chảy ngược, con cá nước nó lội theo.

Anh than với em rằng số phận anh nghèo,

Đã từ đâu dám đánh đèo với đũa mần.

Giọng con Báy lạnh lói, sôi theo :

— Canh khuya em thêu dây, em lau nữa rửa đĩa, dọn bàn,  
Tay em san rượu chén, miệng em hát một đôi câu  
Trên lầu kia tiếng chuông đánh rõ,  
Dưới nhà việc trống đồ lèn canh.

Em đây lịch sự chi đó mà đi đâu năm bảy người giành?  
Giả như con cá kia ở chợ, dạ ai dành nấy mua.

Đến khúc sông vắng, xuống của chàng từ từ dừng lại.  
Con Báy cũng hơi mái chèo. Bên ngọn đèn, gương mặt  
của chàng rõ ràng là khôi ngô, tuấn tú. Chàng nói :

— Cô Báy hồ hầy quá.

Con Báy cười đảu :

— Anh hồ hầy hơn em đó chứ !

— Tôi khen cái giọng hò của cô em. Nghe sao mà  
ngộ quá. Cô em dạy cho tôi...

— Có gì mà dạy. Đó là điệu «hò lánh hò» hát chèo  
giọng rao bán bánh hò trên sông. Ở đây sông rộng, nhà  
cửa, ghe xuồng thưa thớt, mình phải có giọng vừa cao  
vừa dài, che lấp hết, để cho ai nấy nghe được mình.  
Khó hơn giọng hò cấy nhiều lắm, vì hò cấy có nhiều  
người ở gần mình để «hòa hơi» theo. Ở đây mình hò một  
mình.

Đôi mắt của chàng sáng lên, ngạc nhiên :

— Vậy sao? Hồi nào tới giờ tôi không hiểu rành.

— Úa! Chàng ở xứ lạ mới đến à?

— Phải. Tôi ở Bình - thủy, Phong-diễn xuống đây.  
Nhưng ở đâu cũng là non với nước...

— Em gốc ở Ba-láng. Vậy là cũng như một quê. Em  
đến đây hai năm rồi. Lúc này ở trên ra sao?

— Cũng vậy... Hồi tháng sáu, Tây ăn lễ lộc gì đó. Cụ  
Cử Hoàn ở Sa-đéc không chịu treo cờ của nó trước nhà.  
Thiên hạ đồn, không biết hư thiệt... rằng ngày lễ ấy cụ



## CON BẢY ĐƯA ĐÒ

treo quần trước cửa để phản đối. Ở Bình Thủy, cụ Tông Hiền làm bài thơ tự trào. May thay, hương chức làng giấu nệm nhưng vẫn thâu tai quan trấn. Lúc đề bài thơ ấy, cụ Tông Hiền kẹp ngón bút ở giữa hai ngón chân mà viết. Ngao nghệ quá! Khỉ khải quá! Vừa rời ở Cái-răng có người bị tinh nghi vì đã chép bài thơ «Vịnh chó chột trôi sông» của cụ Cử Trị mà dán giữa nhà. Vì vậy, tôi phải đi. Qua đây gặp cô, vui biết mấy. Thôi ta tạm biệt...

Nghe qua, con Bảy bùi ngùi tắc dạ; từ chỗ kính mến đến chỗ yêu thương chàng trai đó cũng không xa mấy. Con Bảy nhìn vàng trắng khuyết vừa hé lên khỏi ngọn bần.

— Bao giờ chàng trở lại. Em xin chờ.

Chàng cười mà đáp :

— Cảm ơn.

— Lời em hứa là chắc. Hay là chàng không tin nơi lời nguyện của gái đưa đò.

— Đâu phải vậy. Chỉ sợ tôi không giữ đúng lời hứa của tôi. Chí trai bốn biển là nhà. Không có sự như chim bồng, như cá kinh chờ phận con se sẽ, con tép, con tôm này cũng học đòi ngao du trong vòng đất nước nhỏ hẹp.

Đứt lời, chàng đứng dậy cất mái chèo. Con Bảy xúc động, rưng rưng nước mắt. Duyên may, một đời chưa chắc gặp hai lần.

— Vậy thì xin chàng dạy lại cho em một đôi câu hò., để em nhớ đời.

→ Cô hò đã hay mà lại có duyên. Tôi còn biết gì mà dạy thêm. Họa chăng chỉ có một tấm lòng này...

«Một tấm lòng!» Con Bảy mãi suy nghĩ về ba tiếng đó, chừng giữ mình nhìn lại thì chàng đã khuất dạng trong lớp sương khuya. ●

*Câu cao ba mươi sáu nhịp,*

*Em qua không kịp,*

*Nhấn lại cẳng chàng :*

*Cái nghĩa lao khang sao chàng vội dứt ?*

*Đêm nằm thao thức, tưởng đó với đây,*

*Biết nơi nào sho phụng gặp bày,*

*Cho le gặp bạn.*

*Ruột đau từng đoạn,*

*Gan thất chín từng.*

*Đôi ta như quế với gừng,*

*Dầu xa nhau nữa cũng đừng tiếng chi.*

Bây giờ, con Bầy đưa đồ đã già; người ở chợ Vàm lại kêu rằng đi Bầy Đò. Cứ mỗi sáng, đi ngời đó nhưng tâm trí bàng khuâng theo câu hát nói trên. Chàng trai trẻ năm xưa như con nhạn bay xa. Phận của đi ví như con le bơi lội lặn quẩn trong ao hồ nhỏ hẹp. «Dầu xa nhau nữa cũng đừng tiếng chi». Phải chăng là đi năn nỉ chàng trai năm xưa đừng khinh đi là người kém lòng yêu non nước? Mấy năm rồi đi không còn đưa đồ nữa. Ngang kinh Xáng đã có cây cầu sắt. Trên, xe hơi chạy. Dưới, tàu đò đưa Ngay tại vàm, xóm nhà cũ lần lần tản ra, nhường chỗ cho một cái nhà lồng chợ.

Hồi nào thành thang trời rộng sông dài, giờ đây đi ngời li một chỗ. Hồi nào trăng trong gió mát, giờ đây đi phải chịu đựng từ hừng đông tới lúc tan chợ trưa, bên một lò lửa cháy và một nồi nước sôi. Nãy giờ chúng tôi quên nói rõ : đi chuyên bán thịt heo luộc.

Nếu thời xưa đi nổi danh về câu hát câu hò, ngày nay món thịt heo luộc của đi cũng ngon ngọt không đâu sánh kịp. Thịt heo già, thịt heo nái mà đi luộc rồi thì cũng trở nên mềm mại, không dai, da thịt dòn. Bởi vậy, lắm người ở chợ lân cận đến đây tìm mua cho được để nhậu hoặc ăn với bánh hớ.

Lắm người khách tò mò

— Di Bậy à, dượng Bậy đâu rồi ! Sao ở đây không ai biết cả ?

Di đáp :

— Dượng Bậy đâu còn ! Cũng như không. Di ở góa hăng mấy chục năm rồi mấy cháu à...

— Làm sao thịt heo của di luộc ngon quá vậy ? Chỉ cho chúng tôi học với.

— Có khó gì đâu. Nhưng... mà khó lắm ! Phải luộc trong nồi nước có để chút xiu phèn. Đừng cho nước quá sôi mà hại đồ mấy cháu ! Khi nước sôi thì đổ vô một lon nước lạnh. Cứ như vậy hoài. Di chỉ cho nhiều người nhưng họ luộc không ngon, nói rằng di giấu nghề...

— Ở... nghe mấy bà già nói rằng hồi đó di đưa đồ, hò hát hay lắm phải không di Bậy ? Di nhớ lại, dạy dùm chúng tôi...

Thiệt là khó quá. Không dạy, o mang tiếng làm hiềm. Mà dạy thì dạy làm sao ? Ngồi đây mà nhớ đến cái thời xuân xanh năm nào ! Nó như chiếc lá già rụng, mục nát trở về lòng đất để làm phân cho những cây tơ khác đâm lộc nảy hoa. Nó như một chiếc xuồng cũ kéo lặn trên đất khô, phơi dưới ánh nắng gay gắt. Còn đâu hơi gió cũ ? Còn đâu ánh trăng xưa ? Còn đâu hơi thở, còn đâu dáng người ? Còn đâu bến sông enhánh bần ghe con đóm đậu ?

Buộc lòng di Bậy nói một câu :

— Cái việc hò hát cũng như cái việc luộc thịt heo vậy. Ai làm cũng được. Cách thức dễ ợt. Nhưng mà công phu lắm.

— Công phu là thế nào di Bậy ?

Im lặng, chấp sau di đáp

— Ở đây, hồi đó có người nói là cần một tấm lòng.



## CHIẾC GHE «NGO»

**T**HIÊN hạ đồn rằng lục cụ Tăng Liên có phép mắt nghe được tiếng chim kêu, gió thổi và nghe cả đến tâm sự của từng giọt nước, từng hạt bụi trong lòng đất.

Ngày hôm qua, theo sự hướng dẫn của cụ, chú phó hương quản Hém đã đào được một chiếc ghe ngo. Không biết ghe này chôn vùi từ bao lâu rồi ; chỉ biết là đất phủ sa đã lấp lên gần một thước, Lục cụ Tăng Liên bèn thấp nhang giữa ruộng, đọc kinh lâm râm. Chập sau, cụ qui xuống, trần trọng đặt tay lên mũi nghe. Ghe chưa quá mũi, thân hãy còn ngòi lên màu nước sọc đỏ chói. Cụ lẩm bẫm :

— Lâu lắm rồi... Hồi xưa kia, chừng năm bảy trăm năm qua, vùng này giàu có, sung túc. Cứ xem chiếc nghe kia cũng đủ biết người xưa tài giỏi hơn người nay...

Chú phó hương quản Hém nói :

— Thưa cụ, tìm được di tích này âu cũng là may mắn cho xóm mình. Không hiểu theo tục lệ mình có nên đào chiếc ghe này, đem xác nó về gần chùa mà thờ ?

— Không được. Chiếc ghe ngo dài trên năm mươi thước. Khoảng giữa, cây đã mềm, làm sao đem về chùa

nguyên vẹn được. Không khéo, chúng ta hủy hoại công trình người xưa. Thà chúng ta đừng gặp chiếc ghe này còn hơn là gặp mà phá hủy, Chú biết ghe ngo là gì không ? Nó là hiện thân của rắn thần Naga, linh hiển lắm. Hồi đức Thích Ca ngồi thiền bên bờ hồ giữa rừng, rắn Naga là thần ác. Hôm ấy mưa to gió lớn, đức Thích Ca cảm hóa được rắn. Rắn bèn quấn tròn chung quanh và nâng đầu lên cao để che mưa gió cho đức Thích Ca. Từ đó về sau người Miên khoét thân cây sao, theo hình rắn, hằng năm bơi đua trên sông để mừng mùa nước nổi...

Chú phó hương quần Hem đứng nghe, tỏ vẻ thành kính rồi đi theo sau lục cụ mà về chùa. Chuyến về, cả hai im lặng. Nắng chang chang. Tỉnh thoảng, họ quay lại nhìn cánh đồng mênh mông, cỏ non vừa mọc xanh rờn. Nơi ruộng sâu, nước ngập lên khỏi mắt cá, lác đác vài người lo cày bừa. Lục cụ nhìn chú phó hương quần, chú phó hương quần nhìn lục cụ. Linh tính như báo trước với họ điềm gì. Điềm ấy lợi hay hại ? Một chiếc ghe ngo bị chôn vùi từ năm sáu trăm năm, nay bỗng nhiên hiện ra chào ánh mặt trời !

Như thường lệ, lục cụ Tăng Liên vào hiệu an nghỉ. Phó hương quần Hem tỏ vẻ bối rối. Chú ngồi không yên. Chú không muốn về nhà khi bao nhiêu lo âu còn chổng chائل, xao động trong lòng. Một ý nghĩ thoáng qua, chú lập tức bước qua bên hông chùa, nơi trại la. Dưới trại, một chiếc ghe ngo dài kê lên cao, sơn phết kỹ lưỡng. Chiếc ghe này liên tiếp bốn mùa nước, đã làm vinh diệu cho chùa ; cứ mỗi kỳ đua là thắng giải nhất. Chú nhìn chiếc ghe từ mũi chائل : bề ngang chừng tám tấc nhưng bề dài đến năm mươi thước. Hình ảnh con rắn thần Naga mà lục cụ giảng giải khi nãy hiện ra trước mặt chú. Tại con mắt ghe chائل lên toàn thân ghe như rung chuyển.

ngồi từng đóm xanh đỏ như vẩy rắn. Lái ghe, đằng xa kia, như quơ qua quơ lại. Gió thổi rào rạt vào trại lá. Áo ! Áo ! Hai tai chú nghe lừng bùng tiếng còi, tiếng trống, tiếng hò reo. Ghe nọ run mình đòi phóng tới, gần cốt chuyện nghe rảng rác. Khiếp quá !



Lục cụ ngồi trong liêu, ngóng đợi phó hương quản. Hèm đề ra ruộng nghiên cứu xác chiếc ghe thiên cổ nọ.

Trời quá trưa. Rồi mãi xế chiều, chú phó hương quản mới tất tả bước vào, lạy cụ hai lạy như thường lệ. Đồi mắt chú phó hương quản sáng lên :

— Vì có lệnh ông Đốc phủ chủ quận nên tôi phải đi hầu, về trễ.

Lục cụ sừng sốt :

— Đòi việc gì ?

— Dạ, ông Đốc phủ dạy chùa mình đúng ba ngày nữa phải đem ghe tới chợ Gò-quao mà đua với ghe của mấy chùa khác. Không tuân thì có tội.

— Tội gì ? Mới tháng này, chưa tới mùa rước nước ! Đua ghe như vậy trái với tục lệ.

Chú phó hương quản cố suy nghĩ :

— Dạ, nghe nói lễ lớn lắm. Lễ của Tây, ngày 14 tháng 7. Theo mọi năm, ở Rạch-giá mới có lễ. Năm nay, quận Gò-quao mình bắt chước phát phần thưởng.

• Lục cụ Tăng Liên nghiêm mặt lại. Đem ghe ngo của nhà chùa để đua, ăn mừng một ngày lễ chẳng liên quan gì đến dân mình nghĩ cũng khó xử thật. Không tham dự là chống lại với nhà nước Lang-sa, còn tham dự thì mất cả ý nghĩa thông liêng. Lục cụ bước ra khỏi liêu, đi vòng qua trại lá để ngắm chiếc ghe ngo. Cụ nói :

— Đua thì cũng được. Ngặt mình không sửa soạn

trước. Rủi thua thì mất danh xóm này. Phải bảo lại cho láng, sơn hai lớp thật kỹ. Chú phó hương quản biết không? Ghe không trơn láng đi chậm lắm, dầu mình cố sức bơi, Cầu thả như thế này...

Chú phó hương quản nói :

— Đây là chuyện cực chẳng đã. Chùa nào cũng vậy, họ đâu có thời giờ sửa soạn kỹ hơn mình. Dầu muốn hay không, mình cũng phải đua. Nghe nói thì quan trên giúp mỗi người một ổ bánh mì, mười người lãnh một hộp sữa. Ai về nhất, được giải thưởng danh dự.

Lục cụ gạt đầu :

— Phải, nhưng mà... chú chắc mình thắng kỳ này không?

Chú phó hương quản cười đôn :

— Dạ chắc. Dân xóm mình bơi giỏi lắm; hơn nữa, mới tìm được xác chiếc ghe ngo xưa. Ghe có hồn, lục cụ à! Hồn chiếc ghe xưa giúp chiếc ghe đời nay. Hội hôm qua, hèn chỉ tôi nghe chiếc ghe ngo này chuyện mình rằng rắc như sung sức lắm.

Thế là sáng hôm sau lục cụ đích thân, đọc kinh làm phép cho ghe ngo. Ghe đầy xuống nước; bao nhiêu trai tráng trong làng hò reo vang dậy như... lần thấy pháo. Sáu mươi bốn cây dầm nhỏ phân phát ra, mỗi người một cây. Trước mũi ghe, cây lọng đỏ giương lên che một cái khay nhỏ đầy rượu, nhang, trầu, hoa quả và một ông Phật bằng vàng lờn cỡ ngón tay cái.

Chú phó hương quản được hân hạnh lãnh trách nhiệm chỉ huy cuộc chiến đấu sắp tới. Chú tay lục cụ rời đến ngồi nơi mũi nghe, dưới bóng cây lọng. Ba mươi hai cặp thanh niên lực lưỡng từ từ bước xuống, ngồi sập hàng hai. Be ghe khảm, ngang mũi nước, tướng chừng xê xích một phân nữa là chìm. Nhưng không đâu! Chú phó

hương quân đã vắn chiếc khăn nhiều đơ lên đầu rồi đánh vào cái cốn nhỏ :

— Mòn ! Mòn ! Mòn !...

Đoàn lực sĩ hạ dầm xuống khoát nước, nhịp nhàng Chiếc ghe ngo phóng tới lưng đực rồi nổi lên cao khỏi mặt nước. Nước vàng trắng xóa hai bên. Tiếng cốn càng thêm nhịp. Rồi im bất. Lúc ấy người ta thấy chủ phó hương quân nâng cây dầm lên cao khỏi đầu, bơi trên không khi.

Tập dượt như vậy năm bảy bận, chủ phó hương quân bắt đầu yên tâm. Lúc cụ mỉm cười, ghé miệng vào tai chú mà căn dặn lần chót :

— Ngày mốt, khi sắp hàng, chú nhớ kỹ : nếu họ sắp cho mình ở phía bờ bên này thì mình phải lặn tới chừng một tấc. Nước ngược chảy bên này mạnh hơn. Chứa Sóc Ven có búa. Tránh đừng cho bên họ đụng nhằm ghe mình; không khéo ghe mình đứt ra làm hai khúc. Có hề gì chú ngâm ông Phật vàng vào miệng. Nhờ dặn anh em bên mình uống rượu bớt một chút. Mỗi người, phần ba lít là vừa.

Tuy năm nhà, tục cụ Tăng Liên vẫn theo dõi được cuộc đua ghe. Cụ nhắm mắt định trí, tai lắng nghe tiếng cốn của ghe ngo chùa mình. Nó khác hẳn giọng cốn của chùa khác, cao vút hơn, thanh tao hơn.

Từ sáng đến trưa, tiếng «môn, môn, môn» nghe đều đều. Cụ nhướng mắt; cau mày rồi chớp mắt ngáp dài thông cảm : ngoài kia, họ «cáp» độ chưa được. Theo thường lệ, khi xuất phát hai chiếc ghe không ở lẫn nước nào nhất định. Sông quá rộng. Hai bên cứ bơi chậm chậm lầy trôi tới. Hai vị chỉ huy liếc mắt nhìn nhau, khi nào đồng ý đưa thì mới bắt đầu. Họ mãi se cựa với nhau như vậy.



Bỗng giữa trưa, tiếng cồng thúc giục rồi im bặt. Lục cụ đứng dậy; đọc kinh lâm râm, đi tới đi lui trước sân chùa. Chao ôi ! Ngoài sông Cái Lớn, hai chiếc ghe ngo đã biến thành hai con rắn thần bay trên mặt nước. Kia phó hương quản Hem đỏ rực như cây đuốc : khăn đỏ, mắt đỏ và da thịt đỏ vì rượu, vì máu nóng vì ý chí bảo tồn danh dự của chùa mình. Kia ! Ghe của đối phương đang liều mạng xấn vào hông ghe bên này để được huề vi hai hên đều chìm. Nhưng người coi lái bên này nhanh tay, lách qua được. Phó hương quản Hem vội chụp lấy cây dầm nỏ, nâng lên cao, bơi trên gió như thu hút tất cả sức mạnh của trời, của đất. Ghe vượt qua.

Đoàn dũng sĩ ôm cán dầm sát vào ngực, ngã mạnh tới chuyền tất cả nhân lực vào mái dầm. Nước bay trắng xóa. Sau cùng, phó hương quản vội cầm ông Phật vàng trong khay, bỏ vào miệng mà ngậm.

Lục cụ Tăng Liên hình dung cảnh tượng dưới sông Gò-quao như vậy. Nó có thật không ? Mồ hôi tươm xuống lưng, thấm ướt áo cà sa. Cụ chấp tay vái trời Phật rồi vào trong kiêu nằm xuống thở mệt, đợi chờ.

Chiều hôm đó, tiếng hát vang dậy, tiếng cồng nhịp nhàng đưa đến ngày một gần. Lục cụ đoán đó là điềm chiến thắng. Cụ rửa mặt, lên chùa thắp nhang để tạ ơn đức bên trên.

Nhưng phó hương quản Hem bước vào lạy cụ. Gương mặt của chú lạnh như đồng, gợn chút gì buồn bã.

Lục cụ hỏi :

— Sao vậy ? Minh thua người ta à ?

Chú đáp :

— Dạ, mình thắng. Nhưng mà...

— Sao ?

— Nhưng mà được giải thưởng...

Lục cụ trở mắt :

— Được giải thưởng, có gì mà chú ngại. Tiền bạc hả ? Vải bố hả ? Nhang đèn hả ? Năm nay nhà nước cho vật gì ?

Chú phó hương quản Hem im lặng, chập sau mới bước ra ngoài, đem vào một gói giấy lớn, từ từ mở ra thì ô hô ! Đó là một lá cờ tam sắc to tướng.

Chú nói :

— Cái này của ông Đốc phủ tặng chùa mình, phần thưởng hạng nhất.

Lục cụ không nói nửa tiếng, nuốt nước miếng như cố nén chút gì tủi nhục, xót xa. Hồi lâu, cụ lắc đầu, cười xòa rồi đỡ chú phó hương quản đứng dậy. Hai người bước ra sân. Một quang cảnh náo nhiệt diễn ra : bao nhiêu trai tráng đang nằm dài trên cát, trên đất bùn. Kể thì hát nghêu ngao. Kể thì ôm ngực, mửa ra nào là rượu bánh mì, kể thì vói tay lên như gào thét, đòi thêm rượu nữa.

Chú phó hương quản nói :

— Dạ, bây giờ mình khiêng ghe ngo lên trại, mai mốt, sợ không ai rảnh.

Lục cụ nói :

— Phải. Rồi chú ở đây với tôi. Tôi buồn quá. Có chút chuyện cần.

Chú phó hương quản sực nhớ đến chiếc ghe ngo thiên cổ vừa tìm được mấy ngày trước. Nếu hôm rày không bận việc đưa ghe này, có lẽ chú xin phép đào nó lên được. Và lục cụ chắc đã dạy chú nhiều bài học hay hơn.

Chú nói :

— Mình ra ruộng, tiếp tục đào chiếc ghe xưa coi thử, phải không lục cụ ?

Lục cụ đáp :

— Thôi. Mình cứ lấp đất lại cho chiếc ghe đó yên

thân, khỏi bận hờn người xưa. Nay mai, vài chục năm nữa, chiếc ghe của chùa mình cũng vậy. Vạn vật đều biến đổi. Duy có nụ cười của đức Quan Âm bốn mặt... Bốn mặt của Ngài nhìn bốn phía để cứu khổ chúng sinh, khuyên ai nấy trầm tĩnh vì sự đời mãi đổi thay, thay đổi.



## CÔ ÚT VỀ RỪNG

*Mà ơi ! Đừng gả con ra,  
Chim kêu vượn hú biết nhà má đâu...*

**C**ÁU chuyện xảy ra tại rạch Bình-thủy, làng Long-tuyền, tỉnh Cần-thơ, đầu cũng vào khoảng năm 1939 hoặc 1940 gì đó.

Trời sáng trắng. Thường lệ cứ đến chín giờ tối là nhà ông hương cả Ba đóng cửa ngủ sớm. Đêm ấy, có khác. Cây đèn «mãn sông» cất lâu trong tủ được đem ra lau chùi, đốt sáng lên. Ông cả nheo mắt, nhìn dăm dăm ra sân tìm một góc tối om nào đó mà định thần hông gõ mối tơ vò rối rắm của gia đình. Ngoài sân, trăng sáng yên lành ; lớp thủy ngân xao động, nhảy nhót, gờn gợn trên lá trên cành của vườn cam, trên ngọn tre mềm dịu đang chuyển động từng cơn.

Ông lầm bầm :

— Kia... mà gió trở ngọn. Gió chướng qua gió nồm. Mết nắng sang mưa.

Bà cả lắc đầu :

— Ông này vớ vẩn. Gả con Út hay là không ? Sáng mai mình phải trả lời cho cậu Quỳnh biết. Ở đó mà lo

gió chường, gió nồm ! Hai đứa nó đâu rồi ?

— Tụi nó ở ngoài sân nói chuyện rù rì, bà không nghe sao ? Thế nào tôi với bà cũng tỉnh cho xong xuôi nội đêm nay.

«Tinh» đây là cả một bài toán. Làm thế nào có lợi cho gia đình mình ? Gả cô Út cho cậu Quỳnh, ông bà rất đôi vui mừng vì gặp nơi môn đăng hộ đối. Nhưng về mặt tình cảm thì thiệt thòi quá. Gả con gái về chốn Cảnh-đền xa xăm ! Tháng trước ông xuống đó đề dò xét thân thế gia đình của chàng trai : căn nhà ngói vách ván, xung quanh có vườn tược lai rai, xa xa nhô lên vài nhà của người Miên. Và rừng xanh một dãy che phủ từ phía chân trời !

Ông đáp :

— Tôi nhứt định gả. Hai đứa nó thương nhau từ hồi còn đi học ở Sài-gòn. Bên chàng trai khá giả. Mình đòi bắt rề ai mà chịu. Thôi đành vậy...

Bà cả thở dài :

— Tôi ngại quá. Mình có mụn con gái. Gả đi xa xôi không nói làm gì. Ngặt xứ đó kỳ quái hiểm nguy. Nói cái tên Cảnh-đền nghe cũng dị hợm...

— Tưởng bà ngại điều gì chớ chuyện đó thì dễ. Dân ở dưới hiền lành lắm. Bộ thiên hạ ăn thịt con gái mình sao mà nguy hiểm ?

— Tức chết đi ! Nói vậy mà không hiểu ! Ông không nghe người ta hát sao ?

*Xứ đâu hơn xứ Cảnh-đền,*

*Muỗi kêu như sáo thổi, dĩa lợi lênh như bánh canh.*

Ông cả nghe qua, cười ngất hồi lâu. Bà cả càng sôi gan :

— Ông cười tôi nói bậy à ? Ở xứ đó chạng vạng là ai nấy phải vô mừng đề... ăn cơm.

— Nhưng sự thật là họ ăn cơm sớm, hồi cỡ bốn giờ

chiều đề khỏi cần vô mừng. Bà nghe ai nói lại vậy?

— Ông có tài binh vực cho xứ Cạnh-đền. Dẹp chuyện muỗi một bên, tôi bàn qua chuyện đĩa đề ông có giỏi thì cãi. Nè tôi nghe nói... phen đó cô dâu nọ ở chợ Càn-thơ ga xuống. Cờ xuống bến làm cá; xong xuôi đem trút vô chảo, nấu canh chua. Dè đâu chừng dọn cơm ra, cha mẹ chồng gặp lên thấy quả tang một con đĩa đeo trong khứa cá. Cô dâu nọ bị đuổi vì tội... nấu canh chua bằng đĩa. Oan ức quá. Xứ đĩa nhiều, đâu ai dè trước! Tôi sợ con út nhà mình phải bị đuổi trở về mang nhục với xóm riêng.

Ông cả cười dòn :

— Thiên hạ đồn nhưng có thiệt lần nào chưa? Tôi nói cho bà nghe : chuyện đó dóc. Hồi xuống Cạnh-đền, tôi nhắc chuyện... « đĩa lênh như bánh canh ». Thiên hạ ở dưới đó cất nghĩa : Cạnh-đền là nơi nước mặn gần mãi năm. Hơn nữa, ruộng ít khi cày trâu. Làm sao có đĩa ở vùng nước mặn? Chẳng qua là mấy người đặt bài hát đưa em, thêm như thêm nhụy đề bắt vần. Đĩa nhiều là ở xứ nước ngọt như Bình-thủy, Ô-mộn đây nè ! Bà biết chưa. Ở đây, từ hồi nào tới giờ, có ai nấu canh chua đĩa không? Bà chỉ cho tôi coi thử.

Bà cả đuối lý, cố suy nghĩ, tìm cách bảo thủ ý kiến mình.

Sau rồi, bà nói :

— Gà con về rừng khổ lắm. Xưa này, người ta hát :

*Mẹ mong gà thiếp về vườn,*

*Ăn bông bí rợ dưa hương nấu canh.*

« Đẳng này mình gà con về rừng... Bao nhiêu người chịu tai nạn đó rồi ».

Ông cả hút điếu thuốc, chấp sau mím cười, đắc thắng. Bà day mặt :

— Ông gả thì gả đi. Đương xá xa xôi làm sao nó về thăm mình được. Nãy giờ tôi quên nói chuyện đó.

— Để ợt. Miễn là con gái của mình có hiếu. Gả con... ở trong nước Việt-nam chớ qua bên Tây bên Tàu gì sao ? Một khi quên cha quên mẹ thì dầu ở kể bên nhà nó cũng không thèm về thăm. Tôi thì tôi tin con Út lắm. Công cha mẹ nuôi dưỡng, cho đi ăn học lẽ nào nó quên.

Bà cả bỏ đi chỗ khác, nói lại một câu :

— Đề coi nó nhớ hay quên ! Xướng miệt Cảnh-đền, muối ăn thịt nó. Nó bỏ thầy ở dưới, hai ba năm chưa chắc về thăm mình được một lần. Lần hồi mất gốc rễ nó nhè lấy tên của mình, đặt trùng lại cho con cháu của nó mà không hay.

— Tại sao vậy ? Bà này vô lý quá...

Tuy cãi lời bà, trong thâm tâm ông cảm thấy chút gì buồn bực, đuối lý. « Ông có lý luận đúng, nhưng bà... không lẽ nói sai ». Nghĩ vậy, ông lại nằm nơi ghế trường kỷ, lẩm bầm :

— Ông Tư xếp đặt rồi. Phận con Út vậy, đành vậy.

Thế là tháng chạp năm đó, nhà ông cả treo bông kết tuôi đề gả con, giữa tiếng dị nghị của bao chàng trai ở ớ rạch Bình-thủy.

Cô Út về làm dâu đất Cảnh-đền.

Hai năm qua.

Ba năm qua...

Chuyến đầu, đôi vợ chồng về thăm ông cả bà cả, đeo theo một đứa con gái nhỏ,.. sờ sữa để thương.

Chuyến sau họ về, lại thêm một đứa gái. Và một đứa thứ ba nữa đang nằm trong bụng mẹ.

Hai ông bà quá đổi vui mừng.

Nhưng liên tiếp mấy năm sau họ bất tin, ngày Tết ngày giỗ cũng chẳng về. Lo ngại quá! Có chuyện gì xảy ra bất lành không?

Hai ông bà muốn xuống Cảnh-đền thăm con nhưng ngại mình già sức yếu, đường xa xuôi, phải vượt qua sông-Cái Lớn. Năm đêm, lắm khi bà khóc lóc mà trách ông:

— Tôi nói muối rưng ăn thịt hai đũa nó rồi. Xứ gì mà muối kêu như sáo thổi. Không đau bịnh, rét thì cũng chói nước lớn bụng mà chết... Hồi đó ông cãi tôi, nhớ không?

Ông Cả vô cùng buồn bực, Nhứt là khi nghe con nít chòm xóm hát đưa em:

*Má ơi đừng gả con xa,*

*Chim kêu vượn hú, biết nhà má đâu?*

hoặc:

*Thương chồng phải lụy cùng chồng,*

*Đắng cay phải chịu, mặn nồng phải theo.*

Mỗi khi tiết trời lập đông là cơ thể rêm nhức, tuổi già của ông càng đè nặng hai vai. Nào nuốt quá những câu hát:

*Một mai ai đứng bên kinh,*

*Ai phò giá triệu, ai rình quan tài?*

*Bên kinh đã có con trai,*

*Giá triệu con gái, quan tài nàng dâu.*

*Hỏi nào chàng rề ở đâu?*

*Chàng rề uống rượu đi sau nói xàm...*

Ông nhìn trời. Ngày nào đó ông chết, con gái không về kịp để phò giá triệu, cũng không có chàng rề. Nhưng ông tin tưởng rằng đũa rề của ông ở vùng Cảnh-đền xa xuôi kia, giờ phút này đang cặm cùi làm ăn nhớ cha mẹ vợ, không bao giờ uống rượu nói xàm vì chàng là kẻ có ăn học. Suốt tháng ngày, ông chống gậy đi quanh quần bên gốc tre già ở mé sông, mắt mòn mỏi nhìn bóng dáng



các ghe thương hồ qua lại.

Trời đất nào phụ kẻ có lòng như ông !

Mãi đến buổi trưa đó, có chiếc ghe chèo chậm ngang bến. Chồng trước mũi hỏi vợ sau lái :

— Phải chổ cây mù u này không ? Cậu Quỳnh nói nhà bên vợ ở đâu đây.

Chị vợ đáp :

— Không chừng... Đứng quá, cách ngã ba, qua hai cây cầu khỉ, nhà ngôi có vườn quít.

Anh chồng ngó tới ngó lui, cãi lại :

— Minh mới qua một cây cầu. Chèo tới trước, chổ cây cầu khỉ, dăng kia kia, họa may..

Ông Cả cố gom tất cả sức già, la lớn :

— Ở đây nè, bà con ơi ! Nhà vợ thằng Quỳnh ở đây nè...

Ghe đậu lại. Hai vợ chồng họ được mời lên ăn cơm với thịt gà tại bộ ván gỗ giữa nhà ông hương Cả. Trong đời, họ chưa bao giờ được hân hạnh lớn như vậy ! Ông Cả, bà Cả người lối xóm lại hỏi nhiều câu quá. Họ bối rối trả lời vắn tắt :

— Dạ, vợ chồng cậu Quỳnh mạnh khỏe. Nhờ trời sanh được sáu đứa con. Bốn đứa sau đều là con trai.

Bà Cả mừng quýnh :

Úy ! Bộ con Út để năm một sao ? Con nhỏ đó thiệt giỏi !

Khách trả lời :

— Dạ, để năm một. Đứa ăn thôi nói, đứa lười dầy thàng. Mẹ tròn con vu ông. Hồi tôi đi đây, cô Út gần năm chổ một lần nữa. Thưa ông bà, miệt dưới ai cũng vậy. Như vợ chồng cháu đây có tám đứa con.

— Sao vậy cà ? Sao vậy cà ? Ở dưới cỡ này ra sao mà thiên hạ để nhiều quá vậy ?

Khách ngưng nghịu, chập sau mới nói :

— Dạ ở miệt dưới muối dữ lắm. Chạng vạng là cả nhà, vợ chồng con cái rút vô mùng... nói chuyện. Ít ai đi đâu.

Ai nấy phá lên cười to. Đến lúc bấy giờ, ông Cả bà Cả mới hiểu thêm một sự bí mật quan trọng của tiếng «muối kêu như sáo thổi» ở Cảnh-điền. Nó làm hại sức khỏe con người. Nhưng nó gắn bó mối tình chồng vợ hơn ở xứ không có muối.

Đề đánh trống lảng, ông nói :

— Ủ ! Phải vậy mới được. Xứ mình cần có dân đông đề tạo lập thêm ruộng vườn, khai phá đất hoang.

Bà Cả nóng ruột :

— Anh chị đây có nghe vợ chồng nó nhắn chừng nào đem mấy đứa cháu ngoại của tôi về cho biết mặt ?

Khách trả lời :

— Dạ không nghe. Con cái lữ khữ cả bầy, chắc vợ chồng cậu Quỳnh khó đi xa. Năm rồi mùa màng thất bát, ai cũng lo tay làm hàm nhai để nuôi con. Sông Cái Lớn mấy năm nay lại thêm sóng gió bất thường.

Bà thở dài, nói như rên siết :

— Nhớ mấy đứa nhỏ quá. Ông ơi ! Hồi đó ông cãi tôi...

Ông cả im lặng, nghĩ đến cái ngày gần đất xa trời của mình. Nó không còn bao xa nữa. Ngày đó, ai phò giá triệu, ai rình quan tài ? Nhìn bụi tre già dưới bến mà ông tủi thân : măng non mọc kè bên gốc. Phận ông có khác ; con gái, còn rề và đám cháu ngoại ở chốn xa xuôi kia làm sao được gần gũi để ông thấy mặt lần đầu — và cũng là lần chót — khi ông tàn hơi. Nước mắt muốn tươm ra ông cố dẫn lại. Ông hiểu đời ông chưa tới mức đen tối, còn chút ánh sáng lập loè trong tương lai vô biên vô tận :

— Ở... ở dưới nó có lập vườn chưa ? Lát nữa, anh chị chịu khó chở về đùm cho vợ chồng con út một gốc

tre Mạnh Tông đề làm giống. Chừng thấy măng non mọc cận gốc già, mấy đứa cháu của tôi luôn luôn nhớ ông ngoại bà ngoại nó trên Bình-thủy.



Phật Trời thiêng liêng xin phù hộ, chúng giám! Từ bao nhiêu thế kỷ rồi, trên đất nước mình lắm người luống chịu cảnh sanh ly như ông Cả, như cô Út. Đề cho nước mạnh, dân còn,



## MIÊU BÀ CHÚA XỨ

**M**IÊU Bà Chúa Xứ, địa Gừa, gò mả Lạn... phải qua những chòm cây cổ thụ, những vùng lau sậy hoang vu ấy rồi mới đến nhà ông Tư Đạt.

Trời đã quá chạng vạng. Ánh nắng thoi thóp, đỏ khé, trong giây phút trở sang màu tím bầm. Muối dây ồ, kêu vo ve khắp gần xa. Loài ếch nhái, côn trùng bắt đầu lên tiếng, chào mừng bóng tối đang tràn ngập quá nhanh chóng.

Cô đơn làm sao, căn nhà giữa đồng này ! Gió thổi lạnh lạnh. Tôi rùng mình :

— Thưa ông, cháu về.

Ông Tư Đạt cười ngất :

— A ha ! Đứa cháu này sợ ma. Nãy giờ tôi quên. Vô đây, đốt thêm ngọn đèn nữa, Phải rồi, đèn lu quá ! Sợ ma sao ? Ở đây chơi mà !

Tôi trả lời, ấp úng :

— Dạ, cũng hơi sợ. Thiên hạ nói ở địa Gừa, ở gò Mả Lạn này...

Ông Tư nói nhanh :

— Có ma hả ? Hơi đâu mà tịn. Họ nói ma buông xuống lòng thòng từ cánh tay, từ bàn chân, cái đầu rồi

ráp lại. Họ nói ma ở trường bỏ tóc xõa, đứng trên ngọn cỏ mà múa. Minh hú, nó hú trả lời. Minh chạy, nó rượt theo. Nhưng tôi nhứt quyết xứ này không có loại đó. Xứ này, cháu biết không, là xứ của ma...

Tôi trầm ngâm suy nghĩ : tại sao ông Tư Đạt nhìn nhận có ma rồi bảo rằng không có ? Chớ ma ở gò mả này thuộc về loại nào ? Dầu sao về mặt trầm tĩnh, can đảm của ông cũng làm cho tôi được yên tâm chút ít :

— Thiên hạ đồn đãi nhiều. Cháu phải sợ theo.

Ông Tư khêu ngọn đèn rồi vào trong đem ra một chai rượu đế :

— Uống đi cháu. Thủng thỉnh tôi nói qua chuyện khác vui hơn... Đồn đãi là một chuyện. Nhưng sự thật lại khác. Cái gì được người ta lặp đi lặp lại nhiều lần bằng câu hát đưa em ? VẬY mà có người không hiểu rõ. Thí dụ như :

*Một mai thiếp có xa chàng,*

*Đôi bông thiếp trả, đôi vàng thiếp xin.*

Tại sao đôi bông thì trả, đôi vàng thì xin ? Không lẽ người đàn bà nước mình mang thói tham lam ? Sự thiệt nó có tích như vậy : đôi bông là vật cha mẹ chồng cho nàng dâu hồi đám nói ; đôi vàng là của riêng mà hai vợ chồng trẻ nhờ dành dụm sắm được lúc sau. Nàng dâu than vãn bà mẹ chồng khắc nghiệt, sẵn sàng « trả đôi bông » lại cho mẹ chồng. Nhưng nàng vẫn thương chồng — « xin giữ đôi vàng » — nài nỉ chồng cất nhà ở riêng để thoát ách. Câu hát đó cao sâu lắm ! Hồi xưa, khách qua đường hễ nghe nó là hiểu được tánh tình của bà mẹ chồng trong nhà như thế nào. Bởi vậy người hát phải biết hát, người nghe phải biết nghe. Cái chuyện ma ở gò Mả Lạn này cũng như câu hát đó. Lâu ngày, thiên hạ không hiểu, họ nói xàm, làm mất phẩm giá người đời xưa

rời đâm ra sợ sệt vô lý. Chung quanh nhà này có ma thật...

— Ghê quá vậy ông !

— Phải ! Đó là hồn oan. Mình phải thấy rõ họ, mình phải thương họ. Thường bữa, họ tới lui, muốn làm quen với mình nữa. « Sự tử như sự sanh, sự vong như sự tồn » mà...



Non 80 năm về trước, hồi đó ở tại gò mả Lạn này xóm nhà đông đúc hơn bây giờ. Họ sống về nghề ruộng rẫy, giăng câu, bắt rắn. Giặc Tây đến. Chúng đóng bình ở ngoài huyện Kiên-giang. Binh sĩ của ông Nguyễn Trung Trực lén kéo về châu thành để công kích. Dân chúng nghe tiếng súng, nửa mừng nửa sợ. Tới một đêm đó, nhiều loạt súng nổ chát chúa ngay đầu xóm, tại địa Gừa.

Không ai dám bước khỏi nhà. Họ đoán rằng có người bị giết và tiếng súng sát nhọn nọ là của Tây. Sáng hôm sau, vài người bạo dạn ra dò xét. Họ kéo mấy cái thây người dưới địa đem lên, chôn cất kỹ lưỡng gần bờ thềm.

Từ đó, đêm nào đêm nấy giống nhau. Cứ quá nửa đêm dân chúng phải cẩn rắng, nuốt lệ mà nghe súng nổ. Khi thì nghe tiếng kêu rú. Khi thì nghe tiếng chim bay.

Nước dưới địa lần lần đen ngầu, hôi tanh. Cỏ bện bờ ngày một cao vì dân làng không còn ai lui tới để gánh nước như trước. Trong khi đó, con đường từ thềm địa ra ngoài lộ cai tro nên mòn lấm vì dấu chân của bọn đao phủ Tây tà và của những nghĩa quân, lương dân vô tội từ nơi xa lạ dẫn tới.

Dân làng quá đói hiền lương, hằng đêm, họ thức để chờ nghe tiếng súng đầu tiên nổ ngoài bờ giếng. Rồi họ

cúi đầu lằm thằm đọc kinh vãng sanh, cầu nguyện cho người quá cố.

Trưa đó, ngày mùng 7 tháng chạp, bất thường giặc kéo nhau tới bờ đìa Gừa. Chúng đứng lại nhìn xuống đìa, đếm mấy gò mả xung quanh. Nào ai dám hó hé! Chập sau, chúng rút lui. Một thằng bé chăn trâu được may mắn núp ở gần bờ đìa, khi nãy. Nó về xóm thuật lại :

— Tui thấy ông Tây này cười, ông Tây kia la hét, ông Tây nọ gật đầu. Mấy ông dòm vô xóm mình...

Điềm lành, điềm dữ hay không có điềm gì hết ? Không ai đoán trúng cả. Vì đó là một điềm dữ, nhưng dữ quá mức tưởng tượng của họ.

Đêm ấy cả xóm đều bị bao vây.

Nhờ ngủ ngoài chuồng trâu, đứa bé chạy thoát được. Nó qua xóm kể đên cầu cứu trong khi súng nổ liên hồi, lửa bốc cháy.

Đầu canh năm, tiếng súng vẫn còn thưa thớt. Mặt trời gần mọc, chường đó dân làng kể bên mới dám đi qua cứu giúp.

Người chết quá nhiều. Người còn sống quá ít. Làm sao mà chôn ? Ban đầu còn bó thây bằng chiếu, mỗi hầm chôn một người. Sau cùng, cứ chôn chung một hầm, đủ già trẻ bé lớn. Khiêng nhiều chuyển quá sanh mệt mỏi ! Họ không đặt xác chết lên tấm ván để khiêng. Họ khiêng bằng võng, đặt hai xác chết trên một võng, người trơ đầu phía trước, người trơ đầu phía sau.



— Đúng vậy ! Hồi đó hai người nằm một võng, theo kiểu hai đứa con nít ngủ trưa như bây giờ thiên hạ đưa con.

Đêm về khuya. Chai rượu gần cạn. Đứa bé chăn

trâu thỏ trước là ông Tư Đạt ở gò mả Lạn buổi này, nói tiếp

— Lâu quá rồi! Thiên hạ chết oan! Cả xóm chết giống nhau. Không một người khóc, không một miếng khăn tang. Cả tháng sau, quạ còn bay đen trời như tàn nhà cháy... Tôi là người quen với họ, họ thương tôi lắm. Tôi không sợ ma, nhờ đó mà ít gặp ma. Vậy mà không hiểu can cơ gì buổi trưa đó tôi gặp họ.

— Ban ngày hả ông?

Ông Tư Đạt nói:

— Chanh hiệu là... ban ngày. Đi gặt về, dọc đường tôi ghé lại bờ đìa Gừa. Thấy nước trong quá, tôi nhảy xuống tắm rồi ngắt một cọng bông súng, nhai vô miệng cho mát. Tôi nhớ rõ: cọng bông súng dài lắm. Nhai một hồi, bỗng nhiên thấy một ông già hiện ra, đầu mặt với tôi, miệng ông chỉ nhai đầu kia của cọng bông súng. Sợ quá, tôi nhả ra nhưng không được. Hàm của tôi cứng lại rồi... đánh bùa cap. Sau rớt, ông già nọ nhai lần cọng bông súng đến gần mặt tôi, hai mặt đụng nhau, sát rạt, lạnh ngắt.

Ông già nọ hỏi tôi:

— Cái thằng Đạt chặn trâu! Nhớ ta đây không?

— Ông là ai?

— Bà con mà! Mấy chục năm nay, mày làm ăn thế nào?

— Dạ nghèo quá!

— Vậy thì thằng Đạt mày còn sống tới bây giờ cũng không sung sướng gì hơn mấy người chết yểu cả xóm hồi đó. Nhớ không Đạt? Bà con chết đêm mùng 7 tháng chạp. Phải cúng kiến chớ! Có thịt ăn thịt, có muối ăn muối. Rồi cất nhà cho bà con mày ở. Nhớ thắp nhang.

Ông Tư Đạt nói tiếp câu chuyện:

— Đêm đó, về nhà tôi ngủ không yên. Sau rớt, tôi



kêu gọi bà con lối xóm cất một cái miếu. Hương chức hỏi tề hỏi tại sao cất miếu mà không xin phép ; tôi trả lời đó là miếu thờ bà Chúa Xứ, nào dám nói sự thật, sợ mình bị buộc vô tội làm quốc sự. Bởi vậy cháu hiểu vì đâu tôi giữ anhang khổi tại miếu này, vì sao ở sát gò mả Lạn mà tôi không sợ ma. Ba bốn mươi năm nay, ruộng nương thất bát, có một lần đổ xứ mà đi nhưng buồn bực quá, tôi trở về nền nhà cũ. Tôi nghĩ : mình ở đây nghèo, nhưng mà vui. Nhiều đêm, tôi nằm nói thơ Văn Tiên một mình mà không đỡ buồn. Tôi đứng nhìn trời đất đồng ruộng ở ngoài. Tối thui vậy mà vui quá ! Cháu ra đây coi thử...

Ông Tư Đạt bước ra cửa, đưa tay làm dấu hiệu bảo tôi đi theo. Đồng ruộng mơ hồ. Trăng non chưa hé. Đám lau sậy mặt mùng chạy dài như bức trường thành, nổi liền gò mả Lạn qua đìa Gừa, tiếp đến miếu Bà Chúa Xứ đàng xa.

Ông lầm bầm :

— Không riêng gì ở gò mả, ở Đìa Gừa... Rải rác đầy ruộng nương, hồi đó ở đâu cũng có mả, có xương người. Kia, cháu thấy không ? Sao trên trời xẹt xuống một đốm... hai đốm. Rồi đất ruộng rung rinh, lúa mới cấy dợn đều như sóng dậy ngoài biển. Cháu thấy không ?

Tôi lạnh người. Gió thổi hiu hiu. Phải chăng oan hồn thổ trước đang về đây ! Họ trở thành cát bụi đang thu hình vào rễ lúa để vươn lên mặt đất, đòi đơm bông kết trái ?

Hay là họ buồn rầu khi nhìn cậu bé chần trâu còn sống sót thuê nợ giờ đây sống hăm hiu. Từng vệt sao rơi, phải chăng đó là những niềm tin tưởng soi sáng quyền sử, trường cửu của đất nước, một quyền sử không có số tương mà mỗi luống cày là một tờ giấy bao la, mỗi bụi lúa là một nét chữ không nhòa, muôn năm linh động ?

Ông Tư Đạt vỗ vai, bảo với tôi:

— Bây giờ cháu thấy ma chưa? Không thấy thì ráng đứng hoài cho tới chừng nào thấy rõ. Ông ở đây mấy chục năm rồi mà chưa thấy đủ mặt người. Bởi vậy đêm nào ông cũng thức, cũng nhìn...



## MÙA « LEN » TRÂU

**N**ƯỚC tràn bờ sông Hậu chảy qua. Nước trên trời tuôn xuống. Gió biển thổi miên mõi lộng về. Từ sáng đến chiều, mặt trời biến dạng sau lớp mưa : ánh nắng pha loãng đều đều không làm chói mắt kẻ ưu tư đang ngồi hút thuốc mà ngắm mấy lượn sóng chạy dài tiếp lưng trời. Núi Ba-thê bên này, núi Cẩm trước mặt, hòn Sóc, hòn Đất bên kia bình thường xem hùng vĩ, thơ mộng thì nay trở thành lè tè, bé bỏng trong cảnh bao la trời nước.

Chú Tư Đình lại vấn điệu thuốc thứ nhì, mỉm cười khi thấy từ chân trời một cơn mưa to hơn sắp kéo đến.

— Ủ ! Mưa hoài đi. Ông trời năm nay biết điệu, thuận mùa, thuận tiết...

Thiếu Tư như phản đối ý chồng :

— Mưa vài đám nữa thì có môn leo lên nóc phà mà ở. Ba cái lu, ba cái hũ trôi lênh nghênh trong nhà rồi, ba nó chưa hay sao ? Gạo hết, tiền hết.

— Mình đừng trách trời. Hồi nào tới giờ, trời cứ vậy hoài, hết mùa hạn thì phải tới mùa nước lụt chớ.

Chú Tư muốn giải nghĩa sự lạc quan của mình dài dòng hơn đề thiếu Tư nghe. « Đàn bà giỏi tài chú ý lật

vật, chuyện bấp nức. Nhìn ra đồng thì họ chỉ thấy những chuyền trên mặt nước, hơi dàu mà cai ả. Nghĩ vậy, chú im lặng, vấn thề ừ điều thuốc nữa. Giờ này, dưới đáy nước, sát mặt ruộng, mớ đất cây mềm nhũn, trở mình dậy lên thành bù non, mem hơi sức cho rễ lúa trắng phau. Gió thổi mạnh, trôi nhà trôi cửa nhưng lúa còn lì gan đùng chịu. Cứ qua ngày đêm, nước ngập lên một tấc; thân lúa đuối sức cố nằm dài trên mặt nước, vừa hấp hối ngọt tử là nhánh non nứt ra trong nháy mắt, đề chào đón cuộc sống.

Sau hè nha, nước dậy đùng đùng, sóng gợn từng lượn lớn, vỗ lát chát vào vách. Chú Tư bước nhẹ nhẹ trên sàn tay vịn mái nhà, tay che mắt đời cau mày: thằng Nhi đưa con trai của chú đang cưỡi trâu về.

Đôi trâu bước lên nền chuồng trâu lúc trước, tuy đã đắp cao thêm gần một thước vậy mà nước leo lên lé đé.

Chú Tư chờ thằng Nhi vào nhà. Nó cởi cái áo ướt mem quăng trên sàn.

— Xung quanh đây hết cỏ rồi. Làm sao bây giờ há ba? Trâu đói nữa, con mắt đỏ ghèn hoai.

Chú nói:

— Bên giồng cái Sóc-xoài Mây có qua tới đó không?

— Có. Mà hết cỏ rồi. Mấy lổm cỏ sau chừa không đủ cho trâu bò ở đó ăn, đâu có dư tới mình. Trâu mình ốm nhiều. Từ đây tới nước giựt còn trên ba tháng nữa, làm sao chịu nổi?

— Hồi đầu mùa, tao biểu giao trâu mình họ len đi miệt khác kiếm cỏ. Má mày ngăn cản. Bây giờ tới nước này rồi...

Thiến Tư trầm ngâm suy nghĩ, nhìn đôi trâu đã mòn sức, be sườn lòi rõ rệt từng hàng như vòng cung. Đề ở nhà, trâu chết đói; giao cho thiến họ len đi thì làm sao

bảo đảm được? Trầu của trăm chủ khác nhau gom lại chung một bầy, tha hồ lẫn hiếp, chém lộn; bầy trầu gần bốn trăm con mà chỉ có năm sáu người chần giữ.

Đường dài thăm thẳm, lội nước bả g rừng, rủi khi bệnh hoạn tài trầu đành bỏ mạng nơi xứ lạ quê người. Thật là tấn thối lữ đàng nan! Đói trầu nhà đứng khúm núm đó, trên nền chuồng, như hai pho tượng bằng đồng đan dựng lên mặt nước. Thiểm nói:

— Ba nó tinh sao thì tinh. Tôi rối trí quá rồi.

Chú Tư chép miệng:

— Không nên cãi mạng trời. Muốn cãi cũng không được. Không lẽ họ giết trâu mình? Trăm con, chết chừng đôi ba con là nhiều. Muốn vũng bụng hơn, mình cho thẳng Nhi theo coi chừng.

Thằng Nhi há miệng ngạc nhiên không dè mùa nước năm nay nó lại được đi du lịch bất ngờ như vậy. Chú Tư hỏi:

— Muốn đi không mây? Chẳng đầu, họ mới len trâu tới chân núi Ba-thê, mình đuổi theo nhập bầy còn kịp, đây qua đó chừng nửa ngày đường. Lấy cái nóp mới của tao mà đem theo. Dọc đường muỗi mòng, mưa gió, nhớ đi theo sát hai con trâu ủa mình, đừng ham chơi lâu lợng. Nói với *lớn khọ* rằng mình cũng chịu đóng cho y mười gạ lúa t.ên công *len trâu*, mùa này.



Mưa cứ mưa trút xuống. Gió cứ dậy sóng lên. Từ lúc thằng Nhi dẫn trâu đi, ona cửa lều lều trở nên vắng lạnh. Thiểm Tư cần nhẫn:

— Giao sanh mạng hai con trâu cho họ, ba nó chưa vừa bụng hay sao? Lại còn bay dặt, chớ chẳng Nhi đi theo! Rủi bề gì...

Chú Tư nói :

— Má nó khéo lo thì thôi ! Trâu hễ tới số thì dẫu cầm ở nhà nó cũng không sống. Tôi buồn lắm. Trâu giúp mình tạo ra hạt lúa ; bù lại, mình không kiếm đủ cỏ cho nó ăn no. Như vậy là mình bất nhân. Còn thằng Nhi, dịp này để nó học nghề với người ta.

Thiểm Tư hơi giận :

— Nghề gì ? Nghề chăn trâu mà cũng học nữa à ? Tôi không ham cái nghề đó.

— Má nó nói giỡn sao chứ ! Chăn trâu còn khó hơn điều binh khiển tướng. Đời xưa, nhiều người nhờ lúc nhỏ chăn trâu mà tới lớn được làm vua. Con nít chăn trâu hát ca nghe bậy bạ nhưng nhiều khi linh nghiệm như sách truyền, đoán trúng những chuyện quốc sự. Tôi nhớ coi... trong truyện Phong Thần gì đó nhắc cái tích ông Nịnh Thích ngồi trên lưng trâu, gõ sừng mà hát công kích vua đời... Liệt Quốc Đông Châu ! Vua giết mình, mời ông Nịnh Thích về làm quân sư. Nghe đâu lúc về hưu trí, ông Nịnh Thích lại cỡi trâu mà du sơn ngoạn thủy. Ngựa, tiễn, canh, mục là bốn điều sang trọng mà.

Thiểm Tư vẫn chưa nguôi cơn buồn

— Ba nó nói chuyện đời xưa. Chăn trâu theo kiểu ở xứ mình có khác, tối ngày đeo đuôi trâu mà lặn hụp dưới nước, ăn không no, ngủ không yên...

— Nhưng mà học khôn nhiều chuyện. Má nó hỏi nào tới giờ chưa từng tới núi Ba-thê, vậy mà bây giờ thằng Nhi nó rành đó ! Cảnh núi non thanh lịch, trâu ăn cỏ ngàng đàu coi mây bay lui tới ; ngựa lưng thì trâu cõ mình vô cột đèn vua chúa mà gãi sồn sột. Má nó biết không ? Ở núi Ba-thê, trâu len ăn cỏ trên đèn vua đời xưa... Vua chúa mất hết, trâu đời đời kiếp kiếp còn đứng đứng trên mặt đất này hoài !

Thiếu Tư bực bội

— Đói, không đủ cỏ ăn mà cũng sang trọng. Thôi ông ơi ! Đừng nói nữa.

— Hết cỏ thì qua chỗ khác, má nó đừng lo. Từ Ba-thê cả bầy trâu len qua miệt Bầy-núi. Oai về lẫm kia t Voi đi một lần đôi ba chục con là cùng, cạp đi hai ba con là nhiều ; cảnh đó ở miệt rừng ai cũng thấy. Đàng này, trâu lọi năm ba trăm con, đen đầu, đặc nước. Kiếm hạc trăm là dễ chớ muốn thấy được cảnh đó không phải là dễ, giống như hồi thiên địa sơ khai, càn khôn hỗn độn...Mấy ông thầy chùa, bà yâi ăn mình trong cốc trên núi, chán cảnh trần tục vậy mà họ còn bước ra ngóng mắt theo bầy trâu len dữ dội..

Càng nhắc tới, chú Tư càng thích chí, thiếu Tư trái lại ngồi buồn xo, không tin nơi lời chồng, cho rằng đó là kiêu an ủi gượng của kẻ túng cùng. Chú Tư lại vấn thuốc hỏi vợ :

— Má nó ngủ hay thức ? Nãy giờ có nghe không ? Sao không ừ hử gì ráo, hay là ngủ rồi..

— Tôi nằm nghe đây mà. Nghe bằng lỗ tai chớ nghe bằng miệng sao mà phải ừ hử từng chặp ?

— Má nó nghe à ? Tôi nói tới khúc nào rồi ?

— Tôi lúc trâu từ Ba-thê lọi qua Bầy-núi.

Chú Tư lại nói tiếp :

— Ở Bầy-núi thanh khiết hơn ở Ba-thê. Trâu ăn toàn cỏ lạ hoa thơm ; lẫm thứ cỏ phảng phất mùi gì giống như vị thuốc Bắc. Ban đêm, muỗi mòng cũng ít, tiếng chuông chùa, tiếng tụng kinh gõ mõ thì nhiều... Mặc dầu ăn cỏ ở dưới chân núi, trâu cũng được phong hãm chúa sơn lâm. Cạp beo trên núi qui xuống mà đầu hàng chớ không

dám xáp lại

Bên kia sàn nhà, thiềm Tư bắt đầu thở nhẹ rồi ngáy pho pho. Chú Tư mỉm cười, không chút hờn giận. « Vợ mình chán không thèm nghe nữa vì này giờ mình nói toàn những chuyện vui tươi, sung sướng, giãi giếm những nỗi cực nhọc trong nghề chèo trâu. Nhưng cần gì ? Cốt ý là mình nhắc lại cuộc đời lên trâu của mình hồi thuở nhỏ cho riêng mình nghe mà thôi ». Chú lại vắn thuốc hút. Bên ngoài trời vẫn mưa, sóng nước vẫn chạy ào tới đập vào vách nhà. Khói thuốc phun mờ mờ, bay thoảng lên cao. Chân trời lại hiện ra, lúa năm dài xanh rờn, nhấp nhô trên ngọn sóng. Và... đằng xa kia là Bảynúi, nơi mà giờ này thằng Nhi và hai con trâu của chú đang tung hoành, sấp lội nước hàng hai mươi cây số để vượt ra mé biển đến vùng rừng tràm miệt Linh-quỳnh.

Rừng tràm xanh đậm, rọi xuống mặt nước đỏ ngầu rung rinh. Nhứt là về đêm khi trăng chiếu, đom đóm bay về đậu khắp nhánh tràm như hộp chợ phiên ! Hồi thuở nhỏ, chú đến đó nhiều lần. Cảnh ấy bây giờ thay đổi vì nhà nước đã đào thêm con kinh Xáng-Rạch-giá—Hà-tiên và đắp xong con lộ đá. Trâu vượt qua lộ xe hoặcnghủ tạm trên lộ cho tới sáng. Lội dưới nước lâu ngày, móng trâu trở nên mềm ; đứng trên đá, trâu đau chân. Chú Tư bồng hình dung trước mặt một cảnh tượng oai hùng, khi mặt trời vừa ló dạng, đàn trâu phải rút vào rừng tìm nơi ăn nằm. Nhà nước đắp lộ xe nào phải để cho trâu đứng phá hoại... Trâu chạy âm âm. Không mấy chút, tràm gãy rôm rốp ngã liệt xuống, lổm rổm trở thành một cái đầm rộng lớn. Người lên trâu tạm nghỉ ngơi vài ngày. Mấy « tay riều » đón củi gần đó tụ họp lại làm quen, đánh bài cào, uống rượu, đốt lửa lên bàn chuyện tiếu lâm. Lắm khi họ sắp đặt công việc đi ăn cướp, ăn cướp



kẻ khác và ăn cướp lẫn nhau. Mấy tay lên trầu giết tiền của tay riều ; mấy tay riều cướp nhau giết trầu của mấy tay lên. Kăng lại đâm máu... Trong cuộc xô xát đê bừa đó, sanh mạng của con người như con kiến, hà hương chỉ đũa trở bô bông như thằng Nhi, con trai của chú ! Chú Tư giết mình, e ngại.

Trong giấc mơ, có lẽ thiêm Tư không tưởng tượng được tới cảnh chém giết rừng rợn đó. Thiêm nói lầm nhảm rồi lại trở mình, ngáy khô khô.



Tháng mười, nước giết xuống. Đến cuối tháng, một ruộng lộ ra, cỏ non như mọc xanh tươi đến tận chân trời. Mưa dứt sớm. Núi non lại trở nên hồng vĩ. Suối mưa, lóng nường theo nước mà vọt lên đến bốn năm thước ; bây giờ lủa nằm rạp xuống đất, chông chát cao ngùn ngụt. Cái sân nhà của chú Tư cũng hạ xuống. Cuộc sống trở lại bình thường.

Đêm ấy, quá canh ba, có tiếng kêu vang dội :

— Ba ơi ba ! Má ơi má ! Trầu mình nè...

Chú Tư, thiêm Tư mừng quýnh, tốc mừng chạy ra : thằng Nhi về đó, coi dị hơn mọi ngày, mang trên vai một đồng gi cao nghệu. Chú Tư xanh mặt. Nó thấy đồng ấy xuống đất :

— Đ.m. chết hết một con. Đem cấp sưng độ da của nó về nè ! Nhặng gần chết. Đ.m. không lẽ bỏ luôn.

Thiêm Tư mếu mếu, mừng vì gặp được con, buồn vì mất hết phân nửa gia sản :

— Mồ Phật. Mạnh giỏi há con ? Trời ơi ! Con đi theo toi chừng mà làm sao nó chết ? Đạc hương, con có đàn ốm gì không... Con, con...

Chú Tư im lặng, buồn buồn. Mừng con, tiếc của là

một lễ. Nhưng còn lễ khác đáng lo ngại hơn... Hồi nào tới giờ, thằng Nhi ăn nói đàng hoàng mà chuyển về này, trong câu nói hỏi này, nó pha vô hai lần chữ thề mà không hay.

Thiểm Tư nhìn cặp sừng và bộ da trâu mà rơi nước mắt :

— Thôi ! Lần này lần chót. Năm tới bán con trâu còn lại, không làm ruộng nữa. Đắt nước gì kỳ cục quá, cái xứ này...

Chú Tư nghiêm mặt :

— Nói bậy nữa đi. Đắt của mình, nước của mình mà bà dám nguyên rửa hả ? Hồi nào cúng vái, bà nói bà phục ông bà đất nước lắm mà..

Thiểm Tư đi ra sên lo đốt lửa để đun trâu. Chú Tư cũng đến vuốt ve con trâu còn lại rồi trở vô thấy thằng Nhi đang chụp gói thuốc rê trên bàn, nó mở ra, xé giấy ván hút phi phà một cách tự nhiên, ngon lành.

— Ghiền rồi hả mậy ? Chú hỏi.

— Hai ba bữa rày, hút có mấy điếu. Ở rừng, họ hút kịch liệt lắm kia... bà.

Chú Tư đem chai rượu đế ra, rót vào chén. Chú thấy thằng Nhi hít mũi lia lia.

— Nhậu thì nhậu một chút cho ấm đi ! Cờ này mầy sanh nhiều tật lạ.

Rồi chú day ra sên mỉm cười :

— Bà nó ơi ! Goi thằng con của bà nè ! Nó giống hệt tôi hồi nhỏ quá chừng.

Thiểm Tư chạy vào, không hiểu rõ đầu đuôi. Thiểm Tư lau nước mắt rồi nấu cơm cho thằng Nhi ăn, dọn mừng cho nó ngủ... Chú Tư thức mãi tới khuya, tỉnh thoảng hé mừng đòm thằng Nhi. Mừng rộng rãi nhưng nó vẫn co

rút như bời nằm trong nóp chật hẹp. Tay và bụng của nó xăm đầy những chữ nho, chữ quốc ngữ. Không cần đọc kỹ, chú đoán đó là « ngũ hồ tứ hải giai huynh đệ » hoặc « ái tình vạn tuế » mà một tay hảo hớn nào đã xăm cho nó.

— Minh không lỗ lã gì đâu ! Chú Tư lâm bầm một mình.

Chuyến đi len trầu này, đưa con của chú nhiễm nhiều tật xấu nhưng nó khôn lớn hơn, nghe thấy được nhiều việc mà ở nhà chú không nghe thấy. Chú ra sân. Dưới ánh trăng suông, con trầu Pháo bước tung tăng, nhịp móng xuống lớp phủ sa mát rượi, dưng trên mặt đất hôm nay mà sao thấy hơi khác lạ hơn mặt đất hôm nào, cũng ở chốn này. Nó hình hình lỗ mũi như cố phân biệt mùi thơm của cỏ núi hoa rừng với mùi thơm của mùi lúa sạ đang độ chín.



## MỘT CUỘC BIẾN DẬU

*Linh đình bèo nước biết về đâu ?  
Đâu bến An-giang thấy những rêu,  
Bầy-núi mây liền, chim nhíp cánh  
Ba dòng nước chảy, cá vênh rêu,  
Có rau nội quạnh, dân xanh mặt,  
Không trái bần khô, khỉ bạc đầu...*

Cử nhưn PHAN VĂN TRỊ

**L**ÃO Bích day mặt qua một bên. Năng đồ xuống từng đóm lửa đỏ như mấy cục sắt trong lò rèn mới rút ra, chóa lên rồi bay bằng xa dần, trở nên phiêu diêu, mát rượi như bầy đóm đóm vô hình bay trong đêm. Đùng ba ngày rày, lão chỉ uống nước chứ không ăn một hột cơm nào. Hai hôm đầu, lão lấy cứ là mệt. Hôm sau, đưa con lão bới cơm đầy chén, lão hứa sẽ ăn khi khỏe người. Chờ khi nó nằm ngủ trưa, lão đồ cơm trở vào nồi, thả xuống nước vài hột để pha bầy cá linh bu lại giành mồi, phóng mình lên... Giờ phút này, bụng dạ của lão thơ thối lạ thường, không biết đói là gì. Hay là nó đã tè liệt rồi ? Nhận đói năm ba ngày liên tiếp không phải là một lý do

đầy đủ để chết; sức người chịu dai lắm nếu hãy còn cảm giác biết đói. Đẳng này lão không đói nữa : phân nửa thân xác của lão, từ ngực trở xuống, dường như đã lìa. Từ ngực trở lên, qua hơi thở phơn phớt, lão ngỡ chỉ còn lớp da nhẵn bọc xương khô. Bệnh lao hoành hành từ mười năm qua đã giúp lão trút nhẹ lá phổi, duy còn đôi mắt và hai lỗ tai. Nhưng hai giác quan này đã biến đổi, hư hao quá nhiều. Bây giờ là ngày hay đêm ? Ở đây là biển tràn khờ hay là ở trên bồng lai ? Trong mờ ánh sáng lung linh, dường như có muôn ngàn gương mặt khác nhau hiện ra không rõ rệt, dịu hiền như ngọc nữ kim đồng, trong tiếng tiêu, tiếng sáo, tiếng đờn cò, giữa bầy phụng hoàng bay lượn.

Thăng Kim, đưa con lão, quát to :

— Qua ! Qua dùng !

Lão Bích giật mình thở phều phào :

— Qua à ? Vậy mà cha tưởng là...

Thăng Kim bò trên xuống, hơi dầm định đập lũ quạ đang liềm lỉnh bu lại mũi xuống. Lão Bích lắc đầu :

— Nó muốn rửa xác tao thì cứ rửa. Coi chừng chim xuống... Rán bơi tới nữa... Con ơi !

Rồi lão nắm tay nó mà kéo lại sát mặt :

— Thấy chòm cây, xóm nhà nào trước mặt không ? Hừng sáng rồi hả ?

Thăng Kim hoảng hốt, đoán rằng cha nó đang hấp hối. Mặt trời sắp lặn. Nó bơi mạnh. Qua lượn sóng to này nó hồi hộp, chưa kịp nghỉ tay là lượn sóng khác tràn tới. Đẳng xa kia, ẩn hiện trên ngọn sóng ngọn lúa xanh rì. Từ hồi sáng, mặc dầu nó bơi liên tiếp, cảnh vật xung quanh vẫn y hệt. Nước chảy hăng, tràn lan từ bờ sông Hậu-giang ra vịnh Xiêm-la, chảy mãi về hướng Tây. Nó thắc mắc : nước ở đâu mà nhiều quá, ngập đặng ruộng sâu cỡ hai thước, mênh mông không bờ bến như biển

khỏi. Hồi hôm qua, lão Bích dẫn giải :

— Đây vùng ruộng sạ thuộc tỉnh Long-xuyên. Hằng năm, nước lên vài tháng rồi giụt xuống. Đi tắt như vậy hơi cực nhưng không ai xét giấy thuê thân.

Giờ đây, nó mới hiểu rõ sự thật của tiếng « hơi cực ». Nhớ lúc đi qua phá Đại-ngãi để vượt ngang sông cái Hậu-giang, nước sâu, sông rộng nhưng nó cảm thấy dễ thở hơn. Sông rộng có giới hạn, hơi non một giờ là qua khỏi ; giữa sông nhiều cù lao nổi lên giúp người đi đường vững tinh thần, rũi chim xuống thì lội vô cù lao. Vùng ruộng sạ này có khác ! Bờ bên ở tận chơn trời, nước tuy cạn nhưng có thể giết người, nạn nhân dầu lội giỏi, vượt năm bảy ngàn thước cũng không tìm được một căn nhà sàn, một ngọn tre mà nương tựa.

Mặt trời xuống, ngày một thấp. Và rừng cây ban nãy biến đâu mất rồi ? Nó tự hỏi. Mặt nước xanh tươi, đám ruộng sạ của ai hiện ra hàng trăm công đất. Lạc vào đó e ngọn lúa vươn vào đầm khó bơi, nó quay xuống qua phía tay mặt. Sóng gió ùa dội xuống. Phía trước mũi xuống, lối nhỏ những đóm đen ngòm, chuyển động như giăng ngang kín chân trời.

Lão Bích nói vọng lại, yếu ớt :

— Thấy bờ bên gì chưa ?

Nó nghiêng tai nghe tiếp.

— Ba đề lại cho con cái áo này.. Yếu quá... ba ngồi dậy cởi áo không được. Con...

Nó trở mắt. Hai chân của cha nó im lìm như khúc gỗ bỗng nhiên cựa quậy, giãy giụa.

— Sao... sao không cha ?

Lão Bích không nói nên lời, môi mấp má. Đôi mắt lão trợn trắng rồi nhắm lại, sâu hoắm.

Thằng Kim la rú lên, hò tới. Tay chân ba nó đã lạnh

ngắt, mắt thì xanh đen. Nó khóc không nên tiếng nước mắt nước mũi cứ tuôn xuống.

Đằng xa... xóm nhà hiện ra. Nó rú lên. Nhưng tiếng hú nghẹn trong cuống họng. Chập cây dâm, nó quơ lên trời làm dấu hiệu.

...Một chiếc xuồng ba lá rẽ nước tiến lại, người ngồi trên xuồng quạt lớn:

— Gì vậy? Tê xuồng ruồng hả?

— Không! Ba tôi chết rồi.

Khách nọ ngồi xuồng, rẽ vào lão Bích rồi nhìn thẳng Kim:

— Ở đâu tới vậy? Tội quá. Người này là ba của chú em à?

— Dạ ở cũ lao Ông Chưởng...

Khách lầm bầm:

— Thì cũng ở trong vòng tỉnh Long Xuyên... Biết sao bây giờ! Đi đâu mà lỡ đường như vậy? Có bà con ai gần đây không?

Thằng Kim chấp tay lại:

— Ông giúp đùm tôi. Không ai hết. Không ai hết.

— Đề coi,

Khách quay lưng, đưa tay ngoắt chiếc xuồng phía sau. Thằng Kim đã hiểu những lần đèn ở chân trời khi này là bầy trâu vô số kẻ đang lẫn lộn. Trâu quây, sóng nước chuyển nghe ùng ùng. Hơi trâu thổi khi khi như cây rừng nổi gió. Hàng trăm cặp sừng cong vòng, nhọn lên phô lên trên bộ mặt ngơ ngác ba góc, giống hệt những trái ấu không lờ.

Khách bảo em bé xuồng ở xuồng sau:

— Đứng cho trâu đi theo. Không khéo chằm xuồng người ta bây giờ! Mấy dân chủ này lại chơi ông Hai Tích...

Đưa bé đáp:

— Rồi ai coi chừng trâu phía sau?

Khách ngẫm nghĩ :

— Vậy thì mày đưa một đôi, gần tới nhà Hai Tích thì hú một tiếng cho ông hay. Rồi trở ra lẹ. Ngoài này tao len trâu chậm chậm chờ mày...

Rồi dạy lại thằng Kim :

— Chú em đi với em này lại nhà quen của tôi. Họ giúp gùm cho.



Em bé bơi trước. Thằng Kim theo sau, trong dạ buồn điếng nhưng cũng khuấy khỏa được ít nhiều. Nó cúi đầu nhìn : tay chân cha nó đã rút lên, mặt nghiêng một bên khuất dưới cái nón lá ; có lẽ khi nãy ông khách nọ đã chú ý đập mắt dùm cha nó.

Ông khách bỗng bơi xuống theo, kêu nó :

— Ngừng lại nghe tôi căn dặn : thằng nhỏ đó sợ ma lắm. Chiều rồi, đừng chờ nó thấy. Chú em lấy cái nóp này của tôi đem về nhà ông Hai Tích. Không chừng sáng mai tôi về tới. Đừng buồn. Ông Hai Tích cũng như tôi...

Hai căn chèo nằm lú trên mặt nước. Khói cơm bay tỏa cuồn cuộn, tản mát trở về phía mặt trời mọc. Qua đậu sắp hàng trên nóc nhà, há mỏ kêu rồi bay vòng quanh xuống. Em bé rú lên :

— Ông Hai ơi ! Có khách của chú Tư Lập nè !

Rồi nó quày quả trở lại, Thằng Kim nói :

— Cám ơn.

Đưa bé nhìn lại trong xuống thằng Kim :

— Sao ông này nằm hoài... Kêu ông thức dậy, tới bến rồi !

Thằng Kim méo mặt, nước mắt lại tuôn xuống. Như đoán được trách nhiệm giao phó này giờ, đưa bé rùng mình, la lên một tiếng « trời » rồi bơi đi tuốt.

Nghe thằng Kim thuật lại hoàn cảnh của cha nó, ông Hai Tích thở dài, gọi bà Hai nấu cơm thêm để thằng Kim cùng ăn. Thằng Kim nuốt không vô ; hỏi xế trưa đến giờ.



tâm trí nó bận rộn vì một câu hỏi mà nó không dám thốt ra : « Chôn ba nó ở đâu ? Làm sao mà chôn ? » Bà Hai gọi ông Hai ra phía sau. Hai vợ chồng nói qua lại thì thảo. Ông Hai trở ra :

— Ý của cháu như thế nào ? Miệt này, mùa này ai rủi ro thì cũng vậy. Bác coi cháu như người nhà nên mới nói thiệt. Phải chôn gấp nội chiều nay, lòng vòng chờ sáng mai không lợi ích gì.

Thằng Kim hỏi :

— Thưa bác, chôn ở đâu ?

Đoán được vẻ lo âu sợ hãi ấy, ông Hai Tích ngập ngừng :

— Nói là chôn cho đúng tục lệ chôn đất ở đâu mà chôn ? Từ bề là nước. Có hai cách : một là xóc cây treo ở giữa đồng rồi treo trên mặt nước, chờ khi nước giọt mới đem chôn lại dưới đất. Như vậy mất công lắm, điều quạ hoành hành. Chi bằng bó xác lại rồi dẫn cây dẫn đá mà neo dưới đáy ruộng...

Thằng Kim đập đầu xuống sàn nhà, hai tay bứt tóc :

— Trời ơi, phải biết vậy, ba tôi đi tới xứ này làm chi...

Bà Hai Tích rung rung nước mắt :

— Cháu đừng khóc. Trời định vậy. Ở đây ai cũng vậy ; người có của, ai tới xứ này ? Trách cha, trách mẹ, trách trời là thêm tội. Cháu thấp nhang đi, lạy không được thì xá ba xá. Bác ra tay giùm. Trời chạng vạng, lát nữa tối tăm, khó lắm.

Bước ra sau hè để coi bóng mặt trời rồi ông Hai Tích lật đặt trở lại phía trước, tay cầm chai rượu. Ông đỡ cái nón che mặt lão Bích, phun rượu kéo tay chân xác chết ra cho ngay ngắn.

Hai chiếc nóp gói kín xác kẻ bạc mạng. Bà Hai vào nhà rút mười sợi dây choại, chuyền xuống. Sau rút, hai ông bà lum khum khiêng xuống xuống cái thớt trên của cây cối xay lúa cũ.

Xuồng rời khỏi nhà, ngày một xa. Thăng Kim khóc òi đi theo... để tự vận. Bà Hai Tích nói :

— Lớn rồi, cháu không phải là con nít nữa mà đòi liều mạng đại dột như vậy. Coi như là xong một cái tai nạn...

Thỉnh thoảng, ông Hai Tích day mặt lại, khoát tay như ra dấu bảo người trông nhà đừng trông theo. Biết cử chỉ của mình vô hiệu quả, ông cho xuồng tề cua một bên hông trong nhà không ai nom thấy cảnh đượng đầu xót cuối cùng. Đôi mắt thăng Kim mở rộng, trừng trừng. Cả mặt nước giờ đây hiện hiện như con ác thú không lồ há miệng ra nuốt trọn thân xác cha nó rồi ngậm miệng lại, gặm dữ vì chưa no. Nhưng chỉ giây phút thôi ! Mặt nước trở lại yên tĩnh, phải chờ khi đa trời tỏ rạng sao Hôm, nắng vàng chìm xuống, cơn gió Nam mới nổi lên lần nữa, triều miên đến khi gà gáy vắng vắng.

Ngày bàn thờ giữa, khói hương cháy tỏ. Ý của ông Hai và bà Hai là cầu siêu cho vong hồn người bạc mạng. Phần thăng Kim thì sau khi uống trọn gáo nước lạnh, nó nằm ngã trên sàn, mệt lịm, ngủ tự hồi nào. Nó mơ. Nó trở mình đấm tay, đập chân nghe rầm rầm. Ông Hai bà Hai lấy chiếc chiếu đắp cho nó.

Bà Hai nói :

— Tội nghiệp. Thân nó đơn chiếc mà gặp cảnh này..

Ông Hai cau mày :

— Biết vậy thì tại sao hồi nãy bà tiếc cái cối xay lúa ? Bộ bà muốn cho ba nó nổi sinh lênh bênh trên mặt nước hay sao ?

— Đừng nói nữa ông ơi. Tôi mùa nước giụt, bề nào ông cũng ráng nhớ hốt xương, chôn cất kỹ lưỡng dùm nó. Tôi khổ lắm...

Ông Hai hớp miếng rượu :

— Không cần... Đất ruộng này rải rác, lũ khũ... xương người ta với xương trâu, thú trâu « len » đi xa bị bịnh mà chết dọc đường. Tôi mùa cày ruộng, năm nào cũng vậy, tôi gặp xương đó hoài.

— Rồi ông làm sao ?

— Thì cày đất lấp lại, cho lúa sạ mọc lên. Mình cứ tưởng đó là xương của người hồi đời Bàn Cổ.. Chớ nhìn nhận rằng nó còn tươi trẻ hơn bộ xương mà mình đang mang đây thì.. mình phải suy nghĩ cho phận làm người của mình quá! Máy bữa đó, tôi buồn, về nhà khảo tiền bà đề mua rượu uống, bà không hiểu nên rầy tôi... Bà nhớ không?

Thằng Kim lại trở mình, đập tay xuống sàn nhà...



## ĐÓNG GÔNG ÔNG THẦY QUÍT

**Ở** đâu động dao, động thớt là có ông thầy Quít tới. Rượu uống ngà ngà, ông vỗ ngực, xắn tay áo mà nói trong buổi tiệc :

— Bà con ở đây không ai biết phát cỏ cho ra hồn, tôi chắc như vậy.

Có người bực tức, hỏi :

— Ra hồn nghĩa là sao? Anh em tụi tôi đây cứ phát đều đều mỗi ngày một công. Sao Mai mọc, đâm mây ngang là ra ruộng. Mặt trời lên hai sào, tụi tôi vào nhà xong việc nằm nghỉ.

Thầy Quít nhướng mắt :

— Tôi phát ba công trong khoảng thời gian đó. Phát lẹ bằng ba lần. Đó là buổi tôi làm biếng. Nếu siêng thì mỗi ngày tôi phát sáu công liên tiếp, không cần ăn cơm trưa.

— Thiệt hay chơi đó? — Có người hỏi.

Ông đáp :

— Nói dóc làm gì? Tôi còn ở xóm này chơi vài tháng nữa mà. Anh em hồ nghi, tội nghiệp tôi. Không lẽ

già rồi mà tôi còn mang tật nói dóc, để tiếng xấu cho đời sau.

— Chúng tôi nào dám. Chỉ e đó là chuyện hồi ông còn trẻ. Bây giờ sức ông yếu nhiều rồi.

Thầy Quit dụ giọng :

— Hồi trai trẻ, trái lại tôi phát cổ chậm hơn lúc về già như bây giờ. Hồi đó là tay ngang, bây giờ tôi là kẻ đắc đạo. Phát cổ là một thứ đạo ích lợi cho sanh linh, nời giống. Đạo là phép mẫu nhiệm. Chẳng hay bà con mình muốn học không ?

Ai nấy trở mắt, nhìn nhau. Hồi nào tới giờ nghe nói đạo Phật, đạo Lão, Khổng, Mạnh... chớ nào ai nghe « Đạo phát cổ ». Bấy lâu, xóm này và các xóm kế cận đều phát cổ theo cách của ông bà truyền lại. Nghĩa là chém cho cây phảng chạy dài dưới nước ; phảng chạy tới đâu, cổ đứt tới đó. Cùng lúc ấy, tay trái quờ cù nèo, gạt mở cổ bị hạ qua một bên cho trống trải mặt nước. Rồi thì bước tới một bước, đỡ ngọn phảng lên, chém xuống lát phảng thứ hai... Cứ như vậy đến lúc không còn cùm cổ nào trong công đất... Nghĩ cũng nặng nhọc, phí sức; đàn bà ít ai phát cổ nổi. Mặc dầu phát rồi, về trước giờ ngọ nhưng ai nấy mệt nhoài, mình mẩy rêm nhừ, có người uống rượu thuốc để lấy sức ngày mai... Hôm nay nghe thầy Quit bàn đến Đạo phát cổ, xem phát cổ như một phép mẫu nhiệm, ai lại không mừng ? Họ mừng nhưng còn nghi ngờ, e nãy giờ thầy Quit nói quá lời, vì quá chén.

Nhưng càng uống rượu, thầy Quit càng tỉnh táo. Thầy nói:

— Ai muốn thọ giáo ? Tôi sẵn sàng làm công việc ích lợi đó giúp bà con. Tôi nào thọ tiền bạc nhiều. Chỉ cần một con gà giò để cúng tổ. Vậy thôi !

Một con gà giò đáng là bao, nhà nào mà không nuôi sẵn ! Ai nấy mừng rỡ, thấy trước mặt một viễn ảnh ô

cùng tốt đẹp : bao nhiêu đất hoang của rạch Thuồng-luồng sẽ biến thành biển lúa vàng trong ngày rất gần. Mỗi mùa, thay vì dành ba chục ngày mà phát cỏ, giờ đây nhờ phép màu của thầy Quit, họ chỉ cần ra sức bốn nam ngày là xong chuyện. Mấy mươi ngày còn lại, họ tha hồ đờn ca vọng cổ, hoặc đá cá thia thia. Ai siêng thì cứ phát thêm, phát mau lệ hằng trăm công. Chị em phụ nữ tha hồ mà cấy, mà hò hát huê tình, đối đáp. Chốn thần tiên âu cũng như chốn này !

Nhìn vẻ mặt vui tươi của mọi người, thầy Quit cũng vui lây. Vốn từng ngao du, giao thiệp nhiều nơi, thầy tỏ ra khá rành về tâm lý để thấu phục nhân tâm.

— Ngày mai này, tôi đích thân ra ruộng phát cỏ cho anh em coi thử. Anh em cứ chọn người nào phát giỏi nhất ở đây để thi tài với tôi. Tôi chấp họ phát trước tôi nửa công ; tôi phát sau nhưng nhất định rồi trước.



Thầy Quit làm đúng điều đã nói. Xóm riêng không ngớt lời tán tụng :

— Giải quá. Hôm qua, ông phát một công đất không đầy một giờ đồng hồ.

— Rõ ràng thầy Quit có phép màu « *Chém hai dao tầm rươi có dư* » như lời tục thường nói. Thầy hạ ngọn phảng xuống một cái, tức thì một vùng đất trên hai thước rươi bề dài phải sạch sành sanh, cỏ ngã liệt.

Xóm Thuồng-luồng vốn hâm mộ nhân tài. Họ mời thầy Quit về nhà, ngủ trên ván gỗ, trải chiếu bông đảng hoàng. Nội một buổi chiều, hơn một chục người đến kính cần xin thọ giáo.

Thầy nói :

— Tôi có tội lớn đối với tổ, tôi phụ lòng anh em nhiều quá. Số là xưa kia, thầy tôi lúc lâm chung trời lại

con đừng lấy việc truyền nghề mà làm sanh kế. Như vậy, lần hồi con trở thành lười biếng, khác chi lũ người xói thịt. Con thương thầy thì ra sức phát cổ mướn như mọi người. Ngồi không... sanh bất thiện.

Người nghe bèn thở dài:

— Như vậy làm sao chúng tôi học được? Anh em muốn ông ở nhà lại chơi vài tháng. Khoảng thời gian đó, tiền bạc đâu để ông hút thuốc ăn trầu? Làm thế nào giúp ông được bây giờ?

Sau đôi phút trầm ngâm, thầy Quít đáp:

— Nhờ anh em cho tôi lãnh trước chút ít tiền, mai mốt tôi phát cổ trừ lại. Như vậy tôi ở đây mùa, sớm chiều ra ruộng làm lụng với anh em cho vui; luôn tiện giúp anh em vài bí mật trong .. Đạo. Còn việc truyền phép, tôi hứa chọn một đệ tử trong đám thanh niên trai tráng xóm này. Căn nhất là cậu trai đó phải thành tâm, trí cội để chịu đựng một cuộc thử thách lâu dài. Thánh như gọi như vậy là «tử công phu», thử công phu khó nhọc khiến cho con người bạc tọc, nhặn trán...

Bà con cho thầy Quít lãnh trước tiền phát cổ. Người này nhờ thầy phát dùm bốn công, người kia ba công, người nọ năm công... Nhờ vậy, thầy thủ được món tiền ăn xài dư dả.

Thằng Liệu lấy làm hân hạnh được thầy chọn làm đệ tử. Nó thức suốt đêm, mừng không ngủ được. Hôm sau thầy Quít gọi nó ra ngoài trại ruộng giữa đồng, ở chung với thầy. Đoán trước nỗi ngạc nhiên của nó, thầy nói:

— Minh phải xa lánh mới được. Ở chốn đông người, Đạo bị hèn ở vì lắm kẻ rở mò.

Cứ mỗi sáng, thằng Liệu nấu nước pha trà. Trưa lại nấu cơm mua rượu về cho thầy. Nó làm tất cả công việc đó với tâm lòng thành kính, còn hơn đối với cha ruột. Suốt ngày ngoài việc ăn uống, thầy Quít nằm lìm

dim đôi mắt, nửa thức, nửa ngủ... Ban đêm, thầy bảo nó đốt nhang cắm bốn phía trại. Tỉnh thoảng, thầy trở vào xóm. Ấy là lúc ai cũng mừng rỡ xúm nhau đặt thêm tiền để thầy phát cỏ cho. Về trại ruộng, thầy mang theo nào gà, nào rươi và một túi tiền khá đầy.

Trong xóm, vài người tò mò. Ban đêm, họ lợi bị bõm ra trại nhưng không dám lại gần, e thầy biết mà có tội. Họ thấy bốn ngọn đèn cầy xanh lè. Trong bóng tối, ghé rợn làm sao ! Thấp thoảng, bóng dáng thầy Quit và thằng Liêu đi qua đi lại, co chân co tay, quơ tới quơ lui, nháy nhót bên tả bên hữu. Dường như cả hai đều ở trần. Gió thổi từng cơn hù hù qua đồng cỏ. Lưng thằng Liêu ướt loang loang, phải chăng vì quá tập dượt mà tháo mồ hôi ? Lâu lâu thầy Quit ngồi xuống. Người đi xem ngoài này lắm khi thấy lạnh xương sống vì mấy ngọn đèn xanh lè bên trong kia vụt tắt hết... Rồi chạy lên hai ngọn, ba ngọn, bốn ngọn... Rồi tắt bớt một ngọn. Đột nhiên, cánh liếp che kín lại. Bên trong nổi lên tiếng sắt đá chạm nhau ròn rảng, khi thưa khi nhật, rit lên trầm xuống. Như tiếng thợ rèn đập sắt, như tiếng mài dao của anh đồ tề sửa soạn thọc huyết heo.

Đèn trong trại ruộng lần lần tắt hết. Ngoài này, họ lui thủi bước về, chân không dám lợi mạnh, e thầy Quit nghe được. Họ rủ nhau đi rình như vậy một ngày, hai ngày, ba ngày... Riết rồi sanh chán, nhứt là khi mưa dầm, đường về trơn như thoa mỡ, gió lạnh buốt xương.

Cổ này, rằm tháng sáu rồi ! Lệ thường, mọi năm khi thầy Quit chưa đến truyền phép... phát cỏ mùa nhiệm, họ đã dọn cỏ xong xuôi, có đâu như năm nay khắp đó đây cỏ dại còn tha hồ vươn lên dày bịt khỏi đầu người, phải dùng tay mà rẽ để tìm lối đi vất vả.

— Chùng nào mới dọn đất để cấy ?

Mỗi người đều tự hỏi như thế và mỗi người đều tự trả lời :



— Phải nhờ thầy Quít. Thầy ra tay một vài buổi là xong. Minh đã đặt cọc tiền cho thầy rồi mà.

Nhưng họ cảm thấy không được yên tâm ! Thầy Quít đâu phải lãnh tiền trước của một đôi người. Khắp xóm Thường-luồng, lai rai đâu cũng có thân chủ của thầy. Từ bây giờ đến cuối tháng, hơn mười ngày nữa, liệu thầy có phát xong... trên trăm công đất ! Họ ra tận trại ruộng, xin yết kiến thầy đề tỏ bày nỗi thắc mắc đó. Thầy vờn vai, đáp một cách tỉnh táo :

— Ối ! Bà con hơi đâu mà lo xa ! Bà con phắc nhờ tôi như vậy thật là chí lý. Ngặt hôm rày tôi cầu tổ chưa được. Một khi tổ về nhập vào xác tôi, bà con phải biết : tôi phát cỏ như người lên đồng, lên bóng, phát tối ngày không mỏi. Hai ba đêm rồi, tôi « đi thiếp » xin tổ về gắp. Tổ chưa về, chỉ có vậy thôi !



Chủ tọa tối cao là thầy phó hương quản. Nhà ông hượng ấp bỗng nhiên trở thành nơi nhóm họp, xử một vụ án quan trọng.

Tiên cáo là hầu hết dân chúng rạch Thường-luồng.

Chánh phạm là thầy Quít. Nhưng khiếm diện, vì đã bôn tầu trong đêm rồi.

Thằng Liệu — đồ đệ của thầy — bị khép vào tội đồng lõa. Nó quỳ xuống lạy, khóc sụt sùi, kêu oan. Nhờ sự can thiệp của mấy ông kỳ lão nên nó khỏi bị tát tai, đấm đá. Chập sau, thầy phó hương quản mở trời cho nó. Nó khai đại khái như sau :

— Ông cuốn gói hời nào, tôi không hay. Chừng sáng ra thức dậy mới biết.

Thầy phó hương quản cười :

— Phải hay trước thì mầy đã cuốn gói theo ông luôn rồi. Ông có chia tiền cho mầy xài không ?

— Dạ không. Mấy lần mua gà vịt về, ông với tui ăn

chung; nhưng mà gan, mề, đui, ống hương hết... Còn bụng gà, xương, cẳng... về phần tui.

— Ông dạy mày phép gì ?

— Dạ ban đầu thì cắt cô gà đề cúng tổ. Ông nói : « Coi máu gà phun ra kia ! Mai chiều, nếu mày đem sự bí mật trong nghề mà nói lại với người khác thì ngọn phảng ăn vô chun mày, máu phun ra như vậy đó ». Năm ba bữa sau, ông lấy thước tây đo dưới đất, vuông vức mỗi cạnh là một thước. Bốn góc hình vuông đó, ông thắp bốn ngọn đèn cầy. Ban đêm, đốt đèn lên, ông đưa cho tôi một cây sậy dài chừng chín tấc mà nói : mày cầm cây sậy này mà quơ mạnh, như cầm phảng phát cỏ. Phải làm sao khi quơ một cái thì hơi gió khiến bốn cây đèn cầy tắt một lượt.

Thăng Liệu nói tiếp :

— Thầy nói mỗi công ruộng là một ngàn thước vuông, mình tập phát mỗi lát dao chém trọn một thước vuông. Vài bữa sau, thầy khen tôi rồi dạy mấy câu thiệu sau đây : *Tán bộ chữ đình. Tay vươn cánh ó. Chun trái đá gió. Linh kiếm hạ lên...* Còn dài lắm, phần sau chưa dạy là thầy trốn.

Thầy phó hương quản vỗ bàn :

— Cây phảng mà kêu bằng linh kiếm ! Thăng này gan thiệt. Nó muốn làm giặc sao chớ ? Ngoài chuyện phát cỏ nó còn nói chuyện gì khác không ? Mày khai gian tao đóng gông bây giờ. Đủ bằng chừng rồi ! Bất được ông tao cũng đóng gông luôn.

Thăng Liệu áp ứng :

— Cách đây vài ngày, thầy khoe với tôi rằng « Sư tổ » hồi xưa phát cỏ giỏi lắm, truyền tới thầy đây là bốn đời. Đạo lần lần bị ố. Thầy phát chơi một buổi chớ không bao giờ phát ngày này qua ngày kia, nhiều và lạ như vậy được. Sự tích hồi xưa, người Mông-cổ xâm chiếm nước Tàu...

— Lập nhà Nguyên. Phải! Thầy Quit nói gì mà người Mông-cô? La quá!

— Thầy nói người Mông-cô hồi còn nghèo, lang thang trên yên ngựa thì siêng năng, mạnh khỏe. Đến chừng chiêm được cung điện nước Tàu, họ ăn no ngồi một chỗ, mặc áo gấm. Việc cày cấy lên ngựa, họ xao lãng nên trở thành bạc nhược, gân cốt không còn dẻo dai. Tới sau, họ bị Châu Hồng Võ đánh bại. Phép phát cỏ như vậy đó. Khi xưa người dân phá rừng mở nước, họ làm lụng suốt ngày quên ăn cơm, cứ rồi cây phảng nặng một yến. Bây giờ chỉ phát một hười, cây phảng sụt xuống còn có năm cân mà làm người than mệt?! Người dạy đạo phát cỏ thì lo tiền bạc rượu thịt. Nghề làm ruộng lần lần bị cạnh tranh; nhiều người nông phu tay cầm phảng nhưng trong bụng nghĩ tới việc ra chốn thiềng thị, tìm phương kế khác làm ăn có lợi hơn.

Thằng Liêu nhìn mỗi người, thở dài rồi nói tiếp:

— Tới hôm qua, thầy Quit nhắc chuyện Mông-cô đó thêm một lần nữa rồi thầy khóc thút thít với tôi: « Liêu à, mày đừng bắt chước tao! Tao là đũa làm hỏng sau chót hết, mày phải ráng sức giữ lấy nghề nông ».

Phiên nhóm trở nên yên lặng. Phải chăng là cơn oán hận đối với thầy Quit đã lần lần dụn xuống? Ai nấy nhìn nhau, hút thuốc rồi cười nhạt, đành tha thứ, rút lui về nhà.

Nhưng ngày qua tháng lại! Nhưng năm sau — năm 1930, lúa sụt giá còn một cắc một giá — người nông phu phải trị chí lắm mới cày nổi cây phảng mà ra ruộng phát cỏ. Họ đâm ra thương nhớ bao nhiêu lời nói và tội lỗi của thầy Quit hồi năm trước. Thương nhớ, thương nhớ một cách lạ lùng!



## TÌNH NGHĨA GIÁO KHOA THU

**T**Ừ đây tới nhà ông Trần Văn Có gần hay xa vậy thầy ?  
Thầy xã trưởng đáp :

— Ở xóm Cà-bây-ngọc lận ! Đề tôi ra lệnh cho phó hương ấp đòi tên đó tới công sở...

Thầy phái viên nhà báo « Chim Trời » giật mình :

— Tôi là phái viên, đâu có quyền hạn đó đối với quý độc giả thân mến gần xa.

Thầy xã hỏi :

— Phái viên là gì vậy thầy ?

— Là người thay mặt cho tờ báo đi cõ động và thân tiền.

— À ! Bây giờ tôi mới biết cái thằng Tư Có. Nó thiếu tiền của nhà báo hả ? Hèn chi nó bơi xuống lên công sở lãnh báo, đúng bảy bữa là có mặt nó. Nghèo không biết thân lại còn bày đặt làm sang mua báo không trả tiền !

Thầy phái viên cố nén bực tức khi nghe người độc giả thân mến của mình bị thầy xã khinh khi ; thầy hút thuốc suy nghĩ rồi lại hơi buồn buồn mà nhớ đến sự thất

Ông đọc giả Trần Văn Có thiếu sáu tháng tiền báo tức là hai đồng sáu cắc rưỡi. Từ chợ Rạch-giá vô đây, thầy đã tốn gần ba cắc rưỡi tiền tàu, tiền thuốc hút. Chuyển về lại xuất thêm ba cắc nữa... Ông đọc giả nghèo nàn này chắc gì trả được một đồng trong số tiền thiếu chịu nhà báo!

Nhưng đã tới đây rồi mà trở về thì ưởng cuộc viễn du Hậu-giang này quá! Thầy phái viên quyết tình bình vực thế diện của người đọc giả nợ:

— Không phải tôi đi đòi tiền! Tôi đi dò hỏi ý kiến bạn đọc đối với tờ báo. Tiền bạc là quý... Nhưng ý kiến của bạn đọc lại quý hơn. Đọc giả ở tới đâu, chúng tôi đi tới đó.

Sau vài phút đi tới đi lui, thầy xă gặt đầu:

— Được. Để tôi biểu thẳng « trạo » chèo tam bản đưa thầy. Thầy nên dè chừng. Trần Văn Có nói mười, thầy tin một là vừa. Anh ta công kích tờ Lục Tỉnh Tân Văn của nhà nước Lang-sa gọi xuống công sở; đi ăn giỗ thì nói chuyện Hít-le, chuyện nước Ý đánh nước Á, chừng hỏi kỹ mấy nước đó ở đâu, anh ta bí lối nói lảng qua chuyện Tàu...

Thầy phái viên tò mò:

— Vậy thì ông đọc giả của chúng tôi rành chữ nho?

— Ai biết rõ được. Anh ta nói có dây có nợ, tích người học trò nghèo tên là người Thừa Cung gì đó... chần heo; ông quan đại thần Lý Tích đích thân nấu cháo cho chị ăn dè đâu bị lửa tấp cháy râu. Chưa hết đâu, thầy phái viên ơi! Hễ gặp ai say rượu, anh ta nói một hơi như thầy chùa tụng kinh, có ca có kệ. Cái gì mà các anh hãy trông người kia đi ngoài đường, mặt đỏ gay, mắt lơ lơ...

Thầy phái viên cười lớn, nhịp mạnh tay xuống bàn ba bốn lần như đánh trống chầu hát bội, đôi mắt sáng ngời chân nhảy nhót như con nít:

— Hay quá ! Hay quá ! Tôi thăm ông độc giả đó mới được. Ông làm thầy giáo hả thầy ? Nhờ thầy đưa tôi đi tôi gặp mặt. Ngộ quá hen ! Ừ ! Ừ !

Bực mình quá chừng, thầy xã nghĩ : « Ông phái viên này kêu mình bằng thầy mà lại tung bốc kêu Tư Có bằng ông. Hay là ông chê mình không dám xuất tiền mua báo như Tư Có. Chừng bận về mình mua vài năm báo chơi cho biết mặt ».

Thầy xã hối thúc cho chú trạo sửa soạn quai chèo đưa thầy phái viên đến ấp Cà-bây-ngọt. Thầy phái viên cảm ơn một tiếng nhỏ rồi cúi đầu xuống nói rừ rừ như xa như gần, trong cuống họng :

— Ờ ! Đề coi các anh hãy trông người kia đi ngoài đường, mặt đỏ gay, mắt lơ dờ, quần áo xốc xếch, chân đi xiêu bần nọ vẹo bên kia, múa chân múa tay, mồm nói lảm nhảm... Lũ trẻ theo sau reo cười chề nhạo... Đứng vậy, QUỐC VĂN GIÁO KHOA THƯ lớp Sơ đẳng Việt-nam Tiều học từng thừ... Sách này do Nha Học Chính đã giao cho ông Trần Trọng Kim, ông Đặng Đình Phúc và ông Đỗ Thận soạn... Eo ơi ! Cái buổi thơ ấu đó nay còn đâu.

Đường đi ấp Cà - bây - ngọt rất xa xôi ! Chiếc tam bản nhún xuống một cái « ồ » rồi nhảy tới một cái « sạt » theo nhịp chèo hai chèo. Năng chang chang rắc vàng trên thảm cỏ hoang xanh ngắt. Vài nhánh bình bát gie ra, quất vào bụi sột soạt. Xế chiều, cò trắng điềm lấm tấm trên dãy rừng tràm đặng xa. Lau sậy phất cờ như đón người khách lạ. Trích, cúm nùm kêu ré lên. Con rạch thân hẹp lại. Chiếc tam bản lắc nghiêng như trái dứa khô trên mặt nước đầy sóng gió. Anh trạo chèo một chèo, nghiêng mình bên hữu. Rồi bỗng nhiên anh chụp mỗi tay một cây chèo mà chèo trên đất khô bên bờ rạch. Chiếc tam bản lại lướt nhanh trong lòng nước quá hẹp, vừa đủ lọt bề ngang.

Anh trạo mỉm cười :

— Chèo như vậy đi lạ hơn. Mọi lần mùa hạn, nước cạn queo, dưới sông đầy bùn non, tôi cỡi trâu trên bờ mà kéo. Chiếc tam bản đi như cộ kéo lúa...

— Chú trạo biết rành nhà Tư Có không ?

— Dạ, biết. Tư Có ở một mình, nuôi heo, giăng câu, ăn ong, nghe nói y ở xứ Vãng-long xuống đây tính bề dạy học mà xin phép chưa được...



Buổi cơm chiều ngon lành làm sao ! Ăn cá lóc nướng trui, uống rượu « ông Cọp ». Anh trạo đã về. Tư Có kèm thầy phái viên ở lại ngủ một đêm, chú lừa sáng mai bơi xuống đưa thầy trở lại công sở mà đón tàu đò. Thếp đèn dầu cá kéo thêm một tim thừ nhì nữa, cháy khá sáng. Bếp un dưới đất tỏa lên cuộn cuộn, tỏ rõ từng sợi khói mịn màng như mảnh lụa tơ giăng bủa khắp căn chòi nhỏ hẹp.

Tư Có bỏ mũng xuống, chun vô tấn ba phía rồi mời :

— Thầy Hai vô trong này ngồi nói chuyện cho vui. Ở ngoài muỗi cắn. Khói như vậy mà muỗi cứ bu lại rớt lênh trong thếp đèn dầu cá đó.

Ngượng nghịu, thầy phái viên nhà báo Chim Trời rón rén đỡ mi mũng, chun lạ vào ngồi kế bên :

— Xứ gì lạ quá ! Anh Tư ở đây hoá sanh bịnh chết.

Tư Có đáp :

— Xứ Cà-bây-ngop, nghĩa là trâu chết. Hồi đó nghe nói trâu « lên » tới đây thất bại, phong thổ âm thấp trâu chết nhiều quá. Họ đặt tên kỷ niệm luôn... Bởi vậy dân tình bịnh hoạn, thừa thớt, làng này chưa cất nổi cái trường học.

Thầy phái viên trở mắt :

— Vậy à ? Còn mấy làng khác ?

— Đông-thái, Đông-hòa, Đông-hung, Văn-khánh-đông... không làng nào có trường hết. Thầy nghĩ coi...

— Hèn chi miệt này chỉ một mình anh Tư là độc giả báo Chim Trời của chúng tôi... Báo có thích hợp không anh Tư?

— Nói chi tinh, đó là người bà con ở Sài-gòn «đăng» dùm tôi, ban đầu tưởng nói chơi dè dặt nhà báo gửi xuống thiệt, xem cũng đỡ buồn. Phần nhiều bài vở của mấy ông viết cao quá. Tôi thường đọc cái trương Văn Uyên, có bài thơ bát cú của cô Bích Lý vịnh cảnh sông Hương. Hay quá lẽ! Về sau, ông Trần Bất Diệt ở Cầu-kê họa vắn...

Thầy phái viên gật đầu, ừ lấy lệ; thật ra hồi nào tới giờ đi cố động cho báo Chim Trời mà ít khi thầy đọc kỹ báo nhà. Tư Có hỏi tiếp:

— Nhà báo Chim Trời đông người không thầy? Chắc là lớn lắm? Làm sao mà thành chữ được.

— Có thợ chuyên môn ráp từ chữ a, chữ b.

— Trời thần ơi! Biết tới chừng nào mới xong, chắc là thợ đông lắm... Còn mấy ông chủ nhiệm, chủ bút, phóng viên... Chắc làm việc rần rộ ngày đêm.

Thầy phái viên sực nhớ đến tình trạng leo heo của tòa soạn, lại gật đầu lần nữa.

— Làm báo thì cần nhiều trí óc lắm, phải không thầy phái viên? Tiếc là hồi nhỏ cha tôi chết sớm. Hồi đó, ông làm thầy giáo cũng đặt thơ bát cú, tứ cú. Cha tôi chết, má tôi giữ mấy pho sách, dạy lại tôi. Đó là sách *Quốc văn giáo khoa thư*, thầy còn nhớ không?

Thầy phái viên cười:

— Nhớ chớ. Làm sao mà quên được! Hồi nhỏ tôi hót « ca-rê », tay xách tờn ten bình mực đi học ở trường làng. Hồi đó, trí óc mình sáng suốt, nhớ dai lắm. Bây



giờ lớn tuổi, đầu bạc hoa râm, đi làm ăn rày đây mai đó, nhớ nhà, nhớ trường học, nhớ làng xưa.

Tư Có nói :

— Chắc là thầy muốn nói bài « Chốn quê hương đẹp hơn cả » chứ gì ?

Rồi chú đọc một hơi :

— Một người đi du lịch đã nhiều nơi. Hôm về nhà, kể quen người thuộc, làng xóm, làng giềng đến chơi đông lắm. Một người bạn hỏi : ông đi du sơn du thủy...

— Đò ủa ! Đò ủa ! Anh Tư nhớ kỹ quá... Người du lịch mới trả lời : ở chốn quê hương... từ cái bụi tre ở xó vườn cho đến con đường khúc khuỷu trong làng, cái gì cũng gọi cho tôi những mối cảm tình chưa chán... Bài đó có hình ông già mang kiếng, chống gậy nói chuyện với mấy người khăn đóng áo dài.

— Thi hình nào cũng khăn đóng áo dài. Trừ ra cái hình thằng nhỏ chèo trâu cầm roi : ai bảo chần trâu là khờ... Không, chần trâu sướng lắm chứ.

Thầy phát viên phụ họa theo như cùng hợp xướng :

— Đầu tôi đội nón mé như lông che, tay cầm cành tre như roi ngựa, ngất nghều ngồi trên mình trâu, tai nghe chim hót trong vòm cây, mắt trông bướm lượn trên đám cỏ...

Rồi thầy kéo qua những đoạn khác mà thầy nhớ :

— Hay quá ! Nhà báo bây giờ không ai bằng. Văn chương như vậy là cảm động lòng người... Như cái hình ông già đẩy xe bò lên dốc, có hai đứa học trò kéo dây tiếp sức. Trời nắng to. Đường thì dốc. Một ông lão đẩy xe lên. Trên xe có ba bốn con lợn to, chân trời, bụng phai và mồm kêu eng éc...

Tư Có vỗ trán :

— Còn ông già khuôn tảng đá nửa, thấy mà thương : Trời nhà nhem, chàng vạng lối, tôi thấy một cụ già hi hục

*khuôn một tảng đá. Ông cụ nhấc đũa xuống đến bốn năm lần mới được từ giữa đường đến chỗ bụi cây mà bỏ đũa... Lão đi vấp phải tảng đá này, sảy cả chân đau lắm nên khuôn bỏ vào đây, sợ có người vấp nữa chăng.*

Thầy phái viên lại không chịu rằng mình kém trí nhớ :

— Ngang hình ông già đó, trương phía tay trái có bài chọn bạn mà chơi, thói thường gần mực thì đen. Cha chỉ ngón tay, con đứng l hoanh tay cúi đầu mà nghe. Dưới chót lại có hàng chữ viết : *Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài.*

Tư Có gật đầu :

— Đó là ngụ ý răn he gương tốt thói xấu. Phải siêng năng như Sứu chăm học, ngồi bên đèn mà đọc sách ; đứng lười biếng như thằng Bình đánh vòng. Phải bền chí học hành. Ở, thầy phái viên nhắc nhớ cái hình con kiến tha mồi ! Văn chương nghe như đờn Nam Xuân : *Nước mềm, đá rắn thể mà nước chảy mãi đá cũng phải mòn. Sợi dây nhỏ, cây gỗ lớn, vậy mà dây cưa mãi cũng đứt. Con kiến nhỏ, cái tổ to, thể mà kiến tha lâu cũng đầy tổ. Người ta cũng vậy...*



Không ai bảo ai, hai người lại nằm xuống lìm dim. Tuổi của họ đã quá ba mươi ! Nước chảy mãi mà sao đá không thấy mòn ? Sợi dây cưa mãi, gỗ chưa đứt mà sợi dây sắp đứt trước. Sự nghiệp của họ nào đã có gì : kể đến cái thú ở nhà quê, kể người lặn lội với cái thú ở kể chợ.

Nằm mãi không ngủ được, thầy phái viên lắng nghe những tiếng động trong nhà, giữa tiếng một chiếc gỗ kê ken ken như người đưa võng, bất chấp tiếng chuột chạy sột sọt và nhất là tiếng muỗi rưng rưng hành kêu vo vo, thà... mơ lại những ngày năm nay tới lên bảy, tới đã lớn, tới không... lều lều nữa. Còn đâu mùi hương của những

truyền sách mới bao bìa kỹ lưỡng nhưng vài ngày sau đã rách bìa ! Làm sao nghe được tiếng pháp phòng trong ngực của đứa bé khi trời mưa to, đi học trễ, run rẩy bước vào trường rồi cúi sỏ ra phía ngay trong lớp... Đây, thầy giáo mặc đồ bà ba, lều lều bước ra khỏi lớp để chào hỏi khi thấy xã, thầy cai tổng đi ngang qua. Một đôi lúc, thầy giáo quá say nghiệt đã dùng thước đánh vào những đầu ngón tay non yếu hoặc hươt cây thước báng...

Dầu sao đi nữa, những kỷ niệm xa xưa vẫn vui, vui như một lũ học trò giành nhau chạp cho được cây dùi trống, đánh thùng thùng báo hiệu giờ vào lớp.

Giọng Tư Có nói nhỏ :

— Ngủ chưa, thầy phái viên ?

Thầy phái viên yên lặng, trời mới mưa, các chỗ trống đầy nước cũ nền cóc và nhứt kêu inh ỏi. Vài giọt mưa rơi nhẹ xuống đất... Và rơi trên rạch Cà-báy-ngọt trước nhà. Hồi năm nào, thầy là giọt nước trong lạch đó, bây giờ nó đã trôi xa, ra sông, chửa đựng rác rến, chảy thẳng ra biển. Ừ, họa chăng đó là con đường hiệu quả nhất là được sớm bốc thành hơi, đầu thai trở lại nguồn... Nghĩ vậy, thầy khoan khoái mỉm cười ngồi dậy hỏi :

— Ngủ chưa anh Tư ?

— Chưa !

— Tôi này giờ cũng vậy, muốn ngủ sớm để mai về nhà, mà không thấy một.

Im lặng một hồi lâu, rất lâu, Tư Có nói ngậm ngùi sau một tiếng thở dài :

— Biết lấy gì làm sở phí cho thầy. Thầy nói thiệt tình nghe coi... Chắc thầy tới đây thân tiền.

— Đâu có ! Đâu có ! Minh là bạn đời với nhau...

— Thầy hiểu cảnh tôi. Không lẽ gửi cả léc, rùa, một ong... Nhớ thầy xưa về Sài-gòn gọi là tiền của tôi trả cho

nhà báo. Tôi « đăng » là vì ái mộ báo Chim Trời chớ là đọc làm. Mấy thầy viết cao quá. Tôi mua đề dành về sau cho đủ bộ.

— Anh Tư đừng ngại chuyện đó. Cứ tiếp tục đọc. Lâu lâu dò nơi mục Thư tin không chừng có lời của tôi thăm hỏi anh Tư. Nếu thấy báo đăng đòi liền các độc giả, xin anh Tư hiểu rằng đó là nhắc nhở các người khác. Tôi hứa nói lại với ông chủ nhiệm mỗi kỳ gửi tặng anh Tư một số báo, hoài hoài cho lời số chót.

Chú Tư Có vô cùng cảm động:

— Thôi, thầy nghỉ lấy sức đề mai về bình yên. Khuya nghe chồn cáo cộc kêu, thầy đừng giật mình. Ở đây miệt rừng, không có... xa xa thì nghe tiếng chó sủa trăng.

Thầy phái viên cười dòn, tưởng tượng cái cảnh biệt ly ngày mai « *Ói ! Cái cảnh biệt ly ở xóm Cà-hây-ngọt sao mà buồn vậy !* » Vĩnh hiệt thì đúng hơn. Nghe nó buồn như một giọng hò, một câu rao Vọng cổ, nhưng thầy chưa muốn nói ra, giờ này.



## HÁT BỘI GIỮA RỪNG

*Rạch-tà-tung, ngày . . .*

*Cháu X.,*

**H**ÈN lần, bác mới nhận được thư của cháu gửi xuống thăm lúc.

Dưới này, xóm riêng đều được vạn sự bằng an. Trong thư, cháu hỏi về sự tiến triển của người mình hỏi mới khát thức đất hoang, năm sáu chục năm về trước. Cháu nói hỏi đó dân mình ưa hát đối, hát huê liuk. Không phải vậy đâu ! Hát đối cần ở sông rạch thông thương để bên trai bên gái tự do bơi xuống sông sông nhau mà hát. Đàng này, « dưới sông cá lội, trên rừng cọp đua » có ai dám bơi xuống ban đêm bao giờ ! Việc hát đối cần phải có ít nhiều tiền bạc để làm tiệc tùng thết đãi tất cả những ai có mặt cho vui với nhau. Đàng này dân mình hỏi đó còn nghèo lắm ruộng chưa hết phân, đình chưa cất, hương chức làng chưa có.

Bởi vậy chỉ có hát bội là cách giải trí độc nhất của người đi khai phá đất mới.

AI hát bây giờ ? Lẽ tất nhiên khi ng phải mấy người trong xóm. Họ không biết chữ sáo, tiền Đường hậu lổng gì hết.

Phải mới gánh hát bội từ xa lại hát chơi một đôi tháng. Nói đúng hơn, ông bầu gánh dịch thân tới xóm mình. Năm đó nhớ kỹ lại... bác chừng mười bảy tuổi, xóm Khoen-tà-tung mới có hai mươi căn chòi lá.

Ông bầu gánh tới bàn với mấy ông kỳ lão :

— Bà con tôi muốn lại đây hát giúp vui.

Hát bội ai mà không ham, ngặt ông bầu nọ buộc nhiều điều gắt gao quá. Như là phải nuôi cơm toàn ban nam nữ. Như là phải cắt rạ sẵn cho mấy ông hát.

Nghe qua, mấy ông kỳ lão lắc đầu vì đảo kép toàn ban nạt nọ đông gần bằng dân số xóm này... Hơn nữa rạ cắt giữa vùng cộp beo, nghĩ cũng khó bảo toàn tánh mạng cho người hát và người đi coi hát. Ông bầu đành năn nỉ :

— Bà con thương giùm, anh em tôi cực chẳng đã mới chạy xuống miệt này ! Không lẽ bà con bắt nạt cho Tây chớ anh em tôi ở miệt Vũng Liêm vô hội « Kèo Xanh » rồi bị đổ bẻ.

Động lòng trắc ẩn, mấy ông kỳ lão đồng ý. Rồi thì mở đánh chuyền rao cho đầu trên xóm dưới hay rằng :

« Nay mai có hát bội tới, trước mua vui sau làm nghĩa, mỗi nhà nên tùy hỷ góp vài vài gạo để nuôi họ. Đồng thời, tất cả thanh niên trai tráng phải về rừng đốn tràm, vạt nhọn dưới gốc sắn ».

Hỏi :

— Hát ban ngày hay ban đêm ?

Ông kỳ lão nói :

— Hát ban đêm mới vui chớ, ban ngày để làm công việc đồng áng.

Có người cất vấn về vụ cộp ăn thịt người, ông kỳ lão nói :

— Bà con đừng lo. Cứ đốn tràm về đây, nhiều chừng nào tốt chừng nấy. Phen này, mình mới cộp và sau tới coi hát với mình cho vui luôn thể.

Tràm đón về chắt đống. Ông kỳ lão đích thân đốc suất việc xây rạp. Cơ mưu của ông như vậy: cất một cái nhà sàn ở giữa sông, theo kiểu ba căn hai chái. Ba căn giữa dùng làm sân khấu, hai chái dành cho đào kép ăn ở, nấu cơm. Như vậy, nhưt cứ lưỡng tiện chớ chời trong xóm nhỏ quá, đâu đủ chỗ cho họ ở đậu.

Hỏi :

— Dân tụi tôi đừng đâu mà coi hát ?

Ông kỳ lão nói :

— Bà con dốt quá ! Chung quanh sân khấu nọ, mình xóc cừ làm vòng thành, góc cừ này khít góc kia chừng một gang tay. Ai muốn coi cứ việc bơi xuống vô vòng rào nọ. Xong xuôi đóng cửa lại. Cốp phải hơ vơ ngồi trên bờ rạch. Sầu thì đành ngóng mỗ, ngoài vòng. Trong này, mình ngồi trên xuống mà coi sáng đêm có ăn thua gì. Tuồng Tàu dài lắm.

Xóm Khoen-tà-tung rộn rịp còn hơn Tái, suốt ba bốn ngày lễ tiếp họ dựng rạp, xóc nọc dưới sông. Mấy anh chị đào kép mới tới về cũng mừng rỡ, họ cởi áo ra tiếp tay.

Nhà cất xong. Bảy giờ tới lượt lợp lá, lót sàn. Lá dừa mọc sẵn dựa mé. Tràm nhổ cây, ở đâu mà chẳng có, cứ đón về lót thế cho van. Đêm hát ra mặt, vui quá đôi la vui ! Đào kép thì áo mũo xanh đỏ, đầu giắt lông trĩ, ngất hai lán chân thiếu hia, thiếu hài. Trống đánh thùng thùng. Kèn thổi tờ ti tờ.

Hai bên rạp chong bốn ngọn đuốc sáng rực.

Họ hát tuồng Phong Thần, lớp lớp Bá Lạc Đài. Tuồng nhắc lại khi Từ Nha còn lán vì nhờ người bạn là Tống Dĩ Nhơn cưới vợ cho. Vợ tên là Mã Cơ, Rủi thay, có vợ này có một thỏ lỗ, xúi giục chồng đi ra chợ kiếm tiền cho cô ta xài phí. Từ Nha ra chợ làm thầy bói, gặp con Tý Bà tinh là chị em của Đắc Kỷ, Từ Nha biết đúng

chờ trông con yêu nọ, nên xin phép Tỳ Cang thiêu sống nó. Tỳ Bà tỉnh hoàn nguyên hình cây đàn tỳ bà bằng đá.

Giáo đầu là lời chúc mừng nhà vua. Sau đó, Di Nhơn múa mà rằng :

*Sông Hà-lạc, qui trình tám quẻ,  
Cửa Võ-môm, cá nháy ba tầng.  
Trẻ ngòm cơm ngũ ngôn đèn Xuân,  
Già vỗ bụng chính chàng côi Thọ.  
Miệng-tri là quẻ ngu,  
Đi Nhơn thiệt tên già !*

Tử Nha bèn bước ra, xưng danh, than thở rằng mình chưa gặp vận. Đề đầu bà vợ là Mã Cơ xắn xả chạy lại máng Tử Nha :

*Bơ ông Tử Nha này:  
Tôi, cảm khí không tương khí mùa,  
Còn chán voi chửi ọ biết voi lung.  
Hay nằn rắng ! Này lời nói cho :  
Đáo dưng về tiên ngộ tiên khùng  
Khả kiếm chỗ ở thuê ở mướn.  
Đề trả liền đường, tiền dậu cho mẹ dầy... à !*

Tức quà Tử Nha ra chợ ngồi làm thầy bói. Tỳ Bà tỉnh bèn tới thử tài. Biết chân tướng yêu tinh của mình không qua được cặp mắt thần của Tử Nha, Tỳ Bà tỉnh bèn tri hô lêu, vu cáo rằng Tử Nha toan hiếp dâm nó. Ông trùm xóm hạ lệnh cho dân chúng rượt bắt Tử Nha :

*Tóc bôn tri, tóc bôn tri !  
Lai ứng tiếp, lai ứng tiếp !  
Lão nạo già hãm hiếp, hãm hiếp !  
Bắt gả trẻ hoang dâm, hoang dâm !  
Quyết sanh cầm, quyết sanh cầm !  
Năn dưng thử, năn dưng thử !*

Tường này nghĩ thiệt lạ, thiệt hay. Nhiều người ba



bốn chục tuổi mới được xem hát bội lần này là lần thứ nhất. Họ thức sáng đêm ngồi dưới xuống, khi mệt mới thì nằm xuống. Rồi lại ngồi dậy. Hai ba đêm đầu, cộp sấu không dám lại vì tiếng trống, phen la, được lửa.

Việc gì cũng vậy, riết rồi sanh chán. Xưa kia, ông Từ Thúc cưới vợ tiên ở Bồng-lai mà còn đòi trở về dương thế, hà hưởng chỉ xem đoàn hát Bàu Tèo này biểu diễn.

Mấy đứa con nít xem một chặp, ngồi ngủ gục. Chúng trông đánh gựt mình, tụi nó dụi mắt cần nhau: «Cái gì mà tốc bồn tri, tốc bồn tri hoài! Cả thúng rồi không có gì mới. Cứ còn yêu Tý Bà tinh nhưm căng có ghê ngứa». Tụi nó xúm nhau hỏi xuống về. Hỏi ở Hai ba ông cộp sấu chạy dài theo bờ rạch! Thôi thì đành trở về vòng hàng rào nọ mà chờ đợi tới sáng.

Cũng chuyện đó, con Tý Bà tinh đang hát bỗng nhiên mặt mày xanh lét, tay run run chỉ xuống sông rồi chạy trở vào buồng. Rồi sáng Tý Bà tinh thấy hai con sấu đang ngóng mỏ về hàng rào. Ông kỳ lão ra lệnh gióng phen la. Sấu lặn mất.

Lần lần, dân chúng thôn xóm về số gạo đóng góp nuôi đào kép. Ba chục ngày là ba chục vựa gạo! Ông bầu tìm cách sáng chế tuồng mới nhưng quanh đi quẩn lại chỉ bấy nhiêu đào kép, bấy nhiêu áo mũ. May thay, lúc đó dân xóm Kheon-tà-tung có sáng kiến qua xóm Tà-lốc mới mấy người Miên bên đó đến xem hát trước mua vui, sau nữa là chia sớt gánh nặng lúa gạo. Người Miên rất đổi hoan hỷ. Họ giúp sân khấu nọ một vài điệu múa «râm» lúc sửa soạn vô tuồng. Gần vắng h ư, họ đưa lên một anh hề Miên giễu hàng tiếng Việt-nam. Chuyện giễu của họ như vậy: Anh nọ ở bên này sông, có cô tình nhân ở bên kia sông. Không biết cách nào qua được, anh dậm chân:

— Cô Hai ơi ! Sông sâu sào vắn đằm không tới !  
Muốn qua thăm bậu ngặt không có chiếc « re » !

Lúc đầu nghe giễu như vậy ai nấy cười như nắc nẻ  
lần hồi sanh nhàm. Vì vậy, gánh hát bội phải từ từ rút lui  
qua xóm gần đó, cách chừng ba chục cây số.

Trời bắt đầu sa mưa. Gánh hát ra đi, nghĩ cũng  
hợp thời cho dân xóm này nhưng bất lợi đối với họ. Họ  
rã gánh lần lần, lưu lại khắp trong vùng hoang vu này  
nhiều chuyện hay hay. Dân xóm Khoen-tà-tung bị ảnh  
hưởng của họ đằm quá ! Mấy đứa con « ít chẵn trâu nhái  
lại giọng hát bội, thét lên inh ỏi ngoài đồng :

— Muốn tâu bệ hạ ! Muốn yên nhà lợi nước, nên trồng  
đước với dả. Mai sau có hư cửa hại nhà, đồn nó làm kèo  
làm cột...

— Muốn tâu bệ hạ ! Muốn yên nhà lợi nước, nên  
trồng đước với su, bắt khi dột bỏ tù, ắt yên nhà lợi nước...

Có một anh hề trong gánh hát trốn ở lại. Người đó  
sau này là ông Biện H. Ông biết chút ít chữ nho. Nhờ  
ông mà xóm này có viết liễn. Nghe đâu chủ của ông  
hỏi trước phò ông Phan Thanh Gấn thủ thành Vĩnh-long.  
Ông phải giả danh kép hát chạy xuống miệt này. Trước  
khi làm biện ở đình, ông nổi danh một thời nhờ tài hát  
huê tình. Ông nói : phải noi theo lời văn của hát bội,  
thí dụ như : « *Cả liếng kêu... ! Ở này em Hai ơi ! Sách cá  
chữ thiện ác đáo đầu...* » thì câu hát mới vui, có tinh thần.

Ý kiến đó được anh chị em hát huê tình khen là  
phải.

Câu chuyện hát bội hồi xưa tới đây cũng khá dài  
rồi. Nhưng chưa hết, vì còn mấy ông cạp nọ. Có lẽ mấy  
ông mê hát bội hơn loài người. Chừng một hai tháng sau,  
cái sân khấu nọ tặc nọc, bao nhiêu nọc trâm làm hàng rào  
đã lung lay ngã nghiêng trên dòng nước, chừng đó người

ta thấy một đôi ông còp thường lơi lơi ngồi cù rữ dựa gốc cây bên bờ rạch. Nhưt là đêm có trăng, mấy ông le lưỡi dài thòn, như nhớ tiếc bao nhiêu con mồi ngon, bao nhiêu tiếng kén tiếng trống. Biết đầu sau này mấy tiếng « còi hát còp » là do sự tích của mấy ông hời xưa không chừng!



## HƯƠNG RỪNG

**S**ÔNG ở rừng U-minh hạ từ lâu rồi mà Hoàng Mai hãy còn có cảm giác như lạc loài tận đâu đâu, bước chân đi không vững đất. Vì nàng như cánh bèo rày đây mai đó thì không đứng cho lắm; có lẽ nàng như đóa hoa sen, gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn. Nhưng loại hoa sen thông tục quá, lại thường lọt vào tay phàm! Đấng này, bầm sinh nàng thuộc về một phẩm chất thanh cao hơn.

— Tầng tổ nhà ta vốn họ Trần, nhờ dày công phò Chúa từ Thuận-hóa đến đây nên được cải ra họ Nguyễn. Niên mỗ, ngoạt mỗ, giặc Tây-sơn đến mãi tận chốn rừng già này, chúa Nguyễn đành ra khơi tìm nơi cứu viện. Thảm hại thay! Tầng tổ nhà ta tuổi già, nhuốm bệnh không vượt biển hộ giá được, đành cam lổỉ đao quân thần, giã dạng lê dân, nương nấu nơi chốn thanh lâm u cốc. Người được phong đến chức ngự y. Gia phả ghi chép rành rành, nội tự này, chỉ dòng họ ta là có gia phả đó con.

Cha của nàng thường nhắc nhở như vậy.

— Là quan ngự y, cơ sao tầng tổ ta không tự chữa bệnh được. Hẳn là bệnh nan y! Thưa cha...

Bao lần nàng ước hỏi như vậy nhưng không dám.  
«Thuộc dòng hoàng phái nhưng sao Triều đình không chú

ý tới mà ban cho chút bông lộc? » Đó là nỗi thắc mắc triền miên của nàng khi thấy cha già chuốt tre đan giỏ mà độ nhứt hoặc ngồi buông cán câu bên bờ trúc, giữa trăm bầy muỗi rừng.

Thỉnh thoảng cha nàng nói khẽ như thanh minh, tự an ủi :

— Hoàng đế đang tức vị thuộc dòng nguy do tân trào dựng lên. Giọt máu hùng anh của tiên vương này đã bị lưu đày nơi hải đảo Bôn-Bôn, bắt tằm nhàn cá. Nhận chức hương giáo trong ban hội tề làng Khánh-lâm sở tại, chẳng qua là cha muốn bung bít dự luận. Bông lộc của tân trào, cha nào màng, chỉ nguyện làm bạn bầu với cây cỏ, gió trăng.

Ngày ngày lớn khôn, Hoàng Mai càng yên tâm tin tưởng nơi giọng máu qui phái của mình. Cột hoàng mai cổ thụ trước sân há chẳng là một bằng cơ? Bao năm rồi, nó vẫn bền gan khoe sắc khi gió Tết thổi về; vùng U-minh này mấy ai biết thưởng thức giống hoa vương giả lạc loài. Bắc Nam Địch rêu rất trong ruột cây dân thấp lực chỉ để dâng cho nàng thông cảm đó thôi... Nhưng cơ trời không ai ngờ được, tránh được. Mây đẹp của đỉnh Ngự còn có khi tan, nước yên lành của dòng Hương thường bị gợn sóng là sóng nê. Năm ngoài, năm kia, khi vừa quá tuổi trăng tròn, một tuổi chợt soi mặt vào lu nước mưa, nàng bắt gặp cái máu trắng trong leo lẻo của làn da mình. Miệng chàm chàm hăm tiếu, nàng vuốt mở tóc đen huyền; bàn tay ngà đặt trên mũ đỏ hây hây, môn man chuyên xuôi tóc về trên sau lưng gầy. Nhưng... lạ kia! Hàng chục sợi tóc thì nhau tuôn xuống.

Gió nhẹ thoảng qua; chân tóc lấm tấm đứng dựa, vương bện chưa chịu hay đi như còn than van niêm bất lý vô cơ. Nàng sau này trở vào phòng, cầm lược, chải kỹ. Nàng toàn rú lẩn. Lược đưa đến đâu là tóc rụng

đó như lá úa trên cành đến độ gió trở mùa. Nàng e thẹn. Nàng giận giới.

Thân phụ nàng — ông hương giáo — chạy tới. Nàng soi gương, không day lại rồi trả lời về tiếng rú khi nãy :

— Không gì lạ đâu, thưa cha.

Ông hương giáo đã hiểu nguồn cơn. Mớ tóc rối nằm cuộn đống trên bàn khiến ông xúc cảm, không che giấu được cơn buồn. Chiếc gương mờ soi đôi má ửng của Hoàng Mai, màu ửng đỏ lạ thường, không biến đổi dầu khi nàng sợ hãi.

— Từ hồi tám bé, làn da của Hoàng Mai mịn quá, bóng quá. Trăm sự đều do đó mà ra...

Ông thở dài, cũng như ông đã thở dài hồi mấy năm trước, tuy gió bắc về không lạnh lắm nhưng Hoàng Mai đôi đốt lửa để sưởi rồi dẫm chân lên than hồng mà cười. Đêm đến, ông nghe tiếng rên khe khẽ. Ngỡ là con gái nhuốm bệnh, ông đến gọi cửa đôi ba lần. Hoàng Mai nằm đó, tỉnh mà như say, hơi thở hỗn hển, đôi mắt úp vào chiếc gối mềm như trốn tránh mấy sợi tơ trắng buông xuống từng hồi, khi gió rạt rào khẽ rung làm hở ra mấy mí lá che trên đầu vách.

Bệnh của nàng, ông đoán được, ngặt không muốn nói rõ tên ra : bệnh nan y — bệnh củi. Ông chỉ khuyên con gái năng đi guốc vi ở rừng này... « phong » nhiều lắm. Quyền gia phở ngủ từ lâu đời dưới lớp bụi trên bàn thờ được vùi xuống, lật ra kính càn dưới ánh nến bạch lập. Hơn trăm năm qua, kiếng họ Nguyễn chưa ai nhiễm chứng ấy, rõ ràng không phải bệnh di truyền. Ông suy luận :

— Có thể nhà mình đắp nền trên ngôi mộ xưa của ai. Và tự ngày xưa, ai dám chổi rỗng khu rừng này không là bãi sa trường mà người thắng kẻ bại đều lẫn lộn trong đống xương vô định đã hóa ra cát bụi !

Trang phụ lục thứ sáu của quyển gia phả thứ nhất còn thiếu vài chi tiết khó hiểu, viết bằng chữ nôm :

« Đến Ngọc-ngư-dâm tức đầm Sầu, ao Sầu, hơi sương lạnh buổi, chường khi xây thành. Khách hỏi : loại Ngọc Ngư (cá sáu), từ đâu lạc vào, đầm ? Kẻ thổ dân thưa : không ai rõ. Chúng đến đây như án ngữ nẻo đường qua trường quỉ. Nơi ấy, maồn nghìn ma quái như ăn, như hiện. Lại có loài ong dị thường năng về làm ð : loài ong này tăng nhuộm ngũ sắc, vượt thiên lý ð hơi nhay trộm hoa đem về luyện ngọc. Người phàm chưa ai ð gần được.

Chúng không sợ khói, hửi nhằm hơi kim khí ở trước là chúng ào ra như giông tố giết cho kỳ được kẻ ngạo mạn. Quan ngự y họ Trần biết được tin ấy bèn sai quân sĩ bày mưu kế hòng cướp ð ong nọ, ð loại ngọc thiên nhiên hiếm có đem về luyện thuốc trường sinh... »

Tư Lập, tay thanh niên khét tiếng về nghề ăn ong ở xóm Cấn-gáo được ông hương giáo mời về nhà, bày rượu thịt thết ðãi, ðối xử như thượng khách.

Trang gia phả lại giở ra, đọc nhỏ nhỏ vừa ðủ cho Tư Lập nghe. Tư Lập gật ðầu.

Trong rừng già này, bên kia ao Sầu, thỉnh thoảng loài ong ngũ sắc ấy trở về. Ban ðầu chú Tư ðang con dao xương nai mà cạo lấy mật nhưng không hiệu quả. Lần sau, chú mài miếng xương người, ðẹp như cây dao, theo ý muốn của ông hương giáo. Ngọc ong ðã lấy được, đem về. Chú bán tin bán nghi vì thấy « ngọc » chỉ là mớ nhụy bông quên lại thành ké mà loài ong ðự trù ðến góc ð. Từ ðó, ông hương giáo mời Tư Lập ở lại trông nom cho có bạn. Ngày ðêm, ông chong lều chực ngọc nên bách lạp ohàng quanh mớ « ngọc » ðể luyện, hy vọng rằng khi ðứng một ngàn ngày nó sẽ trị được bệnh nan y của Hoàng Mai. Tư Lập như không chú ý ðến ðiều về ðó, cứ ra vào nhà trộm bình ðông giã nhàu rải nhàu

trần trọc... Mãi đến một đêm nọ, lúc đứng ngắm thân thờ cội mai già trước sân, chú nghe hơi thở nào ấm nồng, nhón nhột sau gáy :

— Anh Tư ở đây vui chứ ? Này giờ em không dám hỏi.

Chú nhìn kỹ : không phải là dạng hồ ly tinh trên cột, chính là Hoàng Mai, cô gái con ông hương giáo mà bấy lâu nay chú trộm nhớ thầm thương.

Nàng nói tiếp :

— Cha của em dặn em gọi bằng anh. Và đừng làm gì anh buồn.

Chú hiểu ý « À té ra bấy lâu nay ông hương giáo thương mình ». Chú đánh bạo tìm bàn tay nàng. Nàng lắc đầu

— Em hơi mệt, như vậy...

Rồi nàng nâng tay áo lên, thử tay áo lồng thông quá rộng quá dài :

— Anh nắm cái chéo tay áo này, em cũng đã vui rồi.

Cảm động làm sao ! Ngạc nhiên làm sao ! Một mùi hôi hám từ trong tay áo bay ra. Khi níu cái chéo tay áo của người đẹp, Tư Lập thấy rõ ràng bên trong : ngón tay của nàng rụng mất hồi nào, chỉ có năm cuộn vải nhỏ vấn khéo léo thay thế.

Hôm sau, chú viện cớ ra đi lúc mùa bông tràm nở trắng rục. Chú không thêm làm nghề ăn ong nữa. Hàng trăm tấm kèo bằng cây mun, chú giao lại cho ông hương giáo. Chú về ở Long-xuyên. Nhưng hương rừng có ma lực quyến rũ. Lúc mới đến thì vui. Ở lâu lại sanh buồn. Xa cách lần ngày thì đâm ra nhớ không nguôi, không trở lại thì không được.

Chú lại trở về.



Sông Trèm Trèm bắt nguồn từ xóm Cán-gáo chảy về phía Nam, qua xóm Tân-bằng rồi đổ ra sông Ông-đốc, hòa mình vào vịnh Xiêm-la.

Thằng Kim nóng lòng, không biết Tư Lập muốn dừng lại làm ăn ở khúc nào. Giây lâu, Tư Lập nói :

— Rừng U-minh còn nhiều bí mật ! Đừng lo mà, Tao hứa với mày tới chỗ này vui lắm, đừng sợ chết đói. Có tao.

Xuồng ngừng lại giây lát nghỉ trưa rồi mái dầm lại tiếp tục khoát dòng nước đỏ ngòm, tuy chảy mạnh nhưng tư bề khuất gió nên không gợn sóng. Đồi bờ quanh co hoa lá nghiêng mình lại, giao đầu, bắt tay nhau che kín bóng mặt trời.

Khách đi đường ngỡ mình lạc lối trong hang, thứ háng thiên nhiên, bất tận. Có tiếng vượn hú. Từ bên này, con vượn bông con, nắm sợi dây rau câu, lấy tròn đu mình sang nhánh ở bờ bên kia để hái trái vừng. Trái quá chát, vỏ quá dày, vượn nhả mặt, bực tức ném mạnh. Trái vừng sa vào giữa lưới nhện giăng hồ, lơ lửng. Lưới rung rinh không đứt hẳn ; con nhện hốt hoảng, thả sợi tơ dài, sa xuống. Chợt thấy mặt nước, nó toan rút trở lên. Nhưng trễ quá rồi ! Con cá bông phóng mở theo, tấp mạnh. Thằng Kim ngỡ đó là con trăn. Cá lớn bằng cây cột nhà, vẩy xanh vẩy trắng theo từng vòng ngời lên khắp thân mình. No mỗi, cá lặn sát đáy, lội nhanh. Bay cá con hồi hải di chuyển theo mẹ, hàng trăm con lăm lăm như rác cườm đầy mặt nước, mất dạng trong bóng mát đằng kia. Bờ sông im lìm, mặt nước thần thờ trả lại bóng dáng hiền hòa của cây chồi mọc sát mé bãi : bóng vừng buông thồng xuống từng râu chuỗi hương, chen lẩn, nối tiếp nhau như bức màn mảnh mảnh. Nhánh vừng khô cằn, lá vàng rụng mất hẳn. Đồi đột non nhú lên, mỏng mịn, chưa nhuộm được màu xanh vì thiếu nắng ; ở xa, trông

như những cánh bướm không lẽ đang phấp phồng, giữa ngày, chưa đậu yên chỗ là đã chớm bay.

— Kim, mày biết nước sông này màu gì không ?

— Ở dưới sông, giống như màu máu bầm. Múc lên tay coi thì như nước trà pha đậm.

Tư Lập dạy lại :

— Hồi xưa, có người nói nó giống như cà-phê đen. Ở... mày uống cà-phê lần nào chưa ?

— Chưa, chú Tư à.

— Bán thiếu gì, tại chợ Thời-bình. Dân ở chợ là người mới tới mua bán lập nghiệp, họ chưa dám đi sâu vô rừng làm ăn như tụi mình bây giờ. Họ nề nang dàn phía trong này lắm.

-- Sao vậy, chú Tư ?

— Vì dân này là dân cố cựu, phá sơn lâm, đậm Hà Bá dọn đường cho họ tới sau làm ăn. Con nhà tướng đi mở đường máu mà !

Tư Lập vừa nói vừa vói tay đập sau lưng. Thăng Kim đã hiểu nghĩa mấy tiếng « mở đường máu ». Ba bốn đóm máu đỏ ngời ; mấy con muỗi vừa bị đè nhẹ xác.

Nó sực nhớ tới bầy muỗi bu quanh nó từ mấy ngày rày. Ban đầu, nó bực mình, đập giết thẳng tay, phải buồng dầm khiến xuống lủi vô bờ. Mỗi lần như vậy, Tư Lập dạy lại :

— Cứ bơi lẹ, muỗi ít cắn hơn. Ở lầy quày mình bị cắn nhiều mà không đi tới đâu hết. Xuống xuống để bơi chớ đâu phải để đập muỗi !

Nghe lời Tư Lập, thăng Kim bặm môi chịu đựng.

Vài tiếng gà gáy vắng vắng, hưởng ứng nhau phá tan bầu không khí tĩnh mịch. Vòm cây lần lần trởng trất nắng rớt từng mảng, ngưng đọng không chịu trôi theo

dòng nước ngày càng chảy hăng. Bên bờ, nước đổ róc rách theo con lạch nhỏ, vỏ tràm trôi lênh bênh trắng. Thăng Kim nôn nức :

— Tới chỗ nghỉ chưa, chú Tư ?

— Chưa. Hai voi nữa. Mày nhớ không, hồi sáng tới giờ mới qua có sáu voi.

Hai voi, đường còn xa. Thăng Kim yên lòng vì sẽ đến chỗ nghỉ trước khi trời sụp tối :

— Chú có bà con ở đây hả ?

Tư Lập cau mày không trả lời, mở gói thuốc ra vắn hút. Đó là gói thuốc mà chú hứa tiết kiệm, để dành hút khi tới nơi.

Thăng Kim đoán chừng Tư Lập đang suy nghĩ nhiều. Chú lăm bằm :

— Ờ, bà con hay là người dung, chuyện đó không quan hệ. Nhắc tới tao buồn quá, muốn quay trở lại bây giờ. Nhưng đã tới đây rồi không lẽ lại trở về. Tao không muốn kiếm nhà quen. Ở gần xóm đồng thì bất lợi, ở xa quá cũng hại. Mày tin tao. Tao không đại gì trở lại đây mà tìm cái chết... Ờ, mày họ gì? Mấy ngày rày tao quên hỏi.

— Họ Trương hay họ Trần gì đó, tôi quên rồi. Nghe nói hồi đó ba tôi đổi họ.

— Ối ! Họ gì cũng được, miễn tới chừng người ta hỏi thì đừng trả lời lập dập. Nói vậy chớ ai xét hỏi. Tao có quen với vua. Hồi xưa, có người ở xóm này được cải ra họ Nguyễn cho giống với họ vua... Họ nói vậy hay vậy.

Thăng Kim ngơ ngác hỏi :

— Bà con với vua sao lại ở đây ?

Tư Lập không trả lời. Chú bợ mạnh, mũi xuống quẹo vô bờ, phía trái. Vàm mương nhỏ hiện ra. Chú nói :

— Mày nghĩ tay đi. Tới phiên tao rồi..

Ngồi trước mũi, chú hơi phia mặt vài dầm rồi trở lại qua bên trái, hơi vài dầm. Xương lười tời ò ò. Gập đây, gập nhánh cây cần mũi, chú bứt, bẻ rôm rốp. Gập nước cạn, chú đứng mà chống hoặc quỳ trên sạp xuống, ngã nhào, hơi lấy trớn. Thằng Kim vui sướng quá. Lúc này nó khoe tay, đầu muốn tiếp sức với Tư Lập cũng không được. Mũi xương quá nhỏ, nào đủ chỗ để hai người cùng ngồi ngóng chim. Hơn nữa, hơi xuống theo lối mới này nó chưa quen. Mũi trời sạp xuống thấp, đợi thằng từ trước mặt. Con rạch quá nhỏ, uốn ngoằn ngoèo như ruột ngựa nổi lên qua những lung, bào, tròn tròn méo méo như hình mây cào bao tử, gan, lá lách.. Sậy mọc khỏi đầu.

Hương, rừng ngào ngạt, mùi hương xa lạ nhưng rất quen thuộc. Thằng Kim hít mạnh để hửi cho kỹ, để nhớ cho rõ nhưng nhớ mãi không ra. Chợt ngẩng đầu lên, nó trở mắt. Rừng cơ hồ không còn chiếc lá nào cả! Trên hàng vạn nhánh to nhánh nhỏ, bàn tay thần nào rắc lấm tấm bằng bà sa số đọt bông gòn, không phải riêng trước mặt mà khắp từ phía. Rừng xán lạn, ai dám nói là rừng âm u? Bông kết gòn sai, mịn màng, trắng tuyết; dài, cánh đầu không thấy chỉ thấy toàn là nhụy ngọt.

Nó huét miệng:

— Hông cây gì vậy? Chú Tư.

Tư Lập day lại, cười vang:

— Thằng quý! Hửi mà không biết mùi mặt ong sao? Trăm chó giống gì! Muốn ngàn hũ mật ong của trời ban xuống cho trần gian còn treo lủng lẳng như mù sương trên nửa lưng đó. Hửi vô thì say. Say thì không tỉnh được. Có người toan dùng nó mà luyện thuốc trường sinh từ trăm năm nay..

Tư Lập ngấm mình dưới bụng nãy giờ khá lâu rồi, Nước dâng lên nửa ngực. Hai tay chú quậy dưới bùn, chân bò tới lui, bọt nước sôi ùng ục. Chú rút lên một cây b- to tướng, nói huyền thiên :

— Nó còn nguyên, mới tinh. Bộ trái đất xoay tròn sao mà ! Hồi năm ngoái tao nhớ rõ ràng, nhận ở gần gốc cây tràm bên kia. Bây giờ nó chạy qua bên này. Để tao rửa sạch cho mày coi. Cam đoan không có một bợn sét, khuất dưới lớp bùn non, mưa nắng không sao thấu tới. Sét ăn hư hỏng là khi nào mình giữ không kín. Lòng người cũng vậy... Mày chưa hiểu hả ?

Thằng Kim thật tinh không hiểu câu nói lắt léo của Tư Lập. Nó không cần tìm hiểu. Cây búa khiến nó ngạc nhiên hơn : cán dài cỡ năm tấc, lưỡi cao hơn hai tấc, bề ngang lưỡi búa trên một tấc rưỡi, lớn như mấy cây búa thịn mà các ông tướng hát bội thường vác ra khi đánh trận.

— Cầm thử coi nặng không ? Tay anh hùng mới cử nó được. Tao ra lúa gạo, ruộng, chèo là nhờ nó. Nên nhà nên cửa, nên đất nên vườn, nên chồng nên vợ, xưng hùng xưng bá cũng nhờ nó.

Tư Lập nói tiếp :

— Đói bụng chưa ?

— Hơi đói. Nãy giờ tôi lưỡng lự ; gạo còn chừng hai nắm, không lẽ nấu cháo. Hay là mình kiếm nhà nào mượn đỡ.

— Mượn gạo mà ăn, xừa quá ! Ở xứ này, tao không muốn gặp mặt ai hết. Con người ta chết... không phải vì thiếu gạo. Tôi lớn, mày hiểu câu nói đó. Bây giờ đi với tao tìm nhà quen, bánh thì mày đi trước một lần coi !

Nói vậy chớ Tư Lập bước trước, đạp lên choại, lên đống nghe sột soạt. Thay vì đi thẳng lại phía rừng tràm

trắng tinh, thơm ngào ngạt, Tư Lập quẹo trở về phía rừng thấp lè tè, cây cối mọc so le hỗn loạn. Bùn non ngập mắt cá. Muối bay lộn cợn, vương vít dưới chân cây còn u tối. Tư Lập khuyên nhủ :

— Ráng chịu cực vậy ! « Lô » rừng tràm đằng kia là của người ta. Rừng chồi phía này mới là của mình. Vắng hai năm nay, tao ngán rồi, không muốn nhớ lại cái mùi nhụy tràm.

— Sao vậy ?

— Đừng hỏi nữa. Tao muốn lánh mặt người quen. Mai chiều, có lẽ mình qua nơi khác. Gió thổi hiu hiu, buồn quá.

Tư Lập thần thờ đôi mắt rời bỗng nhiên khoát tay, ra dấu im lặng. Chú ngồi nép xuống. Thăng Kim cũng bắt chước, cúi đầu, ái ngại. Tư Lập cầm tay nó mà nói khẽ :

— Đừng động đây, thử nhẹ nhẹ. Nó kia...

Thăng Kim ngó ngán, liên tưởng đến thứ tai nạn khủng khiếp :

— Co... ọp hả ?

— Nói bậy xui xẻo ! Ông mật.

Và nó định thần khi Tư Lập nói rõ thêm :

— Ông mật... đi ăn bông. Bay rề qua rề lại, thấy chưa, thấp chùn trên đọt sậy kia.

Thăng Kim mừng rỡ :

— Ngộ quá ! Ồ nó ở đâu đây, hả chú. Làm sao kiếm được ? Ý ! Nó lớn bằng hai con ruồi.

— Om sòm cái miệng ! Về chống xuống lại đây mau, tạo chờ ! Nhớ cái hộp quẹt máy.

Thăng Kim hồi hả làm y lời. Trở lại chỗ cũ, nó chợt nghe tiếng « hi » ở phía rừng tràm. Té ra này giờ Tư Lập lợi tất qua mương đi lại đằng ấy.

Chú vội ngồi lên xuống, chụp cây dầm, hờm sẵn :

— Bậy quá ! Nó « đi bông » tới đây rồi mất dạng.  
Chờ một hồi nữa coi.

— Đi bông là gì ? Chú Tư.

— Là đi hút nhụy bông... kia, mê quá !



Một con ong rời hai con ong bay qua sát ngọn cỏ, lưng ngời những rần xanh đỏ, hai chân sau quặp lại kẹp hai đốm vàng sậm mà thẳng Kim đoán là nhụy bông. Ong vừa qua khỏi mười thước, Tư Lập hồi hả bơi xuống theo. Nhưng hai con ong nọ lại đáp xuống, mất dạng. Chú nói :

— Đây là trạm thứ nhì của tụi nó. Rán chờ chút nữa. Chém chết tao cũng ăn được ở này.

Sau đôi ba lần theo dõi rồi dừng lại như vậy, Tư Lập bỗng cười vang, múa men tay chân như đứa trẻ thấy kẹo. Hàng trăm con ong bay chập chờn trước mặt, đáp xuống, vọt lên cao, không dòi chỗ. Chú ngóng xem hướng gió trên ngọn cây, ra lệnh cho thẳng Kim đứng im rồi chú đi khuất, chấp sau mạng về một nắm rễ cây gừa.

Hột quẹt bật lửa lên. Nắm rễ gừa ngùn cháy, khói bay đều. Chú nói nhỏ :

— Đi theo tao, đừng chạy bắt tử nghe !

Chú phồng má thổi mạnh, khói tung bay mịt mù chưa tan là chú thổi thêm lần nữa, chân bước nhanh tới. Hiện hiện sau lớp khói mỏng kia, vật gì lạ thường như một trái cây khổng lồ, lớn bằng cái nia, đen ngòm, rực rỡ như nạm muôn ngàn hột thủy tinh chấp chóa...

Thẳng Kim há miệng :

— Ô ong hả ? Ong đâu hết rồi ?

— Cả triệu con kết lại, nằm sắp lớp đen ngời, chớp cánh lia lia đó không thấy sao ! Ở ở bên trong. Lên xuống.

đi. Rủi bễ gì tao với mây thối lui, lặn dưới mương, úp chiếc xuống này lại mà che...

Tư Lập cầm nhánh cây khô gạt mạnh vào ð; ong rớt xuống cổ từng mảng, lặn lặn tan ra. ð ong khoe màu trắng tinh như sáp, treo trên khúc cây gác nghiêng: cây kèo.

Chú quát :

— Chồng xuống lại. Tao với mây khiêng nguyên ð xuống. Dầu sao mình cũng mang tiếng ăn cắp của thiên hạ rồi.

Đặt dưới xuống, ð ong nước ra, mặt vàng tươi chảy đọng vũng. Tư Lập chụp cây dầm, bơi trởi chết, lướt qua sậy, qua năng. Thăng Kim cúi đầu sát ván, nhắm mắt, ở nhánh hai bên quật nhằm. Nó cười tươi khi thấy mái chèo hoang hiện ra trước mặt, Tư Lập trao cây dầm cho nó rồi thò tay xé tàn ong :

— Trời ! Tao hại tao ! Tao ăn cắp... của tao.

— Chú nói gì ?

— Miếng kèo bằng cây nhum. Hồi năm ngoái tao gọi nó lại cho người quen. Chứ « ðiền » tao khắc làm dấu rành rành.

Cây rừng chuyền rảng rác. Đầu ðây có tiếng chười thè ðm tỏi xen vào tiếng dầm khuấy nước. Tư Lập cau mày :

— Họ đi theo dấu bắt tội mình. Không khéo lại xảy ra ðám chém ừng mạng. Nhiều khi họ mạo nhận là của họ để hãm dọa mình. Lát nữa, mây ðùng yếu bóng vía... Cứ cãi lại cho tao.

Thăng Kim giật mình :

— Chú đi ðâu ? Một mình tôi không ðám...

— Tao núp sau họ. Họ tới kia ! Cầm búa lên ! ðụng ðộ thì tao ra ăn thua.



Nhanh như chớp, Tư Lập bước lui, ngồi khuất sau bụi mật cật. Thăng Kim nhìn trước mặt. Hàng cây rung rinh, rẽ ra. Một người vạm vỡ cầm búa, bước tới:

— Khôn thì chịu tội. Thăng kia, mầy ở xóm nào tôi?

Thăng Kim cố giữ sắc trầm tĩnh:

— Tôi ở đây, mần ăn...

— Ăn cắp chó mần ăn? Tao theo dấu tụi bây nãy giờ. Công trình mấy tháng nay tao tạo sẵn để mầy hưởng! Đã ăn cắp mà lại còn gỡ luôn tấm kèo, chẳng khác nào ăn trộm rồi đốt luôn nhà của tài gia.

— Tôi không biết gì hết...

— Chém chết mẹ chó không biết!

Lưỡi búa của khách hơi lên. Thăng Kim cũng nâng cây búa một cách vụng về. Khách nhìn nó, ngạc nhiên rồi nhìn cây búa:

— Mầy ăn trộm búa nữa hả? Ráng mà dỡ, nê!

Hoảng hốt, Tư Lập nhảy ra, nắm cương tay người khách lạ:

— Tao ở nhà ông hương giáo hồi xưa đây mà. Chả mầy đến sau nên không biết rõ tao là ai.

Khách trở mắt:

— Trời! Cậu Tư. Về hồi nào! Trời... nãy giờ thấy cây búa, tôi hồ nghi là của cậu. Sao không lại thăm cô Hoàng Mai?

Tư Lập vượt mồ hôi trán:

— Thôi! Về đi. Nhấn với ông hương giáo rằng tối nay tao tới.

Khách nói:

— Buồn lắm! Cô Hoàng Mai yếu nhiều.

Tư Lập thở dài:

— Vậy hả? Đừng nói nữa. Về trước đi.

Khách rút lui. Tư Lập nói ngậm ngùi:

— Trốn mà không khỏi. Trốn Tây tà là chuyện dễ; trốn người quen là chuyện khó hơn. Ta ăn cắp ở ông khi này mà chi? Nghề ăn ông có nghiệp chương... Đây là ông cuối cùng của tao trong nghề...

Thằng Kim hỏi:

— Sao vậy? Ai đau nhiều vậy chú? Cô Hoàng Mai là người bà con...

— Bà con không phải bà con. Người đứng không phải người đứng. Tối nay mày thay mặt tao, lại đó mà thăm ông hương giáo. Phần tao, tao phải xa rừng này. Ở lại đây, mày có dịp học khôn. Đừng buồn. Đề tao nói lại đầu đuôi sự tích, hồi năm trước...



Nghe xong thằng Kim đi từng bước chậm rãi đến nhà ông hương giáo. Câu chuyện tình của Tư Lập hãy còn lằng lằng trong trí nó. Gió chiều nhẹ thổi. Mùi bông trà ngào ngạt. Nó nhìn từng gốc cây, lắng nghe từng tiếng lá trở mình mà khoan khoái trong lòng. Rừng U-minh này đối với nó cơ hồ không còn gì là bí mật khó hiểu nữa.

Đến nhà ông hương giáo, nó được thết đãi cơm nước tử tế. Ông hương giáo không nói chuyện nhiều. Nó nói dối rằng... chừng lát nữa Tư Lập sẽ đến. Nhưng Tư Lập có đến đâu! Đêm đó, nó được nằm ngủ trên vau gỗ, trải chiếu bông, giăng mùng rộng rãi. Nửa đêm, nó chợt tỉnh vì ánh đèn chói mắt.

Ông hương giáo nói:

— Chú em thức hả! Kia! Trên bàn thờ, từ bao năm rồi, tôi luyện « ngọc ông » để trị bệnh. Bệnh gì chắc Tư Lập nói sơ cho chú em hiểu rồi. Tôi buồn quá. Tư Lập không trở lại nhà này nữa đâu. Chú em cứ nói thiệt. Phải vậy không?

Thằng Kim nói :

— Dạ cháu không biết. Chú Tư không nói rõ...

— Ta hiểu lắm. Dầu sao, trở về lần này, Tư Lập cũng đã tỏ ra có nghĩa ! Ai nữ câu thúc chỉ trai của mình trong một xô đề đòi lấy chữ nhân ? Ai nữ bỏ cái danh dự để mua chuộc một chức tước quý phái huyền ảo. Từ xưa, tăng tổ của ta cũng vì khí khái ấy mà phò Chúa, xiêu lạc đến đây ! Bây giờ ta yếu lắm rồi. Dầu muốn bắt chước Tư Lập, ta cũng không còn đủ sức lực mà bắt chước. Gia thế của ta, thiên hạ đã rõ. Câu thúc Tư Lập ở mãi tại đây chẳng ? Ta chỉ là người hương giáo, quyền hạn gì ? Ừ ! Tội là tội cho Hoàng Mai. Năm nay, nó ngồi một chỗ, không có đủ sức mà ra thăm cội hoàng mai ngõ trước, như hồi Tư Lập biết...

Sáng hôm sau, thằng Kim từ già ông hương giáo rời đến ngồi bên mé rạch. Bông vừng tươi thắm, cây cối hai bên bờ giao đầu lại, mát mẻ. Nó chờ đón bất cứ xuống ghe ai, đi về đâu cũng được, để quá giang. Sau lưng nó, trên thềm nhà, trong bóng mát, hình dáng của Hoàng Mai với đôi mắt và mớ tóc trùm kín trong chiếc khăn. Chiếc tay áo của nàng lòng thông che khuất mấy ngón tay, từ từ nâng lên như tiễn đưa một hình bóng...



## BẮT SẤU RỪNG U-MINH HẠ

**N**ƠI sông rạch, cá sấu là giống hung hăng nhất. Có điều đáng chú ý là chúng không thích ở những chốn sông sâu nước chảy, có sóng gió. Chúng lên tận ngọn cùm, tìm nơi yên tĩnh, chật hẹp. Vùng U-minh hạ, sấu thường đi ngược sông Ông-đốc, rạch Cái-tàu vào giữa rừng tràm.

Tại sao vậy ?

Tuy là thích ăn thịt người, loại sấu vẫn tìm cá là món ăn chánh. Rừng U-minh hạ thuộc về loại tràm thủy, cá sanh sôi nảy nở rất nhanh chóng ; lên đó, tha hồ mà ăn.

Đến mùa nắng hạn rừng khô, sấu khỏi phải trở về sông Cái. Trong rừng có sẵn nhiều ao, nhiều lung, sấu cứ gom vào đó mà lập căn cứ, sanh con đẻ cháu, năm này qua năm khác, cứ như vậy cho tới khi người Việt-nam ta đổ tràn xuống rạch Cái-tàu mà lập nghiệp. Ban đầu, họ ngỡ rằng sấu chỉ ở dưới sông, sau khi câu được chừng năm mười con sấu ở ngọn rạch, họ định ninh cho là sấu đã giảm bớt... mười phần chết bảy còn ba. Mãi đến khi có người lên rừng ăn, ông chạy về loan báo :

— Sấu ở giữa rừng nhiều như trái mù u chín rụng !

So sánh như vậy không phải là quá đáng ! Dân làng xúm nhau lên rừng để nhìn tận nơi. Cái ao lớn ước một công đất, bên bờ, dưới nước, toàn là lau sậy, dây cóc kèn. Sấu nổi lên, chen vào bức tranh màu xanh ấy những vệt đen chi chít: con thì nằm dài như chiếc xương lươn, con thì dùng hai chân trước mà vạch sậy, ngóng mỏ kéo lên trời như họng súng thần công đại bác. Biết có loài người đến quan sát, chúng vẫn điềm nhiên sưởi nắng, bắt cá. Duy có con sấu già trợn mắt hướng về lũ người rồi bỏ thói lui vào giữa lòng ao, để thủ thế. Dân làng nhìn nhau như ra lệnh rút lui. Nghi ngờ gì nữa ! Con sấu nọ có đốm đỏ ngay giữa tam tinh. Nó là « sấu chúa » sống lâu đời, nhiều phen kịch chiến với loài người. Khi ở trên cạn, sấu không nguy hiểm bằng một con rắn hổ. Sấu chúa khôn lắm, nó toan dụ địch thủ vào hang của nó nơi nước sâu. Trong số người khi nãy, có kẻ cần thận mang theo mác thông, lao, ná lầy, nhưng họ dự liệu rằng mở khi giới ấy chỉ có hiệu lực đối với cạp, heo rừng. Đẳng này sấu là loại ở nước, ở bùn lầy. Chống xuống vào thì ao quá cạn còn đi bộ xuống thì lún ngập gối.

Cái ao sấu ở ngọn rạch Cái-tàu đã bị phát giác. Tin ấy đồn đãi lần lần, thấu đến tai ông Năm Hệp, người thợ già chuyên bắt sấu ở Kiên-giang đạo, tức là vùng Rạch-giá ngày nay. Ông bơi chiếc xuống ba lá nhỏ đến địa phận làng Khánh-lâm, ngọn rạch Cái-tàu. Trong xuống, có vồn vện một lon nhang trần và một hũ rượu.

Từ sớm tới chiều, ông bơi xuống tới lui theo rạch mà hát :

*Hồn ở đâu đây ?  
Hồn ơi ! Hồn hỡi !  
Xa cây xa cối,  
Xa cội xa nhanh,  
Đầu bãi cuối gành,  
Hùm tha, sấu bắt,*

*Bởi vì thất ngất  
 Manh áo chén cơm,  
 U-minh đổ ngòm  
 Rừng tràm xanh biếc  
 Ta thương ta tiếc,  
 Lập đàn giải oan...*

Giọng nghe ảo não, rùng rợn. Dân làng thấy chuyện kỳ lạ, xuống đứng dưới bến để nhìn kỹ. Đoán chừng ông lão nọ là người có kỹ tài, họ mời ông lên nhà, làm thịt gà, mua rượu thết đãi :

Sau khi tự xưng danh tánh, ông bảo :

— Nghe đồn có ao sấu, tôi chẳng nệ đường xa để xư Khánh-lâm này...

— Té ra ông là thợ câu sấu !

Ông Năm Hên lắc đầu :

— Thợ bắt sấu chứ không phải thợ câu. Hai nghề đó khác nhau. Câu thì dùng lưới sắt, móc mồi bằng con vịt sống. Đó là ở dưới nước. Đẽng này tôi chuyên bắt sấu trên đất khô, không cần lưới.

— Vậy chớ ông bắt bằng gì ?

— Tôi bắt bằng.. hai tay không.

Ai nấy ngạc nhiên. Ông Năm Hên cười dòn :

— Bà con cô bác không tin sao ?

Ai nấy nửa tin nửa nghi. Họ cố nhớ lại cách bắt sấu của mấy người thợ câu từ nào đến giờ. Bắt sấu bằng hai tay không quả là phi phạm, thể gian hy hữu. Không lẽ ông Năm Hên này lại nói láo để lường gạt ; ông nào đã mở miệng xin tiền bạc cơm gạo gì của xóm này ! Ai nấy nôn nao, thiếu điều muốn nắm ní ông đi bắt sấu tức thì để coi thử cách thức.

— Thưa ông, chừng nào ông ra nghề để cho dân làng chúng tôi được mạng ? Nếu cần tiếp giúp chuyện chi, chúng tôi sẵn sàng. Ở xóm này, thiếu gì trai lực lưỡng đã từng gài bẫy cọp, săn heo rừng.

Ông Năm Hên đáp :

— Sáng mai sớm, đi cũng không muộn. Tôi cần một người dẫn đường đến ao sấu đó. Có vậy thôi ! Chừng một giờ đồng hồ sau là xong chuyện ! Sấu ở ao giữa rừng, tôi bắt nhiều lần rồi. Bà con cứ tìm tôi. Xưa nay, bị sấu bắt là người đi ghe xuống hoặc ngồi rửa chén dưới bến, có bao giờ sấu rượt người ta giữa rừng mà ăn thịt ? Tôi đây không tài giỏi gì hết, chẳng qua là biết mưu mẹo chút ít, theo như người khác thì họ nói đó là bùa phép để kiếm tiền. Nghề bắt sấu có thể làm giàu được ngặt tôi không màng thứ phú quí đó. Nói thiệt với bà con : cha mẹ tôi sanh ra chỉ có hai anh em tụi tôi. Anh tôi xuống miệt Gò-quoạ phá rừng lập rẫy hồi mười hai năm về trước. Sau được tin cho hay : anh bị sấu ở Ngã-ba-đình bắt mất. Tôi thề quyết trả thù cho anh. Cực lòng biết bao nhiêu khi nghe ở miệt Rạch-giá, Cà-mau này có nhiều con rạch. ngã ba, mang tên là Đầu Sấu, Lưng Sấu, Bàu Sấu, sau này hỏi lại tôi mới biết đó là nơi ghê gớm, hồi xưa lúc đất còn hoang. Rạch Cà-bơ-he, đó là chỗ sấu lội nhiều, người Miên sợ sấu không dám đi qua nên đặt tên như vậy, cũng như Phá Tam-giang, Trường nhà Hồ của mình, ngoài Huế.



Sáng hôm sau, ông Năm Hên đi lên ao sấu, có Tư Hoạch, một tay ăn ong rất sành địa thế vùng Cái-tàu dẫn đường. Nhiều người này nỉ xin đi theo.

Ông Năm Hên cản lại :

— Đi nhiều chộn rộn lắm. Tôi không giấu nghề với bà con đâu. Có Tư Hoạch đi theo coi mà.

Đã quá giờ ngọ.

Ngóng về phía ao sấu U-minh hạ, ai nấy đều thấy một làn khói đen bốc lên. Ban đầu ngỡ là cháy rừng, chập sau, khói lụn xuống. Trong lúc đó bà con xóm Cái-tàu lo

nấu cơm, mua rượu đợi chiều làm tiệc ăn mừng. Nhưng ngạc nhiên làm sao, trời vừa xế, lúc ai nấy đang ngủ trên nhà, bỗng nghe tiếng kêu réo từng hồi :

— Bà con ọ ! Ra coi sấu... Bốn mươi lăm con còn sống nhần.

Rõ ràng là giọng Tư Hoạch.

— Diệt kế ! Diệt kế ! Tôi là Tư Hoạch đi bắt sấu về đây. Bà con coi sấu lội có hàng dưới sông mình nè ! Một đời người mới có một lần.

Dưới sông Tư Hoạch ngồi trên xuồng, bơi nhẹ nhẹ như đi dạo mát.

Tiếp theo lái xuồng là một bầy sấu, con này buộc nối đuôi con kia, đen ngòm như khúc cây khô dài. Mỗi con sấu, hai chân sau thúc ké trên lưng, hai chân trước tự do, quạt nước cầm chừng như tiếp sức với Tư Hoạch để đẩy chiếc bè quái dị kia đi nhẹ nhàng. Thực tế hay chiêm bao ? Người thì đứng há miệng sững sốt rồi toan chạy vào nhà trốn. Người khác khấn vái lâm râm, e nay mai xóm nầy bị sự trừng phạt của quỷ thần. Vài người dạn hơn, bơi xuồng ra giữa sông, nhìn bầy sấu nọ cho tỏ rõ rồi rước Tư Hoạch vào bờ hỏi han rồi rít.

Đại khái Tư Hoạch trình bày :

— Tôi ao sấu, ông Năm Hên đi vòng quanh dòm địa thế rồi ngồi xuồng uống một chung rượu. Kế đó ông với tôi lấy xuồng đào một đường nhỏ, ngày một cạn, từ bờ ao lên rừng chừng mười thước. Xong xuôi, ông biếu tôi bút cho ông một nắm dây cóc kèn. Phần ông thì lo đốn một đống cây mốp tươi, chặt ra khúc chừng ba tấc.

Lửa châm vô sậy để, cóc kèn xung quanh, bắt cháy xuồng đấm sậy để trong ao. Chập sậu, bị khói bay cay mắt, ngộp thở, phần thì nước sôi nóng, sấu bỏ lên rừng theo con đường đào sẵn hồi nầy. Tức thời, ông Năm Hên



chạy lại. Sấu há miệng hung hăng đòi tát ông. Ông đút vô miệng sấu một khúc mốp. Sấu tát lại, dính chặt hai hàm răng; như mình ngậm một cục mạch nha quá lớn, muốn há miệng cho rộng để nhả ra cũng không được. Sấu bị khúc mốp khóa miệng, còn cái đuôi đập qua đập lại ông Năm xách cây mác, nhắm ngay sau lưng sấu mà xấn nhẹ nhẹ để cắt gân đuôi. Đuôi sấu bị liệt. Thế là mình yêu trí, lấy dây cóc kèn trói thúc ké hai chân sấu của nó lại; chừa hai chân trước để nó bơi tiếp với mình.

— Thực là bực thánh của xứ này rồi! Mưu kế như vậy thực quá cao cường. Ông đâu rồi? Sao không thấy ông về? Xóm mình nhất định đền ơn ông một số tiền, nuôi ông tới già, ở xóm này. Bà con tính sao?

Tư Hoach nói:

— Mà quên! Ông biểu tôi về trước cho bà con coi thử. Phần ông mắc ở lại cúng «đất đai vương trạch» rồi đi bộ về sau.

Chưa dứt lời, bên sông nghe tiếng hát của ông Năm Hên, ngày một tỏ rõ:

*Hồn ở đâu đây?  
Hồn ơi! Hồn hỡi!  
Xa cây xa cối,  
Xa cội xa nhánh,  
Đầu bãi cuối gành,  
Hùm tha sấu bắt,  
Bơi vì thái ngặt  
Mạnh áo chén cơm,  
U-minh đỡ ngòm  
Rừng tràm xanh biếc!  
Ta thương ta liếc,  
Lập đàn giải oan..*

Tiếng như khóc lóc, nài nỉ. Tiếng như phẫn nộ, bị ai. Ghê rợn nhưt là khi thấy ông đi ra khỏi mé rừng, áo rách vai, tóc rối nười, mắt đỏ ngầu, bó nhang cháy đỏ quơ qua quơ lại trên tay.

— Coi tướng của ông ghê như tướng thầy pháp! Một người thốt như vậy.

Nhưng có tiếng khóc sụt sùi dần đây. Đó là vài cụ già, bà lão chạnh nhớ ơn tổ tiên, đến bái bệ của mình. Biết đâu trên bước đường sanh nhai giữa chốn nước đổ rừng xanh, có thân nhân của họ đã bỏ thân vì đàn sấu này. Bó nhang đang cháy kia có giải oan được cái chết của họ không chớ?



## NGƯỜI MÙ GIĂNG CÂU

**Đ**Ứ A con trai độc nhất của ông đã bị « A-lơ-măn » giết lúc phải cầm súng giữ vùng An-sác-lo-ren cho Pháp. Ta có thể nói : Ông mù vì khói lửa của trận Âu-châu đại chiến kỳ nhất. Còn lại một mình, ông cất căn chòi ở Rộc-lá, ấp Tây-sơn. Rộc là con rạch nhỏ ngoằn ngoèo, bắt nguồn từ một gò đất cao giữa đồng, chảy thẳng vào một cái lung, phần đất thấp hơn, đầy những rau muống, cóc kèn, ô rô và cá.

Ở Rộc-lá này, cá tôm quá nhiều so với mấy nơi khác trong ấp. Từ tháng mười đến tháng giêng, cá lội từng bầy trở về sông Cái, suốt ngày suốt đêm không ngừng. Ban ngày, cá đi đớp bọ, trảng bờ rạch. Ban đêm thức giấc vào bất cứ lúc nào, ta cũng nghe cá lóc táp mồi, cá trê chép miệng kể bên nhà. Nguồn lợi to tác vô cùng !

Nhưng nào đâu cái cảnh « Một vùng trời đất vui thềm vì hay » ?

Cá ăn câu về đêm. Muốn giăng câu phải thức trót canh gà, thức bốn năm tháng ròng rã, hao phí bao nhiêu sức lực ! Ngày thì đi gặt lúa mướn, thời giờ đâu để ngủ bồi dưỡng lại. Đêm thì muỗi mòng, gió bắc lạnh, lắm khi gặp mưa. Nhiều em bé đuối sức ngủ gục, té xuống sông, leo trở lên xuống ướt lòi nhoi như chuột...

Ông thường bảo :

« Phải có kinh nghiệm mới đỡ cực nhọc. « Con cá trương vi quạt đuôi ra biển Bắc thì còn mong gì cá ấy trở lại chốn cũ ao nhà ». Câu ca vọng cổ đó nói sai. Cá có hang ở sông Cái. Mùa mưa, cá tìm đường lên ruộng, vào rừng mà đẻ. Bắt đầu mùa hạn, cá bỏ ruộng, bỏ rừng quay trở về hang cũ ở sông. Sự khôn ngoan của con người là chặn chuyển về của loài cá. Chặn cho đúng nơi, đúng lúc.

Vào đầu mùa, cá thường ăn mỗi khi nước lớn. Giữa mùa, cá ăn lúc chạng vạng, lúc trăng sữa soạn mọc. Hùng sáng, chừng đậm mây ngang, cá trở lại ăn một lần chót.

Khó nhất là chọn nơi để giăng câu. Cá sợ ngọn nước ngoài biển chảy tràn vào sông. Gặp nước mạn, cá hết nhột ngoài da, con mắt xôn xang, nhưng nơi nước quá ngọt lại ít có cá vì cá chưa đi tới. Cá tập trung nơi lẫn ranh nước lờ lợ và nước ngọt.

Tại lờ ranh đó, nên biết chọn từng điểm nhỏ. Rạch nào lằm ghe xuống qua lại, cá ẩn ở sát bờ. Rạch nào im lặng, cá lội ngay giữa dòng. Trước khi giăng cá trê, phải quay cho nước đục. Mỗi chỗ cá chỉ ăn có một lần. Vì nó đi lưu động, mình nên khéo dời chỗ...

Gió bắc thổi rờng rã, cá lên lằm về sông Cái. Nếu bỗng nhiên trời trở nực, chuyển mưa, cá lui trở lại rừng và không ăn mồi. Những ngày ấy, để giăng câu cũng hoài công ».

Có người chất vấn: Đã mù sao còn giăng câu được.

Ông đáp :

— Mù lòa là mắt không thấy, chớ nào phải vô tri vô giác? Con người có thể thấy bằng lỗ tai, bằng hai bàn tay, bằng mũi . . . Nghe hát máy, thiên hạ đau dùng cặp mắt mà vẫn hiện thấy được cảnh ly biệt, cảnh giặc giã... trong võ phòng ! Ban đêm, nằm nhà đóng cửa lại, tắt đèn nhưng thiên hạ vẫn thấy hiện hiện cảnh ngoài trời : ếch

nhất kêu, tàu chuối phát phơ, chớ sửa ma hay sửa kẻ trộm. Người ta thường nói : *xanh mát, đỏ hực*. Mát, là màu xanh, màu đen. Nóng, là màu vàng, màu đỏ. *Bần hàn*, là nghèo lạnh. Vô nhà nào mà mình có cảm giác lạnh lẽo đó là nhà nghèo. Gặp người bạn, sờ lên vai áo thấy rách, chắc là người ấy đang suy sụp... nghèo *rã bánh tó*. *Đi lâu*, là đường dài. *Đi mau*, là đường ngắn. Tôi thường bơi xuống đến tiệm mua đồ một mình. Trong kính nhỏ có bóng súng cần mài dầm, khó bơi. Tôi ngả ba, khúc queo, là chỗ nghe tiếng con sáo, con cườm ăn trái trên cây giữa bên miếu ông Tà. Gần mương vàm, hơi xông nồng nực hơi tanh vì nước ít lưu thông. Chưa tới tiệm, có cầu ván bắt ngang. Chân cầu lợa lăm, tôi thấy nhột nhột màng tang, vì sợ đung. Người mù có thể vá quần áo. Lại còn nấu cơm, nghe tiếng củi nổ, nghe hơi nước nóng để biết cơm sôi, cơm khét. Tóm lại, thiếu cặp mắt vẫn còn sống được ! Người ta có đủ cột kèo thì cất nhà lớn, đúng ni tắc. Mình đây đui mù, như thiếu cây cột cái, nhưng nếu khéo léo một chút cũng cất được mái nhà nhỏ che gió che mưa... hà huống là việc giăng cầu ! Giăng cầu lúc ban đêm, cặp mắt không cần thiết. Người không mù, họ đốt lửa trước xuống un muối, cho vui mắt, ấm lòng, chớ nào phải để soi đường đi. Đó là chưa nói tới loài cá ! Nó ở dưới nước, núp trong cỏ, người có mắt cũng mù như tôi làm sao thấy cá được. Phải dùng óc xét đoán để hiểu tánh ý của nó. Nhờ đó mình mới giăng được nhiều cá, ngày càng vui thú với nghề nghiệp của mình.



Dân trong xóm thường gọi ông là ông Văn Tiên, lại có biệt danh là « Sư tổ giăng cầu ». Dường như tạo hóa đã dành cho một số phận : sinh trong thời Pháp thuộc. Nhưng chúng ta hãy tưởng tượng rằng ông còn đó, đêm đêm hiện ra ngồi trước mũi xuống, trên sông nước, không phải để làm ma nhát những người yếu bóng

vía nhưng để giải nỗi lòng đối với con cháu đời sau.

Đêm thanh vắng. Trăng sao đều khuất trong sương mù.

Nước dưới kinh lạnh ngắt. Bếp un đỏ lên, xua đuổi đàn muỗi rừng. Khói bay lạt tủa, lẫn lộn vào mái tóc bạc, chòm râu bạc. Thỉnh thoảng, gà gáy lên eo óc.

*Lên khên rong dưới chôn,  
Đặc nước, bóng súng bóng,  
Ô rỏ và rắng, sậy,  
Mọc dày theo mé lũng,  
Mắm đen, chen dà điệp,  
Che khuất mấy cánh đồng.  
Nơi đây, nơi giáp giới,  
Ha ngả, một đường lũng.*

Đôi mắt ông vẫn còn trập trùng. Miệng ông vẫn còn nói lên mấp máy, buồn buồn, chậm rãi.



## SÔNG GÀNH-HÀO

**H**ỒI đó ông kiếm lâm « Rốp » được dân chúng thương mến lắm.

Ông Rốp có vài đức tánh mà các tay thực dân khác không có. Từ hồi đáo nhậm tại vùng rừng sông Gành-hào đến giờ, chung qui là hai năm nhưng ông Rốp chỉ đi « rốn » có bốn lần. Mỗi chuyến rốn, mục đích của ông không phải là rinh bắt các ghe xuồng chớ củi lậu thuế. Vào rừng ông ngắm nghĩa từng lá cây, lắng nghe từng tiếng chim kêu, đập muỗi rồi xem giò, xem cánh từng con. Ông lại còn hái các loại ráng, dây bông bong, dây choại, tầm gỏi.. đem về đàn phơi khô để nghiên cứu. Cây súng đem theo xuồng cũng chỉ để bắn khỉ, bắn lợn nòi ; bắn mà chơi chứ không cần trúng đích.

Dân chúng trong vùng sông Gành-hào bàn tán qua lại để tìm hiểu ông Tây kiếm lâm khác thường này :

— Ông « Rốp » hiền hậu quá ! Bà con có biết tại sao không ? Ông thô thể với thấy hương quân rằng nhà ông ở bên Tây nghèo quá. Nhờ lập công đánh A-lơ-măn hồi Âu-châu đại chiến nên ông được phong chức kiếm lâm qua xứ Nam-kỳ này. Mẹ của ông trông nho ở củ lao « Cọt » củ lao « Kiệt » gì đó. Phen nọ, bà mẹ đốt đồng lá khô, rúi cháy qua mấy vườn nho lân cận. Thiên hạ đòi bắt thường, kiện tới tòa. Bên này, ông Rốp vô cùng sầu thảm vì không tiền dư gởi về để cứu nguy, báo hiếu.

Người khác nói thêm :

— Phải ! Phải ! Cha nội nghèo thiết, hèn chi muốn ở xứ này luôn, đòi ắp mắmsống, lập nói tiếng « An-nam » rành như tụi mình. Bà con giữ kín giùm chuyện này: phen đó thầy hương quản làm thịt chó rồi nói gạt là thịt nai, mời ông tới nhậu. Ông khen nức nở: thịt nai Cà-mầu ăn sao mềm quá !

Một ông lão tỏ vẻ không bằng lòng :

— Ông Rốp là người mộ đạo. Gạt như vậy, tội chết. Nghe anh « bời » nói lại trên lầu đèn kiềmlàm, ông có treo tượng Phật. Kể hèn là tú sách văn chương đạo đức, toàn chữ Tây và chữ nho. Đêm nào ông cũng thức đọc sách hàng đèn cầy, tới khuya.

Rốt cuộc họ kết luận : Ông Rốp là người nhơn đức, ít làm khó để đả chúng, luôn trách nhiệm cảm chừng, tuy đang hành sự nhưng cũng như đã về hưu trí, ăn sĩ qui điền. Họ càng yên tâm mà tiếp tục phát triển việc phá rừng, đốn củi lấy thuốc.



Hôm đó, cha con của Tư Đức chờ xuống cử ngang đôn kiềmlàm.

Trời tối như mực, sắp chuyển mưa to, giữa bàn tay cũng không thấy. Trên đôn yên lặng. Ánh đèn vàng vọt chiếu ra ngoài cửa sổ hé mở.

Bên bờ sông, một giọng lơ lơ, sững sốt :

— Ghé lại ! « Chéc » ghe hay là con « xáu » ?

Tư Đức đặng hèn, nhận ra được giọng nói của ông kiềmlàm Rốp. Trời đất hồi ! Quá nửa đêm giờ Ti rồi mà ông còn làm gì dưới bến này ? Chứ Tư Đức nín tiếng, toan bơi lẹ cho qua khỏi ải, ngặt ông Rốp trên bờ nói lần nữa :

— Con « xáu » hay là « chéc » ghe ? Ông lên bản đà !



Đồn củi lậu thuế nào phải tội nặng đáng xử tử, lỡ bề gì, chết lãng quá! Cực chẳng đã, chú Tư đành lên tiếng:

— Chiếc ghe, quan lớn ơi. Tôi đi rước mụ cho vợ đẻ. Xin quan lớn cho tôi đi.

Ông Rốp càng trầm tĩnh:

— « Chéc » ghe thì ghé lại! Thầy đội đầu rồi! Đem đèn xuống coi thử...

Bước lên bờ, chú Tư Đức năn nỉ ý ôi, xin tha tội một phen, thề nếu tái phạm thì ở tù rạc xương cũng cam đành. Ông Rốp lắc đầu, ra lệnh quăng củi lên bờ, kéo xuống vào tận « phủ de » sát vách đồn. Đêm đó, báo hại hai cha con chú Tư Đức phải ngủ trần, tay đập muỗi lia lịa, trí óc buồn bã nhớ đến ngày mai đến tối thiếu gạo nấu. Và đưa con trai đang đau bệnh rét rùng.

Sáng hôm sau, ông Rốp bảo chú Tư Đức cứ về nhà, chờ ngày trát đòi đến đóng tiền phạt vì đây mới là lần phạm tội đầu tiên thôi. Chú Tư bèn làm nũng:

— Chết thì tôi chịu chờ tôi thề không đi về. Cha con tôi không có nhà cửa gì ráo.

— Vậy chờ mọi khi chú ăn cơm tại đâu, ngủ tại đâu?

— Dạ thưa ăn tại xuồng này, ngủ tại xuồng này. Nó là nhà của tôi.

Như động lòng trắc ẩn, ông Rốp suy nghĩ rồi nói:

— Xứ này thiếu gì cây đề cất nhà, thiếu gì lá đề lợp nhà. Chú làm biếng, không chịu tạo lập.

Chú Tư Đức cố nén cơn giận:

— Bởi vì tôi không có đất, quan lớn thương dùm. Tôi đã cất nhiều lần rồi mà ở không yên. Ban đêm hai cha con tôi phải thức khuya, quan lớn cũng thấy. Chịu đựng mưa gió muỗi mòng, đâu phải là làm biếng sợ cực!

Có lẽ nhờ câu nói khẳng khái ấy mà cha con Tư Đức được ông Rốp cho ở đậu tại nhà dưới cửa đồn kiểm lâm, cơm ăn không tính tiền, bù lại hai cha con phải làm cỏ, quét nhà. Tội nghiệp thằng nhỏ con trai của chú Tư! Mấy viên « ký ninh » của ông Rốp không chặn được cử rét hằng ngày hoành hành nó. Nó khóc, đòi trốn về rừng. Buổi trưa không ngủ, nó lấy thân bếp vẽ lên tường nào là hình xe hơi, hình con chim, hình cọp, hình sấu... báo hại chú Tư phải lau chùi sạch sẽ, e ông Rốp thấy mà bị rầy to.

Đưa con trai khóc sụt sùi :

— Minh phải về, ba à !

Chú Tư chếp miệng :

— Ở đây có cơm ăn qua ngày. Con đừng lo. Ông đuổi mình, mình cũng không thêm về.

Thằng bé không hiểu cha nó đang suy nghĩ mưu kế gì.

Lâu ngày rồi quen, hằng đêm chú Tư Đức được phép lên phòng riêng của ông Rốp để châm nước pha trà. Ngạc nhiên làm sao, trong phòng nó toàn là sách vở, tranh ảnh ! Trên vách treo nào là sừng nai, da cọp, cây lăm gỏi, hình Phật Thích Ca ngồi thiền dưới cội bồ đề. Ngay trước mặt ông Rốp là tấm bản đồ lớn, ghi nhiều mũi tên xẹt qua xẹt lại. Bên dưới bản đồ có tấm hình hai người mặc áo rộng màu vàng ; họ quì gối đầu mặt lại, chấp tay xé lẫn nhau.

Đoan sự tò mò của chú Tư Đức, ông Rốp hỏi :

— Biết hình gì đây không ? Quì lạy đó.

Chú Tư Đức đáp :

— Dạ, chưa biết vì hỏi nào lời giờ tôi không được về trường mà ăn học.

— Chú theo tin ngưỡng nào ?

Chú Tư suy nghĩ hồi lâu :

— Tôi chưa hiểu hai tiếng tin ngưỡng nghĩa là gì. Tôi tin Trời, tin Phật, thờ cha kính mẹ, quý mến ông già bà cả. Lại còn việc cúng vái mấy ông cọp, ông sấu. Đất có Thổ Công, sông có Hà Bá.

— Nhiều thứ quá vậy. Tôi hỏi cái đạo kia. Chú theo đạo gì ?

— Đa, theo cha mẹ tôi nói lại thì người «An-nam» mộ đạo Phật. Tôi cũng như cha mẹ tôi.

Ông Rốp cười đắc chí :

— Nghĩa là chú Tư theo đạo Phật. Tốt lắm. Theo đạo Phật mà sao không biết cái hình này ? Đó là ông vua Hy-lạp tên Mi-lanh-đa hỏi kinh với pháp sư Ấn-độ tên Na-ga-sơ-na. Vua Hy-lạp phục tài của thầy tu Ấn-độ, thầy tu Ấn-độ phục tài của vua Hy-lạp. Hai người chấp tay xá lẫn nhau. Họ đối đáp hay lắm, ghi lại thành một bộ kinh đây này..

Ông Rốp bèn rút trong túi hạt bả cuốn sách hơi dày mà nói tiếp :

— Chữ Phạn gọi nó là «Mi lanh đa băng hạ». Chữ nho dịch lại... là Na Tiên Tỷ Kheo Kinh. Na Tiên là dịch âm lại tên thầy tu Ấn-độ Na-ga-sơ-na.

Mấy tiếng «băng hạ, sơ na» khiến chú Tư Đức rối trí quá. Chú cố gắng nhớ lại trong chuyện Tàu, những đoạn nói về Ấn-độ, tức là nước Thiên-trúc.

— Sao trong Tây Du không nghe nói vậy ông ?

— Trước Tây Du của thầy Huyền Trang cỡ tám chín trăm năm lặn ! Hồi 150 năm trước Thiên Chúa, phía bắc Ấn-độ có mấy ông vua Hy-lạp cai trị, giống như người Pháp cai trị An-nam bây giờ. Hồi đó, người cai trị với người dân bôn xừ thương nhau.

— Tại sao vậy, quan lớn ?

— Tại vì người dân bốn xứ tài giỏi quá, đâu phải như người An-nam bây giờ. Bây giờ không còn cảnh đó nữa ! Thi dụ tôi là vua Hy-lạp từ Âu-châu tới, chủ là thầy ta Ấn-độ nọ tôi cai trị. Chủ có điều gì giỏi hơn tôi đâu mà hòng dạy lại tôi.

Chú Tư Đức buồn bực vô cùng khi thấy ông kiêu làm Rốp khinh rẻ người Việt-nam ra mặt. Phận vậy, đành chịu vậy, biết sao bây giờ ! Cãi lại thì rất nguy hiểm, ngoài tội ăn cắp cây rừng của nhà nước, chủ có thể mang thêm tội làm « quốc sự » !



Hàng đêm, ông Rốp thức đến canh ba để đọc sách.

Dưới này, chú Tư gác tay lên trán suy nghĩ hên miên. Ông Rốp có mối mến chú hơn trước, bằng cứ là ông bố thì cho cái mừng và chiếc áo bành tô cũ ! Lúc đưa con trai ngủ say, chú Tư thường ra sân, nhìn trở lại ngọn đèn cây mà ông Rốp đốt lên để đọc sách trên lầu. Chú làm bầm, phải cười một mình :

— Tại ông thức đêm đọc sách Phật cho nên mình mới bị bắt giam như vậy. Đêm đó, có lẽ ông suy nghĩ một chuyện xưa tích cũ « ga xơ na, ma lạnh đa » gì đó. Suy nghĩ không ra, ông mới đi dạo như mình đang đi bây giờ. Rồi ma đưa lối, quỷ dẫn đường, ông nhẹ gập xuống cùi lậu của mình. Cái việc cầu đảo của ông có hại cho bá tánh vì dục vọng của ông còn quá nhiều.

Gió thổi hìn hìn. Dừa nước lên bờ sóng uốn éo, vạng lên rào rào. Đàng xa, một vật gì từ từ nổi lên, đi ngược dòng nước đang chảy siết. Chú Tư Đức nghĩ :

— Thằng cha nào ngu quá ! Xe trước gãy bánh, xe sau phải tránh. Đêm trước, cũng vào giờ này mình đi ngang qua đây bị rình bắt. Bộ họ chưa hay biết sao vậy kia ?

Nhưng dường như vật nọ không phải là chiếc xuồng. Khi thì nó thối lui, cập vào bờ, khi thì tiên rơi, day ngang qua, chậm chạp. Khúc cây chằng? Thây ma chằng? Vô lý! Nếu vậy thì nó theo nước xuôi, mất dạng rồi. Đẳng này, nó từ từ trôi ngược. Chú Tư Đức cố nường mắt thấy chấp chóa như muôn ngàn con đóm đóm đậu khít nhau, và trước mũi của chiếc xuồng quái dị nọ, hai tia sáng xanh ngời rọi tới như hai cái đèn « bin ». Nghi ngờ gì nữa. Nó là con sấu lửa mà chú Tư thường nghe mấy người đóng đày nói lại. Hồi đó, chú không tin. Bây giờ chú đã thấy tận mắt con sấu thần đó.

Thiên hạ nói sấu ấy đi có cặp, tu luyện hàng trăm năm rồi, nước mặn đóng trên da nó một lớp dày, sáng chiếu lên như nước biển, đêm có trăng. Người thì cãi lại, bảo rằng đó là ánh sáng của các cô hồn bị sấu ăn thịt.

Chú Tư Đức phập phồng trong dạ, vừa mừng vừa sợ. Có lẽ ông Rốp đã nghe nói đến cặp sấu thần nên quá bị ám ảnh, hôm nọ ông hỏi chú : « Chéc » ghe hay là con « xáu » ! Chú vào đồn kiểm lâm, lập tức đốt đèn lên. Chú lục mấy cái hũ để tìm nẹp. Không có nẹp, chú hốt tạm vài năm lửa, bắt chảo lên bếp, nhúm lửa mà rang.

Lửa nổ ra trắng phếu, nhảy tung bùng trong chảo, văng tứ phía.

Chú Tư Đức bước ra sân, khấn vái lâm râm rồi thả mấy hạt nổ ấy khắp tám hướng đen ngòm :

— Ngay cô hồn các đẳng. Sống thì khôn, thác thì thiêng. Những ai xa cây, xa cội, xa nhánh, đầu bãi cuối gành, hùm tha sấu bắt... Tôi tên là Đức, họ Trương, tuổi Dần.



Thầy hương quân tất tả chạy vào đồn mà hỏi rồi rit :  
— Ông kiểm đâu rồi ? Có ở nhà không ?

Chú tư nói:

— Dạ có, ông đọc sách trên lầu.

Tức thời, thầy hương quản đến chào ông Rốp rồi trình bày:

— Sáu cỡ này lộng quá rồi! Hôm kia nó đập đuôi nhận chiếc xuồng trên đó có hai mẹ con. Mẹ mất xác, đứa con gái bị tấp cụt chun.

Ông Rốp hoảng hốt:

— Dữ quá vậy. Con « xáu » là thú dữ. Bên Phi-châu, bên Ấn-độ cũng có nó. Người Ai-cập hồi xưa sợ con « xáu » ăn thịt nên tôn thờ nó.

Thầy hương quản nóng ruột quá:

— Nhưng mà bên nước mình, tại sông Gành-hào này, nó giết người.

Ông Rốp cảm thấy áy náy:

— Nó giết người dưới sông. Thầy hương quản nên ra lệnh khuyên dân chúng tạm ngưng việc lưu thông dưới sông. Như vậy tiện hơn.

Thầy hương quản nói:

— Dạ không được. Không lui tới dưới sông, dân chúng phải chết đói hết. Lại còn ghe xuồng từ xứ khác tới, làm sao họ biết mà đề phòng. Người ở trên bờ cũng bị sáu tấp nữa kia.

— Sáu chạy lên bờ à?

— Hôm qua, sáu nổi lên lên nữa. Có gái nọ ngồi rửa chén dưới bến, bị sáu tấp, rình luôn cái cầu thang. Hồi lâu, sáu nhả ra, có nọ tỉnh trí lội vào bờ.

— Làm sao bây giờ, thầy hương quản?

— Khó lắm, ông hiểu ư! Dân chúng đang cậy sự bảo hộ của nhà nước Tây trong lúc này. Mình phải giúp họ.

Ông Rốp nhìn mấy cuốn sách bìa da mạ chữ vàng trong tủ rồi lắc đầu, thở dài:

— Trong sách không có nói tới. Mình cứ bắn nó thử. Cây súng của thầy đâu rồi? Bì đạn còn không? Tôi cho thầy mượn cây súng trận của tôi.

Thầy hương quần tỏ vẻ thất vọng. Thầy dư hiểu rằng súng đạn khó mà bắn lủng da con thú nọ. Không khéo, nó bị thương rồi trở nên hung tợn hơn trước. Hơn nữa làm sao bắn nó? Phải đứng dưới ghe. Nghĩ tới đó, thầy sợ quá muốn nhường vai tuồng anh hùng nọ cho ông Rốp:

— Tôi bắn dở lắm, ông kiếm làm à. Ông từng đánh giặc A-lơ-măn, cầm súng giỏi hơn tôi. Ông phải trở tài mới được. Hồi nào tôi giờ tôi chỉ quen cây « cà lip xây », nó yếu lắm.

— Chiều nay, tôi sẽ tính.

Ông Rốp tạm trả lời như vậy để tổng khứ thầy hương quần một cách khéo léo. Ông rất sợ sấu, đó là nhược điểm của trời phú cho. Đó cũng là nguyên nhân khiến ông ít dám đi « rôn » bắt củi lậu thuế; do đó dân làng tưởng lầm rằng ông là kẻ nhơn từ.

Đứng trước tình trạng khó xử đó, ông chợt nghĩ đến Tư Đức, hy vọng rằng « nuôi quân ba tháng, dụng quân một ngày ».

Chú Tư Đức nói với ông:

— Việc đó không khó cho lắm. Từ mấy bữa rày, tôi có ý mong chờ để ra tay. Có hồn đã hiện về báo tin cho tôi biết. Đề đâu sấu này dữ tợn quá vậy!

— Chú hay trước à? Chú có phép? Tôi không tin.

Tư Đức bèn dẫn ông Rốp ra sân, chỉ mấy hột nổ rải ra khắp hướng, đêm hôm trước.

Ông Rốp gật đầu hỏi tiếp:

— Bây giờ mình làm thế nào?

Tư Đức hỏi ngược lại:

— Tôi là kẻ què mùa. Ông cần dạy tôi trước chớ!

— Tôi kiếm chiếc ghe thật lớn. Chú Tư chèo sau lái; tôi đứng trước mũi, rình bắn nó. Được không?

Chú Tư Đức mỉm cười:

— Sáu lâu lâu mới nổi lên một lần. Biết nó nổi ngay khúc sông nào, đúng giờ phút nào mà rình. Chừng hay được thì nó lặn mất. Nếu nó không lặn mất thì..

Chú Tư cố tình không nói dứt. Ông Rốp nhường mắt:

— Thì sao?

— Thì nó quật đuôi, ghe phải chìm. Sáu này dài ít nhứt năm thước. Đưa con nít có thể ngồi chằng hàng cưỡi trên đuôi của nó được. Lớn lắm! Nó nhai luôn cây súng của ông. Sáu đội đèn mà!

Ông Rốp hoảng hồn, chú Tư Đức nói tiếp:

— Để đó cho con tôi trị nó. Miễn là hương chức làng giúp chừng vài trăm cây tre làm bè. Mọi thì dùng heo, chó. Dân « An-nam » xưa nay bắt sáu không cần súng đạn, họ bắt sáu từ hồi Tây chưa qua lặn kia! Phải là thứ sáu nhỏ, tôi lặn xuống sông, bắt lên trong nháy nháy cho ông coi chơi.

— Cách nào?

— Tôi móc con vịt vô lưới câu rồi tôi đứng dưới nước, cầm đầu sợi dây. Chừng sáu lại ăn mỗi vịt, tôi lặn xuống đáy sông, đi vô bờ, ghít đầu dây vào gốc cây mà kéo con sáu nọ lên. Cặp sáu dưới sông kỳ này lớn lắm. Ông cho phép tôi về rừng đem vài món đồ nghề lại. Ông nhắc thầy hương quản cho tôi xin chừng bảy trăm cây tre và bốn người dân ghẹ sức.

Tre dồn về, chú Tư Đức nhay ba con kè một cái bè



thật to, trên đó dựng hai cái thang, cao chừng ba thước.

Năm sáu lưới câu sắt đã buộc vào chung quanh; trên sàn bê, chú Tư xây cái chuồng nhỏ trong đó để hai con heo, một con chó. Nóc chuồng có rơm, lá dừa che lại kỹ.

Hai hôm sau, chú nói :

— Mời quan lớn, thầy hương quản và anh em quen biết xuống bê làm lễ. Tới giờ rồi.

Ông Rốp hỏi :

— Lễ gì ?

— Dạ, lễ cúng cô hồn.

Heo nọ thọc huyết ra để tế cô hồn. Chú Tư rải bột nở khắp sàn và trên mặt sông. Nhang đèn tỏa nghi ngút. Chú bèn đánh lên ba hồi mõ. Xác con heo nọ bị móc vào lưới câu, thả xuống.

— Bây giờ thì mời quan lớn bên bờ. Nếu quan lớn muốn đi theo cũng được.

Ông Rốp nói :

— Thôi... tôi ở trên bờ ghi chép. Bậy quá ! Ở đây mình không có máy chụp hình, tôi muốn chụp làm kỷ niệm để gửi về bên Tây. Cái bê này sao giống chiếc tàu binh ở Ấn-châu quá. Hai cái thang bắt cao lên coi như cây cột dây thép gió.

Ông Rốp, thầy hương quản lần lượt vỗ vai, « bủa rùa » hai cha con chú Tư. Chú hút thuốc rồi hỏi đứa con trai :

— Thùng cơm khô con có đem theo không ?

Nó đáp :

— Dạ có.

— Nhiều hay ít vậy con ?

— Nhiều lắm. Đủ ăn ba bốn ngày. Con có mua chịch cho cha một lít rượu.

Đưa bé trao chuyền qua Tư Đức bóp cái ống tre đựng đầy ngọn mun (lao sắt). Phần nó thì cầm cái mõ bằng tre.

Ngày qua, ngày lại.

Chiếc bè trôi lên trôi xuống theo nước lớn nước ròng. Hai cha con Tư Đức ngồi củ rũ bên chuồng nọ. Tỉnh thoảng, chú nhắc hừng thảng bé, bảo nó chọc cho con heo, con chó kêu lên.

rên này, ông Rốp mãi theo dõi, nhưng lần lần thất vọng. Qua ba ngày sau, miếng mỡ (con heo) đã sinh nổi lên, diền qua, kên kên bu lại kêu ồm ồm. Chú bèn thọc huyết con heo còn lại mà thay vào.

Con chó sữa ngày một thốn mồn, yì mết, vì đói.

Đã đến ngày thứ tư. Mặt trời chưa mọc là ông Rốp bỗng giật mình thức dậy vì tiếng mõ nổi lên inh ỏi.

Ông lập tức xuống lầu, chạy lại mé sông nhưng nào thấy gì đâu! Sương mù chưa tan, chỉ nghe dưới sông tiếng ồ ồ như bầy trâu đang lội. Ông thủ cây súng trận nạp đạn vào nòng, chờ bớp cò.

Thầy hương quản đã đến:

— Ông kiểm ới! Nó mắc câu rồi! Ông có nghe tiếng mõ không?

Rồi thầy quát to:

— Hương áp đâu? Hương tuần đâu? Mấy người chạy khắp xóm mà truyền rao mỗi nhà phải đánh mõ, đánh trống lên... Không thì đập xuống ván ngựa, đánh vô mâm than, nôi đồng gì cũng được. Minh phải tiếp sức với hai cha con Tư Đức!

Nặng lên cap.

Tiếng mõ dưới sông càng thức giấc. Nó rằng cha con Tư Đức đang đứng chót vót trên hai cái thớt, lữ

khỏi mặt nước. Chiếc bè đâu không thấy ! Hai cái thang nọ chạy tới hàng trăm thước, đứng sừng lại rồi vụt chạy lui, nhanh hơn tàu đò.

Từ Đức cầm ngọn lao, hờm sẵn. Đưa con đứng kế bên gõ vào mõ lia lia. Hai cái thang lắc qua lắc lại như cột buồm ghe bị bão, vậy mà họ không té. Chập sau, cách chiếc bè chừng năm mươi thước, con sấu mắc câu bỗng nổi lên thoi thóp, dài như chiếc ghe độc mộc.

Chiếc bè từ từ nổi lên.

Dân chúng hai bên bờ la lớn :

— Nó kia ! Trời ơi ! Làm sao giết nó mau.

— Mình phải tiếp sức với Từ Đức.

— Trời thần ơi ! Thằng nhỏ con của Từ Đức gan dạ quá. Thiệt cha nào con nấy !

Ông kiểm lâm Rốp liền nói với thầy hương quản :

— Đề tôi bắn con sấu !

Thầy hương quản vô cùng e ngại :

— Không nên ! Quan lớn đừng làm vậy ! Sấu hoảng hồn chạy mạnh quá đứt dây dổi thì sao ?

Một người phía sau nói với tôi :

— Sợ bắn không trúng con sấu mà nhè bắn trúng sợi dây ! Bão hại công trình của người ta chịu cực mấy ngày rày.

Thầy hương quản dạy lại :

— Đứa nào đó ? Đừng nói bậy. Ông kiểm lâm ổng buồn.

Hằng chục người, một tiếng thét to :

— Giết chết nó đi !

Mặc dầu bị nước văng lên, mình mẩy ướt loi ngoi lóp ngóp, chú Từ Đức vẫn tinh táo phóng xuống lưng con sấu một ngọn lao.

Sấu nọ hụp xuống, ghì chiếc bè khuất dưới nước.

Hai cha con Tư Đức đứng chèo leo trên thang mà chờ, ngọn lao khác hém sẵn nơi tay. Ông Rốp há miệng, nói với thầy hương quản :

— Hay quá ! Cái bè này giống chiếc tàu lặn đó. Khuyết hết chỉ còn hai cái thang.

Chưa dứt lời, sấu nọ nổi lên, nồn éo đập đuôi đùng đùng. Ngọn lao ghim trên lưng nó khi nãy đã văng đầu, mất !

Tư Đức hươi tay lên, phóng xuống ngọn lao khác. Rồi không đợi nó lặn xuống, nhanh như chớp, chú phóng thêm ngọn nữa, cũng ngay lưng.

Sấu ta lại chìm.

Nhưng từ phía xa, một con sấu lạ hiện ra, lội nhanh tới sát hai cái thang của cha con Tư Đức. Ai nấy rú lên :

— Sấu đực chạy lại tiếp sấu cái. Coi chừng nó nghe chú Tư !

Thầy hương quản la lớn :

— Đánh trống, đánh mâm thau cho nó sợ. Bà con mình cứ đứng coi hoài, quên hết phận sự. Tê quá !

Một mình mà đối phó với hai con sấu ! Tinh thể của chú Tư Đức càng nguy ngập ! Lợi hại như là con sấu mao hiểm vừa xuất hiện đến cứu nạn. Nó còn sung sức, dấm đánh bao lại sát bè. Miệng nó đỏ hói, hàm răng dài như lưỡi cưa. Bình tĩnh, chú chờ nó lại gần.

Hai cây lao phóng xuống.

Sấu ta quay mình lại, đập đuôi thật mạnh vào hai cái thang. Hai cha con Tư Đức để phóng kịp thời nên không té nhào.

Con sấu lạ nọ lại nổi lên đằng xa, quấy nước rồi lặn mất.

Trong khi ấy, bè tre từ từ nổi lên, sợi dãi dài rung rinh. Nơi đầu dây đằng kia, con sấu bị mắc cau đã quá mệt mỏi, nằm lê đé.

Mấy cây lao còn lại trong ống tre đã lần lượt phóng xuống, sấu ta không còn đủ sức để hít mấy mũi sắt đó nữa. Hần lác lư cái đầu rồi khuất dạng như chiếc tàu chìm.

Phen này, chiếc bè không bị ghi xuống như trước.

Chú Tư vô-cùng mừng rỡ, đoán chừng sấu nọ chịu chết. Đưa con trai của chú ngưng tiếng mõ. Chú lấy khăn chùi mấy giọt nước trên mặt rồi quơ khăn lên, làm dấu hiệu :

— Bà con đâm xuống ra mau để kéo bè này vô bờ !  
Tôi mệt quá rồi !

Hàng chục chiếc xuống và ghe biên đâm ra. Ai nấy huộc dãi vào bè rồi cố sức kéo. Họ vừa mừng vừa cảm động. Trên bè, không còn một món gì ráo ; chường heo, thúng cơm khô, chai rượu đều vắng mặt. Nhiều nược mây bị đứt, chiếc bè dường như sắp rã ra từng cây tre như cuộc chiến đấu kéo thêm vài giờ nữa.

Vừa bước lên bờ, chú Tư Đức liền gặp ông kiêm Mâm Rốp. Ông ôm chú và thằng bé nọ vào lòng rồi nói tu tít :

— Giỏi quá ! Chú Tư giỏi quá ! Thằng nhỏ gan quá ! Nó bị bịnh rét mà còn mạnh quá ! Tôi mới hai cha con vô đờn.

Chú Tư Đức nhìn lại xác con sấu mà mỉm cười :

— Để tôi ở lại coi nó.

Ông Rốp nói :

— Thầy hương quản ơi ! Trước khi mở bụng con sấu, thầy phải cho tôi hay nghe. Tôi dẫn chú Tư vô đờn uống rượu ấm, thay quần áo để chú Tư nghỉ bịnh.

Vào đờn, ông Rốp bắt buộc chú Tư phải nằm xuống nghỉ mệt, thay quần áo ka ki mới, đắp mền.

— Rượu « cổ nhạc » bên Tây nè ! Uống đi chú Tư. Rượu này của mẹ tôi bên cũ lao « Cọt » gởi riêng qua cho tôi.

Chú Tư hớp một miếng :

— Được rồi, quan lớn.

Ông kiem lăm nói :

— Uống hết đi ! Tôi rót nữa cho.

Miệng nói, tay của ông thoa bóp lia lia giúp chú Tư :

— Hết sức giỏi ? Người « An-nam » hết sức giỏi. Chú Tư câu được bao nhiêu sấu rồi ? Học nghề với ai vậy ?

Chú Tư nói :

— Dạ, nghiệp của ông bà truyền lại. Bây giờ con cháu noi theo.

Ông Rốp gật đầu :

— Phải ! Bữa nào chú nói kỹ lại cách thức câu sấu để tôi viết thành cuốn sách, gởi về bên Tây cho mẹ tôi được biết. Rồi chú ráng câu con sấu còn lại. Chừng đó tôi đi theo, đứng trên cái thang đánh mõ thử một lần.

Chú Tư suy nghĩ :

— Không được đâu !

— Con sấu kia lợi hại lắm. Phải trừ cho hết. Tôi đọc trong sách thấy rằng loại sấu lớn thường ở nơi yên tĩnh, luôn luôn đi hai con đực và cái.

— Ông lớn nói đúng. Nhưng mình giết một con đủ rồi, giết hết mình có tội với Trời Đất.

— Tội gì vậy, chú Tư ?

— Tội sát sanh. Để con còn lại cho nó đi tu. Đạo Phật của ông bà có nói lại như vậy đó.

Ông Rộp mãi suy nghĩ, vu<sup>+</sup> râu :

— Dân « An-nam » giỏi quá, hiền từ quá. Chú Tư họ gì, mấy tuổi. Để tôi chạy tờ về quan tham biện chủ tỉnh xuất số tiền về thưởng công lao cho chú. Chú muốn làm lính kiếm làm không ? Tôi cho chú làm chức « bếp », ăn lương mỗi tháng mười lăm đồng bạc.

Chú Tư Đức cười :

— Vì đất nước chớ đâu phải vì danh vì lợi. Sách có chữ : « Kiến nghĩa bất vi vô dũng giả, lâm nguy bất cứu mạc anh hùng ». Công việc của tôi đã làm tròn. Tôi ao ước hưởng chức làng mình cắt một cái miếu lá, thờ cái đầu con sấu nọ. Bất luận là sấu hay cọp, hệ nó hại mình thì mình giết. Hễ giết được rồi, mình nên thờ..

— Chi vậy ?

— Để tỏ rằng mình sợ nó nhưng mà cũng... không sợ nó. Phải để cho nó tu tâm dưỡng tánh trong kiếp sau. Tôi không ưa sát sanh. Tôi muốn làm nghề khác.

— Nghề gì ?

— Nghề đốn củi. Chừng hết củi thì đào kinh, làm ruộng. Phen này tôi mừng vì trừ được vong hồn mấy người đã bị sấu ăn thịt. Theo lời tục truyền : họ thành cô hồn, sống vất vưởng trên lưng sấu. Lần lần cô hồn nọ bị sấu mê hoặc nên dẫn đường đất nẻo cho sấu đi sát hai kẻ đồng loại. Bây giờ sấu chết, bao nhiêu cô hồn đã thành thoi, có thể tự do đi đâu thai trở thành người lương thiện.

Ông Rộp trầm ngâm suy nghĩ. Ông dè dặt người đốn củi lậu nọ có tài, có đức, biết thương người, thương cuộc đời đến mức ấy.

Ông chấp tay lại mà nói :

— Tôi khen chú nhiều lắm.

Chú Tư Đức bèn chấp tay xá ông Rộp mà trả lễ :

— Ông xá tôi, tôi ngại quá. Giống như hình ông vua

Hỵ-lạp với thầy tu Ấn-độ trên vách, dưới tấm « bồng đồ ». Hôm nọ, hồi tôi mới bị bắt, ông nói cái tích « xơ lạnh đa » gì đó...

Ông Rốp giục mình, nhìn lại bức tranh, tấm bản đồ châu Âu, châu Á rồi sức nhớ tôi mấy lời nói hôm trước. Tấm hình nọ diễn lại cảnh đẹp ngàn xưa : hai ngàn năm về trước, tại hoàng thành của tiên quốc nọ ở phía bắc Ấn-độ, lần đầu tiên người phương Đông và phương Tây thông cảm nhau, cư xử bình đẳng. Giờ đây, qua bao cuộc luân hồi, hưng vọng đầy nước mắt và máu trên giải đất tận cùng của nước Việt-nam, lại có hai người cùng đồng cảnh ngộ, đồng niềm thông cảm.

Ông Rốp buột miệng :

— Chú Tư Đức là thầy tu Na-ga-sơ-na.

Chú Tư nói :

— Trời ơi ! Không dám, tội chết ! Tôi là người làm ăn. Tôi không xứng đáng lên Niết Bàn. Quan lớn có thương thì cho tôi xin lại, chiếc xương bị tịch thu bỏ « phủ de » hôm rày. Nó là nỗi cơm của tôi. Để trên khô, nó mau hư lắm.

Chú Tư Đức muốn nói thêm nữa. Chú muốn vì phận mình như một cô hồn bị sấu ăn thịt, hôm rày sống vất vưởng trong đôn này như sống trên lưng con sấu đội đèn nọ. Không khéo, thiếu khí mạch ngang tàng, chú có thể bị ông Rốp quyền rũ làm « bầy » kiếm làm.

Chú không dám nói ra điều ấy e mất lòng ông Rốp. Chú lắng tai, chờ lệnh xá tội, trả lại chiếc xương. Nhưng ông Rốp dường như không chú ý. Có lẽ ông đang suy nghĩ chuyện khác. Ông chấp tay sau lưng, đi tới đi lui cứ nhìn bức tranh và tấm bản đồ, đôi mắt mơ mơ màng màng như sấm hồi trong giây phút những sự hiển lâm chông chất trong tâm ông từ mấy chục năm qua.



**Đồng tử cười lồm, thầy hương quản gọi vọng lên :**

**— Quan lớn ơi! Chú Tư ơi! Xuống đây mà xem.  
Bà con đang mổ bụng con sấu, lớn lắm. Thằng con của  
chú Tư cưỡi trên cái đuôi sấu mà hai chân nó như hông  
mặt đất lộn kia!**

